

NĂM THỨ MUỖI LĂM • # 175 • NOVEMBER 2003

THE KỶ 21

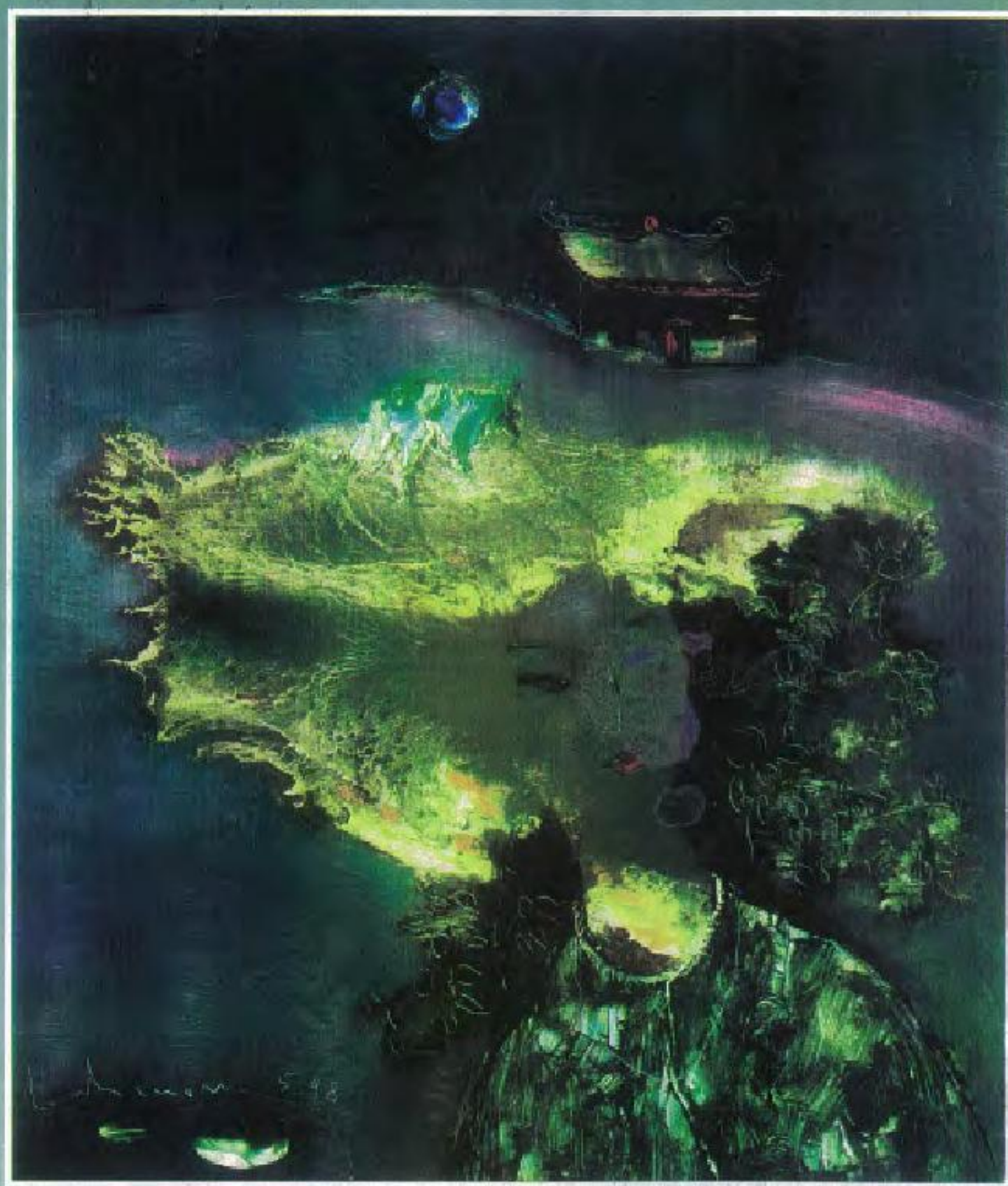
14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA

E-mail: theky@kicon.com

Điện thoại Trị sự: (714) 775-6301 Tòa soạn: (714) 890-6002

BÁO
VIỆT
NGŨ
Ở
NGA

LAN
HƯƠNG



NHẢY CHÂN SÁO SONG THAO

NÉT HUẾ TRONG TÁC PHẨM

CỦA HỌA SĨ TÔN THẤT SA BÙI OANH HẰNG

Trung Tâm Văn Sơn hân hạnh giới thiệu bộ Video
Văn Sơn 25 - Hoa Hậu Việt Nam Thế Giới Lần II
Một món quà tinh thần vui vẻ nhất trong dịp lễ Labor Day 1 tháng 9-2003
Đã được phát hành rộng rãi khắp nơi bằng DVD & Video Tape.
Điện thoại: (714) 799-1566 * Fax: (714) 799-1577

SÂN KHẤU VÀ NỤ CƯỜI

VĂN SƠN 25

HOA HẬU
VIỆT NAM
IN THE GIỚI

HOLUSTON

TRUY PHÂN

NGOC LAM - THANH TRUC - NGUYEN PHAM

DOMINIC PEREIRA

HUYEN NHAT TAN

VAN SON ENTERTAINMENT 9282 60th Avenue Westminster CA 92683 Tel: (714) 799-1566 Fax: (714) 799-1577

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683

Tel.: (417) 585 - 4666, (714) 839 - 8746

Email: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp chí THẾ KỶ 21: Một tặng phẩm đầy ý nghĩa

PHIẾU ĐẶT MUA/GIA HẠN/TẶNG BẢO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận/Full name: _____

Địa chỉ/ Address: _____

Phone/Fax/E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order #: _____

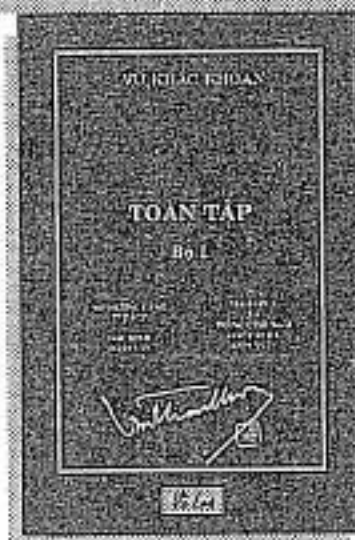
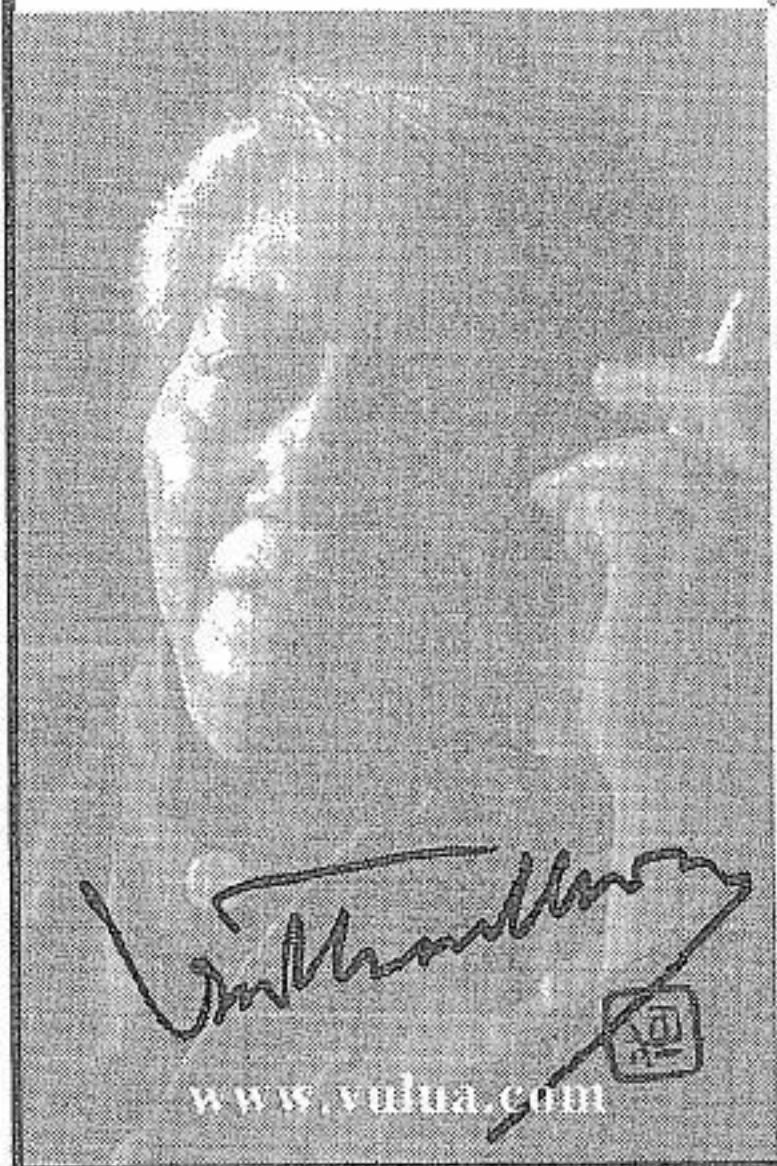
Số tiền/Amount: _____

	1 năm/1 year	2 năm/ 2 years	Ghi chú/Notes
Media Mail (AirMail)	US \$50.00	US \$90.00	
Hạng nhất / First class	US \$64.00	US \$120.00	
Canada	US \$68.00	US \$130.00	
Châu Âu/Europe(Air Mail)	US \$88.00 \$90.00 US	US \$170.00 US \$170.00	Mới (New)
Châu Á, Châu Úc/Asia, Australia(Air Mail)	US \$98.00 US \$106.00	US \$185 US \$196.00	Mới (New)

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11 năm 2002 (Effective Nov. 1, 2002)

TRUNG TÂM VŨ LỰA
TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU

VŨ KHẮC KHOAN



toàn tập
Bộ I
Giá 60My Kim
(trọn bộ)

Gồm 3 tác phẩm:



Giá 25My Kim



Giá 20My Kim



Giá 20My Kim

Địa chỉ liên lạc: 12612 Groveview St. Garden Grove. CA. 92840 . 714-308-1251

HAPPY CAR RENTAL TRUNG TÂM CHO THUÊ XE



* Thành thật * Phục vụ vui vẻ
* Bảo đảm giá rẻ nhất cho
quý đồng hương

Mở cửa từ thứ Hai - thứ Bảy
9:00 AM - 6:30 PM

Chuyên cho thuê: Xe 4 cửa và các loại xe Van đời mới
8041 Bolsa Ave., Midway City, CA. 92655
(Gần góc đường Beach, bên cạnh Cali Auto Sale)

Auto Wax: * Rửa xe, đánh bóng * Có phục vụ mượn xe miễn phí
* Detail cho các loại xe trong lúc chờ đợi.

Tel: (714) 269-2915 or (714) 892-5158 * Fax: (714) 892-3739

BÀN DIỄN TẬP

Bùi Bích Hà, Hoàng Chiêu Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm



MỤC LỤC

Số 174 – Tháng Mười 2003

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

- 11. Bác sĩ Mahathir Mohamad từ già chính trường – Ngô Nhân Dụng
- 14. Bốn mươi năm sau – Trần Ngọc Ninh
- 20. Hoa Kỳ-Một đế quốc bất đắc dĩ – Nguyễn Gia Tiến
- 22. Bàn về các quả bong bóng đầu tư – P/V Giáo sư Phạm Đỗ Chí
- 25. Làng báo ở Nga – Lan Hương
- 30. Từ chính sử đến dã sử – Cổ Lũy
- 38. Một số suy nghĩ nhân vụ Bùi Đình Thi – Phạm Xuân Đài
- 45. Người xưa, đất cũ – Sơn Diễm Vũ Ngọc Ánh
- 53. Nguyễn Văn Tường tham lam? – Nguyễn Quốc Trị
- 63. Nét Huế trong tác phẩm của họa sĩ Tôn Thất Sa – Bùi Oanh Hằng

VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT

- 71. Bùi Giáng giữa chúng ta – Trần Hữu Thục
- 78. Đại Hội điện ảnh Việt Nam Quốc tế – Nguyên Huy, Phạm Xuân Đài
- 97. Cơn khát – Kiều Duy Vĩnh
- 101. Kiếp Văn chương – Tôn Nữ Thu Nga
- 103. Đi hay ở – Nguyễn Hữu Chi
- 110. Côn Luân Nô – Lê Mạnh Hùng dịch
- 113. Một đám cưới – Võ Doãn Nhân

THƠ

- 37. Em đi xem lễ – Hoàng Duy Khánh
- 104. Bến quê – Nguyễn Bạch Dương
- 108. Kỷ niệm – Lê Thị Kim
- 111. Mộng – Cổ Ngự
- 114. Hai mươi bảy năm – Trần Văn Lệ

Bìa: Lá Sen, tranh Đinh Cường, sơn dầu 24 x 30 “
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Trình bày: Lê My
Hí họa: Babui
Minh họa: Bé Ký, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp
Ảnh: Nguyên Huy, Vũ Quý Hạo Nhiên, Nguyễn Tường Thiết, Tôn Nữ Thu Nga, tư liệu

MỤC THƯỜNG LỆ

- 7. Bạn đọc viết
- 10. Tòa soạn và Bạn đọc – Thư trị sự
- 82. Sổ tay – Ngô Nhân Dụng
- 89. Đời sống quanh ta – Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Từ Nguyên

vợ tôi cũng cho con tôi đi thi vẽ chuyển vừa rồi, vì vợ tôi vẫn bệnh vực cái tính ưa vẽ vời của nó. Và đó cũng là đề tài một số trận cãi vã giữa chúng tôi.

Nguyễn Tiên Thân (Oregon)

Cổ tích và thần tiên

Hai bức tranh Trung Thu nằm ở hàng trên, bìa báo Thế Kỷ 21 số 174 thật là độc đáo. Quý vị cứ tự hỏi, có người lớn nào vẽ Trung Thu như thế hay không? Tôi chắc chắn không thể nào có được! Những bức tranh như thế chỉ có thể là sản phẩm của một tâm hồn ngây thơ, *tưởng tượng* một hình ảnh Trung Thu theo ý mình. Không có những hình ảnh cổ điển về Trung Thu như các em bé đi rước đèn, múa lân, ăn bánh bên cạnh ông bà cha mẹ, hoặc trừu tượng hơn một chút, “ánh trăng trắng ngà có cây đa to” v.v... mà đây là những *thế giới*, được xây dựng một cách kỳ bí chỉ trong đầu óc các em nhi đồng thôi. Nhìn những bức tranh này, tôi có cảm giác giống như hồi nhỏ nghe truyện cổ tích, nghe tới đâu là trong đầu mình xây dựng tức thì những hình ảnh theo câu chuyện đến đó. Ví dụ chuyện An Khế Trả Vàng, tôi có ngay trong đầu mình hình ảnh con quạ thật to đến ăn khế nhà nọ. Nhưng to đến mức nào? Chiu. Không có một tỉ lệ hợp lý nào cả. Nó to nhưng vẫn có thể đậu trên cành khế để mà ăn quả, và khi cần thì vẫn có thể chở một người trên lưng nó như thường. Có thể khi đậu trên cây khế thì nó không to hơn con quạ bình thường là mấy, hoặc chỉ cùng cỡ đó thôi (vì như thế mới “hợp lý”), nhưng khi chở người thì nó đột nhiên lớn hơn cả trăm lần (cũng chỉ vì như thế mới “hợp lý”). Cái lý trong đầu óc trẻ con thì chẳng có lý tí nào hết theo cái nhìn của người lớn. Con nít vẽ những ý tưởng ấy ra thì thành tranh của mình, không phải trừu tượng, không phải hiện thực, mà nó *là như thế*, đúng với những gì mình có trong đầu thế thôi. Hãy xem con rồng trong bức tranh ở bìa báo, mà tác giả Phạm Phú Minh đoán là một đám rước rồng, nhưng theo tôi thì chưa chắc. Có thể nó đến đây từ một ý tưởng cổ tích, và đám con nít cầm đèn chơi quanh nó cũng trong một thế giới thần tiên chợt nảy ra trong đầu tác giả trong lúc thực hiện tác phẩm dự thi. Tất cả là thực mà cũng rất là không thực. Chỉ có mặt trăng như là một sự thực vĩnh cửu chứng kiến từ trên cao.

Tôi không có mặt tại cuộc thi nhưng cũng chia xẻ được những xúc động của tác giả bài *Xem tranh thiếu nhi*: “... Tôi cúi xuống nhìn các em vẽ, lòng đầy biết ơn được ngập trong thứ ánh sáng trong trẻo mà hơn hai trăm em đã mang vào phòng thi này.”

Mộng Hùng (Internet)

Hãy viết về Sài Gòn!

Rất đồng ý với ông Tu Phan trong mục *Bạn Đọc Viết* số 174 vừa rồi. Tại sao không viết về Sài Gòn? Thành phố của cái mới. Thành phố của khai phá. Thành phố của sức sống. Của dân tộc Việt Nam chứ không của miền Nam miền Bắc gì cả.

Sau 1975, Hà Nội là một cái gì gây tò mò cho người miền Nam, nhất là giới cầm bút, vì ảnh hưởng của nó trong văn học rất lớn – tôi muốn nói văn học Việt Nam trước 1945. Vì bị cấm cản suốt mấy mươi năm đất nước chia cắt, nhiều người háo hức muốn thăm, muốn tìm hiểu, muốn viết về Hà Nội. Nhưng đó chỉ như là cuộc chơi niệm tập thể, sau cơn lên đồng rồi thì tôi nghĩ các nhà cầm bút, nhất là từ miền Nam, chẳng còn gì nhiều để viết tiếp về nó nữa, trừ những nhà viết sử, vì Hà Nội chính là quá khứ chứ không phải là tương lai. Nhất là với cuộc đào xới khảo cổ lớn lao tại khu Ba Đình hiện tại, Hà Nội lại chìm sâu vào quá khứ hơn nữa.

Trong khi đó Sài Gòn mới là nơi đáng viết. Sức sống tuôn trào. Sức sống mới bắt đầu cách đây có ba trăm năm, còn trẻ trung sung sức, nhất là nó có hai mươi năm đóng vai thủ đô của Việt Nam Cộng Hòa, điều đó đã tạo cho nó nhiều lực đẩy bây giờ vẫn còn.

Tôi nghĩ làm những số báo về các thành phố hay những địa phương khác nhau cũng là điều hay, nhất là cho đồng bào tị nạn ở nước ngoài để thấy gần gũi với đất nước mình hơn. Về khảo cứu, về tâm tình, mặt nào cũng nên cả. Nên yêu cầu những hội ái hữu địa phương và rộng rãi bạn đọc cộng tác. Sẽ có những địa danh trước nay ít được để ý bỗng hiện ra với tất cả vẻ đẹp và tâm tình tha thiết của nó.

Lê Phương Mai (Internet)

Đời sống quanh ta

Vài số báo gần đây, tôi thấy mục *Đời Sống Quanh Ta* có phần khởi sắc, vì có thêm phần đời sống của nước Pháp với tác giả Từ Nguyên

Tòa soạn và bạn đọc Hộp thư tri sự

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Nguyễn Hữu Chi, Phạm Đỗ Chí, Lan Hương, Trần Hữu Thực, Nguyễn Đức Cung, Chu Vương Miện, Trần Huy Sao, Nguyễn Gia Tiến, Võ Doãn Nhân, Nguyễn Quốc Trị, Song Thao, Xuân Quang, Hồng Châu, Bùi Oanh Hằng, Dương Như Nguyễn, Lê Mạnh Hùng, Mạc Phi Thiện, Xuân Liễu.

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Trình Nhu Hoa TX – Nguyễn Hưng Vu CA – Trương Thị Kim Anh Norway – Nguyễn Tân Vinh Norway – Nguyễn Ngọc Lưu CA – Trình Văn Tay CA – Phạm Quốc Phú OK – Nguyễn An CA – Thích Minh Đức CA – Nghiêm Xuân Khuyen CA – Đào Đan CA – Nguyễn Hữu Cua CA – Trần Thiên Do CA – Đàm Dung CA – Lê Nhân Tien TX – Nguyễn Văn Quỳnh CA – Hà Văn Tài MA – Nguyễn Ngọc Lien NJ – Ewing Diep FL – Buu Hoan VA – Võ Trọng Diéc CA – Nguyễn Văn Hien CA – Trần Khanh Toàn OK – Phạm Toàn NY – Nguyễn Thị Lê LA – Nguyễn Phương England – Lê Văn Xe Japan – Lê Hieu Liem CA – Tạ Anh Tuyết FL – Trần Ai CA – Vũ Gia An VA – Nguyễn Đạt Canada – Charles Do CA – Phúc Phung MN – Quan Thụy Hoài CA – Nguyễn Thị Tiet Germany – Lê Quang Thông Germany – Bùi Hạnh Nghi Germany – Huỳnh Hoàng Cuong NY – Robert P. Neathery WA – Nguyễn Đình Cuong CA – Lê Thị Lan CA – Tôn Thất An MA – Phan Công Linh CT – John C Diep FL – Thanh Bui MD – Phan Trọng Lê VA – Trương Văn Tung CA – Thái Thị Mai FL – Lê Quang Minh CA – Trương Minh Cuong CA – Trần Anh Tuấn CA – Nguyễn Tú Dâu CA – Đặng Thị Nham VA – Mai Việt Thụy Australia – Nguyễn Tân Sy TX – Phạm De OH – Vũ Văn Đình CA – Lib: DWC Library IA – Huyền Tôn Nu Lien Hương VA – Nguyễn Hữu Việt OK – Do Cam Vy CA – Nguyễn Kim Hưng CA – Thuận Hua MO – Nguyễn Tường Văn MD – Nguyễn Cao Hoàng CA – Nguyễn Ngọc Thụy CA – Nguyễn Giao

OK – Nguyễn Văn Hương PA – Lê Công Giao CA – Diệp Lưu OH – Trương Ngọc Tích TX – Do Văn Khanh CA – Võ Việt Quy MD – Nguyễn Đức Tam IL – Nguyễn Hữu Dien AL – Tường Nang Tiên CA – Vũ Lộc CA – Nguyễn Văn San CA – Nguyễn Thị Ty France – Lê Văn Tu WI – Nguyễn Tường Việt VA – Nguyễn Xuân Ngát IL – Tôn Anh Văn MA – Nguyễn Lâm OH – Hoàng Tuy An CA – Nguyễn Văn Kim PARIS – Phan Văn Quang – VA.

ĐỘC GIẢ MỚI

Nguyễn Minh Thanh TX – Phan Văn Thương CA – Võ Cung NC – Phạm Phương Minh GA – Sushi Bar Germany – Dr Văn Thụy Ewynn CA – Dinh Viên TX – Lê Xuân Chinh VA – Nguyễn Xuân Can GA – Phạm Bang Ho OR – Đặng Văn Phương OH.

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Lê Đình Khoi CA – Nguyễn Hưng Vu CA – Trần Ai CA – Dinh Xuân Quan CA – Susan Lam VA – Dinh Xuân Quan CA – Dương Thiệu Hưng MD – Nguyễn Tường Thạch TX – Lê Công Giao CA – Diệp Lưu OH.

Cái chết của những ông vua
thời chiến tranh lạnh

**Vụ ám sát
Ngô Đình Diệm
& J.F. Kennedy**

CHARLEY S. O'LEARY
EDWARD LEE



Nhà sách TỰ LỰC kính mời quý vị tìm đọc: Cái
chết của những ông Vua thời chiến tranh lạnh -
Vụ ám sát Ngô Đình Diệm & J.F. Kennedy

Tự Lực: (714) 531 - 5290

www.tuluc.com

Bush cho tùy viên báo chí của ông ra nói với các nhà báo rằng ông đã thắng thán bấy tỏ bất đồng ý kiến với ông Mahathir về câu nói đối với người Do Thái. Ngoại trưởng Mã Lai Hamid Albar đã giải thích với Ngoại trưởng Mỹ Colin L. Powell rằng bài diễn văn của ông Mahathir thực ra nhắm công kích các quốc gia Hồi Giáo và tín đồ đạo Islam hơn là chống người Do Thái!

Ông Mahathir và người Hồi Giáo

Và khi đọc nguyên bài diễn văn của ông Mahathir trước 57 nhà lãnh đạo các quốc gia Hồi Giáo thì chúng ta thấy đúng như vậy. Ông nhắm đánh thức các dân tộc theo đạo Islam hơn là chỉ trích người Do Thái, mà ông chỉ nhắc đến trong mấy câu.

Ông Mahathir đã thắng thán chỉ trích các giáo sĩ Hồi Giáo cực đoan. Ông cho là 1 tỷ 300 triệu người Hồi Giáo suy yếu chính vì các giáo sĩ này, "Vì chúng ta không chịu học khoa học và toán học" dưới ảnh hưởng của các giáo sĩ cổ hủ chỉ tôn sùng các giáo điều cũ. Kết quả là "Ngày nay, cả khối Hồi Giáo chúng ta bị khinh khi, bị làm mất danh dự. Tôn giáo của chúng ta bị coi thường, đất thánh của chúng ta bị xúc phạm (ám chỉ quân Mỹ đóng ở Ả Rập Sau đi). Xứ sở của chúng ta bị chiếm đóng (ám chỉ xứ Palestine, Afghanistan và Iraq.) Dân chúng của chúng ta chết đói và bị giết..."

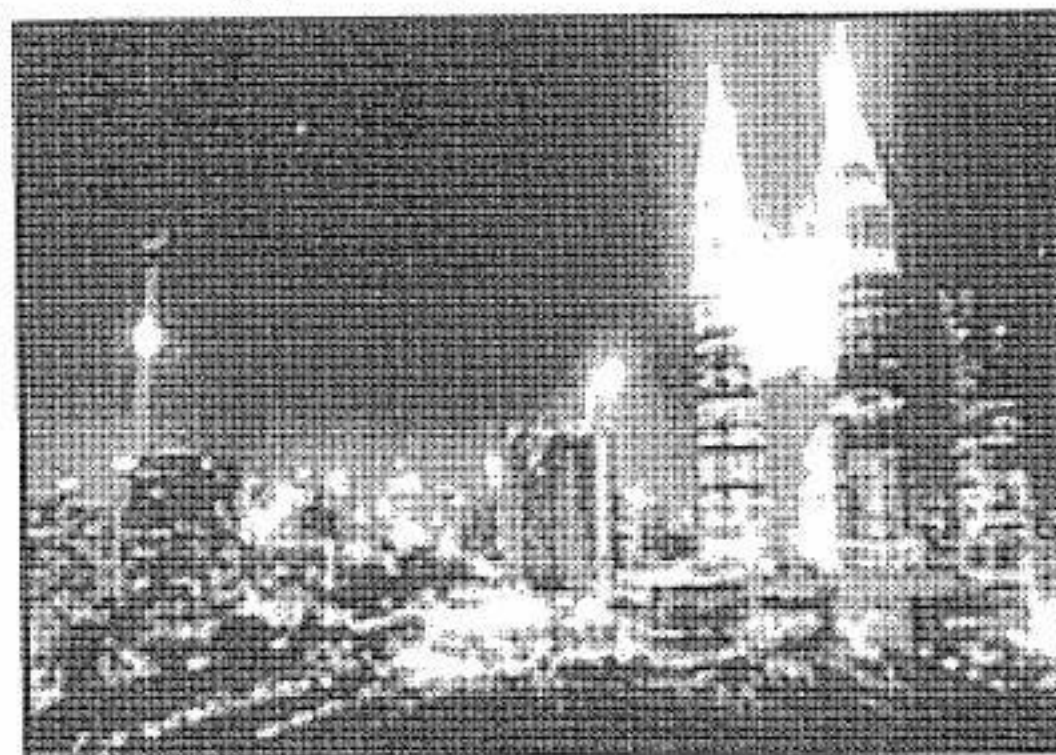
Ông phê bình thái độ của người Hồi Giáo: "Phản ứng duy nhất của chúng ta là tăng thêm cơn giận dữ. Người đang giận dữ thì không thể suy nghĩ chín chắn. Vì vậy nhiều người trong chúng ta hành động phi lý. Họ tấn công, giết bao nhiêu người kể cả người Hồi Giáo cho người cơn giận dữ..."

Mô tả cảnh tuyệt vọng của 1.3 tỷ người Hồi Giáo trên thế giới, ông nói, "Trong các quốc gia và dân tộc Hồi Giáo có một nỗi tuyệt vọng ... Nhưng có phải là chúng ta hoàn toàn bất lực không làm gì được hay không? Có phải một khối 1.3 tỷ người không thể làm gì để thoát khỏi cảnh nhục nhã và áp bức do một kẻ thù nhỏ bé hơn gây ra hay không? Có cách nào khác ngoài cách kêu gọi những thanh niên của chúng ta (ôm bom) tự sát và giết người để mời (bên địch trả đũa) tàn sát thêm nhiều người của chúng ta hay không?" Câu này phù hợp với thái độ mà ông Mahathir đã bày tỏ là phản đối những cuộc ô-m bom tự sát để giết người Do

Thái ở Palestine. Tiếp theo, ông Mahathir nhắc nhở các người đồng đạo: "Thực ra chúng ta biết chúng ta rất mạnh; 1 tỷ 300 triệu người không thể bị xóa bỏ đi được." Tiếp theo ông mới nói, như nêu một tấm gương, "Những người ở Âu châu đã giết 6 triệu trong số 12 triệu người Do Thái. Nhưng ngày nay người Do Thái đang điều khiển thế giới bằng bàn tay người khác. Họ biết dùng người khác đi đánh nhau và chết thay cho họ."

Ông Mahathir nói tiếp, "Chúng ta biết không phải tất cả những người không Hồi Giáo đều chống chúng ta ... Ngay trong số người Do Thái, cũng có nhiều người không chấp nhận chính sách của chính phủ Israel ... Chúng ta không nên làm tất cả mọi người ghét chúng ta. Chúng ta cần chinh phục khối óc và con tim của họ ... Chúng ta phải lôi kéo họ về phía mình, không phải bằng cách van xin họ giúp đỡ, nhưng bằng cách tự tranh đấu cứu lấy mình trong danh dự. Chúng ta không được làm cho kẻ địch mạnh hơn bằng cách đẩy tất cả mọi người về phía chúng qua những hành động vô trách nhiệm và phản Hồi Giáo." Một lần nữa, ông lại ám chỉ các vụ khủng bố có tính cách cực đoan.

Ông nói thêm về tấm gương trong lịch sử người Do Thái với những lời lẽ thán phục: "Chúng ta đang đối đầu với một dân tộc biết suy nghĩ. Họ tồn tại được sau 2000 năm với những cuộc tàn sát người Do Thái (pogrom) không phải bằng cách đánh lại mà còn bằng suy nghĩ. Họ đã sáng chế ra những chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, nhân quyền và chế độ dân chủ khiến cho (ai cũng thấy) việc áp chế họ là sai, nhờ thế họ có thể sống bình đẳng với những người khác. Nhờ thế ngày nay họ có thể nắm quyền được ở nhiều quốc gia và họ,



Tòa nhà đôi, cao nhất thế giới ở thủ đô của Malaysia

cũng làm cho các nước Âu Mỹ bực mình. Thứ nhất, ông đã kích các nhà tư bản đã rút tiền ra khỏi các nước Đông Nam Á nhanh chóng thúc cho cuộc khủng hoảng tăng nhanh và mạnh hơn. Ông cũng nói đến thế lực của những người Do Thái trong giới tài chính quốc tế. Trong khi ông Mahathir chống lại các áp lực của Quỹ Tiền tệ Quốc tế thì Phó thủ tướng của ông, Anwar Ibrahim lại ủng hộ các chính sách đó. Sự rạn nứt khiến cho ông Anwar mất vai trò người thừa kế ông Mahathir, bị bắt và đưa ra tòa về tội yêu người đồng tính. Biến cố này khiến các nước Tây phương càng mô tả ông thủ tướng Mã Lai Á như một nhà độc tài bất chấp nhân quyền.

Nhưng ông Mahathir không chấp nhận trong nội bộ đảng ông lại chia rẽ, có thể bị tách làm đôi vì ông Anwar. Chính ông Mahathir đang bị đe dọa bởi sự bành trướng của một đảng mang màu sắc tôn giáo và họ đang thu hút những người gốc Mã Lai theo Hồi Giáo. Nếu đảng đó lên thì không những xứ Mã Lai Á có thể sẽ lại chia rẽ về chủng tộc và tôn giáo, mà chính sách thủ cựu còn có thể đẩy lùi cả nước về phương diện kinh tế nữa.

Để bảo vệ lá phiếu của những cử tri gốc Mã Lai, ông Mahathir đã nhiều lần đứng về phía khối tín đồ Hồi Giáo quốc tế. Tuy cộng tác với chính phủ Mỹ trong chiến dịch chống các nhóm Hồi Giáo quá khích ở Đông Nam Á, ông Mahathir vẫn lên án Mỹ sử dụng chiến dịch này để tấn công khối Hồi Giáo thế giới. Và ông không ngừng chỉ trích chính phủ Israel trong vụ Palestine. Cuối tháng vừa qua, ông Mahathir còn đổ dầu vào lửa khi nói rằng các chính phủ Mỹ và Israel đang đóng vai trò "quốc gia khủng bố" đối với người Hồi Giáo (ở Palestine, Iraq và Afghanistan.)

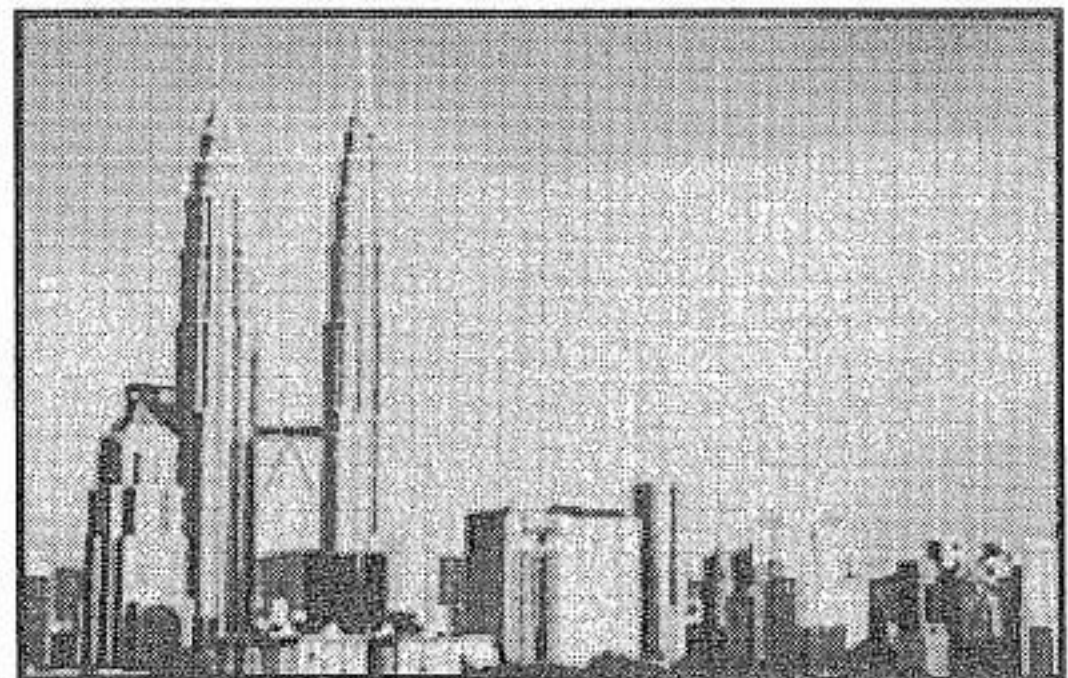
Tương lai

Tuy tuyên bố từ giả đời sống chính trị, nhưng ông Mahathir mới ngoài 70 tuổi, và trong tương lai ông vẫn còn đóng một vai trò quan trọng, khi ông Abdullah Badawi lên làm thủ tướng. Trên diễn đàn quốc tế, ông sẽ đóng vai một chính khách lão thành, trong thế giới thứ ba và nhất là thế giới Hồi Giáo. Nếu tổ chức Hội nghị Hồi Giáo biến chuyển, đặt ra một định chế chặt chẽ hơn, như một chức Tổng thư ký, thì chắc ông Mahathir có thể là một ứng viên

sáng giá. Tuy nhiên, cá tính và cách ứng xử của ông có thể khiến cho thông điệp của ông không có hiệu quả.

Những lời nói bài Do Thái của ông Mahathir sẽ khiến cho bài diễn văn của ông không đạt được mục đích mà chính ông mong muốn, khi khích động người Hồi Giáo trên thế giới phải đi đúng đường tự lực tự cường. Trong lúc ông tìm cách thuyết phục các dân tộc Hồi Giáo phải tự giải quyết các vấn đề của mình, bác bỏ các luận điệu hủ lậu của các giáo sĩ cực đoan, trong lúc ông kêu gọi họ hãy học hỏi và suy nghĩ để tiến kịp người Do Thái trên thế giới, thì những lời nói đầy giận dữ của ông nhắm vào người Do Thái có thể mang tác dụng ngược lại! Những câu bài Do Thái của ông sẽ khiến nhiều người Hồi Giáo giữ một thói quen cũ, là không tự xét mình mà chỉ đổ tội cho người ngoài, đứng đầu là người Do Thái và chính phủ Mỹ.

Thực ra, vấn đề trầm trọng của các quốc gia đa số theo đạo Islam là các chính phủ hủ lậu, tham nhũng và tàn bạo đang cai trị. Ông Saddam Hussein đã tàn sát dân Iraq. Ông Suharto ở Indonesia hay các tướng lãnh khác ở Pakistan đã nuôi dưỡng những chế độ tham nhũng và bảo thủ. Ai Cập vẫn sống dưới một chế độ dân chủ giả hiệu. Chế độ thần quyền ở Iran đã cản trở dân chúng không cho tiến bộ về kinh tế, xã hội. Chính phủ Mahathir ở Mã Lai Á dưới thời ông Mahathir là một trường hợp thành công hiếm hoi. Các dân tộc Hồi Giáo trên thế giới nên bắt chước những gì chính phủ Mahathir đã làm ở Mã Lai Á, mà không để bị khích động vì những lời lẽ bài Do Thái trong cơn giận dữ của ông. Vì đúng như ông nói, người chỉ nuôi hờn oán trong lòng thì không thể suy nghĩ sáng suốt được. ●



Tòa nhà đôi, cao nhất thế giới ở thủ đô của Malaysia

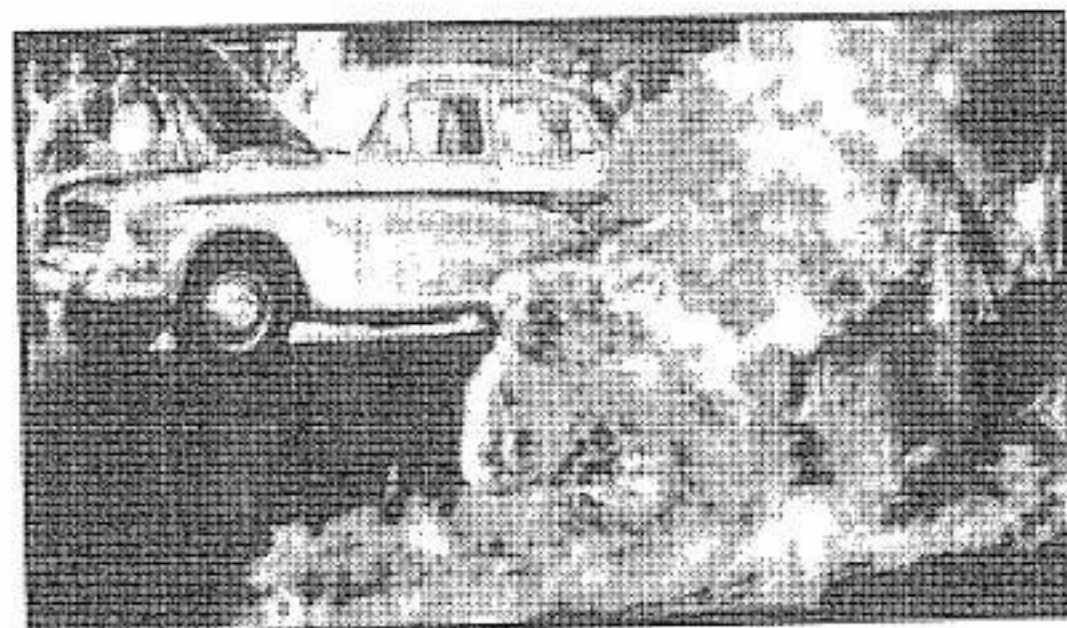
được.

Ở nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Đạo Luật Cải Cách Ruộng Đất (tháng 12 năm 1953) được thi hành thành một cuộc *đấu tranh giai cấp* ở nông thôn, với những cán bộ “tam cùng” vào trong từng làng, lãnh nhục, hành hạ, đánh chết và bắt đi khổ sai cả trăm ngàn người bị tố là “địa chủ” để tiêu diệt giai cấp Kulak Việt Nam. Phong trào tố khởi chấm dứt tháng Tám năm 1956, sau đó thì nhân dân miền Bắc phải chịu nẹp một bề.

Ở miền Nam, đương nhiên thành một nước với một chế độ khác, Quốc trưởng Bảo Đại tiếp ông Ngô Đình Diệm ở Cannes, Pháp, và phong ông làm Thủ tướng chính phủ. *Vấn đề chính yếu là phải lập Miền Nam thành một quốc gia độc lập* có một nội chính vững vàng, những liên hệ ngoại giao tốt đẹp, một quân đội đủ hùng mạnh để giữ nước và một sự ủng hộ tin được của số đông nhân dân, kể cả các nhóm người thiểu số.

Quốc trưởng Bảo Đại là người hợp pháp nhưng thiếu khả năng lãnh đạo và cũng không được nhân dân kính trọng lắm, nhất là ở miền Nam.

Ông Ngô Đình Diệm là một vị đại thần cương nghị, bảo thủ. Người ta có thể bất đồng ý kiến với ông và chê trách tính quan liêu cố chấp của ông, nhưng không thể nghi ngờ lòng ái quốc của ông, mà ông đã đặt ngay dưới lòng tin đạo. Ông chống Pháp khi còn làm quan trong triều, ông chống Cộng từ lúc Việt Minh vừa cướp chính quyền ở Hà Nội và giết cả gia đình anh ruột ông ở Huế, nhưng ông không phải là một nhà cách mệnh tuy có một thời ông tin tưởng ở Hoàng thân Cường Để. Học vấn của ông đặt trọng tâm vào Thánh Kinh Công giáo, Tứ Thư Ngũ Kinh của Nho gia, và Lịch sử chính truyền của Việt Nam. Mặc dầu vậy, trong các nhà chính trị Việt Nam thời ấy, ông cũng có thể nói là người có biết thế giới bên ngoài, qua những nước ông đã đến ở, Malasia, Singapore, Tokyo, Pháp, Bỉ và Hoa Kỳ. Ở Hoa Kỳ, ông đã giao thiệp với những nhân vật quan trọng như Thượng nghị sĩ John F. Kennedy (sau này là Tổng thống Mỹ 1960-1963), W.O. Douglas của Tối cao Pháp viện, và nhất là Hồng Y Giáo Chủ Spellman và một nhân vật có một uy quyền rất lớn ở Đông Nam Á châu là Trung Tướng



Ngày 11 tháng Sáu, 1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức châm ngọn lửa Bồ tát tự thiêu

E.G. Lansdale.

Ông Ngô Đình Diệm còn được một lợi thế nữa, là một số lớn trí thức chống Cộng sản và không Cộng sản, hiểu rằng đây là cuộc chiến cuối cùng, đã gạt bỏ mọi tị hiềm với một người xuất thân từ giới quan lại và qui tụ bên ông Ngô Đình Diệm, với ý muốn xây dựng một nước Việt Nam phồn thịnh, tiến bộ, tự do, khả dĩ đối đầu được với Miền Bắc của Hồ Chí Minh, đang lấy lòng với chiến thắng Điện Biên và được sự tán thưởng không những chỉ của các nước Cộng sản mà cả của Thế giới thứ Ba đang lên.

Miền Nam năm 1954 là một mớ hỗn độn vô luật pháp, vô chính phủ

Trong chức vụ Thủ tướng Chính phủ mới, ông Ngô Đình Diệm bị lung lay dữ dội trong những tuần đầu tiên bởi cuộc nổi loạn của một số lãnh tụ địa phương, thuộc các giáo phái có quân đội riêng, đã chống Pháp và chống cộng suốt từ 1954 đến 1955 và không chấp nhận sự lãnh đạo của ông Diệm. Cuộc chiến dữ dội nhất là với nhóm Bình Xuyên, mà người cầm đầu là Bảy Viễn với một hệ thống đi điểm, hút sách và cờ gian bạc lận ở giữa châu thành Chợ Lớn, Sài Gòn, có quân đội Pháp nâng đỡ trong bí mật. Với sự giúp đỡ của thế lực Mỹ, ông Diệm dẹp được cuộc nổi loạn này tuy không hẳn là chiến thắng.

Một bài học thứ hai là sự lép vế và thất bại của Chính phủ Miền Nam ở Hội nghị các Nước Nhỏ tại Bandung, trong đó Chu Ân Lai, Nehru và Phạm Văn Đồng là những trụ cột lớn. Trên khắp thế giới người ta tiên đoán sự chết yểu của miền Nam Việt Nam.

Các Tổng trưởng và Bộ trưởng của ông Diệm cũng lần lượt từ chức, chỉ còn vài người

Đình Diệm, một nhà Nho học uyên thâm, lại đã có trong chính phủ đầu tiên của ông nhiều nhà trí thức du học ở Pháp và Mỹ, không kể hai người em ruột là ông Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Luyện, đã quên mất lời dạy của Đức Khổng Phu Tử rằng *Đại Đồng Tiểu Dị* và cũng không hiểu được rằng sức mạnh của dân chủ chính là ở sự tự do công khai, xem xét và thảo luận các vấn đề dưới mọi khía cạnh. Tôi không nói thêm. Sự thành lập Đảng Cần Lao Nhân Vị trên chính cương phóng tác từ tư tưởng của Triết gia công giáo Emmanuel Mounier song song với sự dựng lên một Nha Mật vụ Chính trị và một Lực lượng Đặc biệt theo mẫu hình của bọn S.S. của Hitler, là một sự đứt đoạn với truyền thống chính trị Việt Nam, chỉ kém có Đảng Cộng sản mà thôi. Cái chết của ông Nguyễn Tường Tam là một hành động phản kháng tối đa về chính trị của họ Ngô.

c) *Ốc địa phương* của ông Ngô Đình Diệm lại làm cho người Việt Nam không sinh trưởng ở miền Trung, và đặc biệt ở tỉnh Thừa Thiên, thấy rằng bị thiệt thòi và bị tha hóa trong quyền lợi. Thực là lạ lùng là ở cuối Thế kỷ thứ Hai mươi, tuy nước Đại Việt đã lập quốc từ đầu Thế kỷ thứ Mười một với triều nhà Lý (1009-1229), mà từ Nghệ An, Hà Tĩnh vào đến mũi Cà Mau, ốc địa phương nhỏ hẹp vẫn chi phối tư tưởng của người Việt Nam đến thế: dầu là Cộng sản hay Quốc gia, tình xứ sở cũng ở trên tình Quốc dân. Ông Ngô Đình Diệm có một đặc nhờn cho những người Thừa Thiên, không những trong sự lựa chọn những người thừa hành, mà cả trong việc gửi sinh viên đi du học (là một công việc đã được Phủ Tổng Thống lấy về quyền hành đặc biệt của Phủ).

d) Ông Ngô Đình Diệm là người *Công giáo đầu tiên* lên cầm đầu chính quyền, sau khi truất ngôi Vua, dứt bỏ một Nhà. Điều này dân Việt Nam, vốn đã bị khinh thường và áp bức bởi cả một trăm năm Pháp thuộc, cũng không tỏ thái độ vì biết rằng không có quyền lựa chọn trong tự do. Nhưng trong địa vị và với uy quyền của một Tổng thống trong một thời thế khủng hoảng và quyết định của Lịch sử, ông Ngô Đình Diệm lẽ ra phải tỏ một sự tôn trọng khôn khéo và chính trị đối với một đại tôn giáo mà Quốc dân đã theo hơn hai ngàn năm nay, nhất là với một cuộc Tổng tuyển cử vẫn có thể bắt buộc phải áp đặt bất kỳ lúc nào trong tương lai; ông đã

theo các thiên kiến tôn giáo của ông và các bào huynh đệ của ông mà có một chính sách kì thị riêng đối với Phật giáo, tiến dần đến một sự đàn áp và mạ lị ngoài luật pháp. Chính phủ của ông lại đã đặc biệt ưu đãi các cộng đồng di cư Thiên Chúa giáo Roma và thiên vị riêng những công chức và nhân viên đồng đạo của ông, đến nỗi rằng số người xin cải đạo vào Gia Tô giáo của ông tăng lên vùn vụt trong những năm ông làm Tổng thống. Các thống kê của Nhà Thờ không ghi lại vì lí do gì. Những sự bất công ấy không xứng đáng với một chính phủ mang danh là Cộng Hòa.

Định mệnh đã đánh xuống ngày 8 tháng 5, 1963. Trong tuần ấy, ở Huế có hai ngày lễ đụng nhau. Đến trước, ngày 5/5, là ngày Ngân khánh của Tổng giám mục Ngô Đình Thục, cờ Vatican và cổng chào được dựng lên ở dọc sông Hương, từ khách sạn Morin đến đài Phát thanh Huế, chưa bao giờ long trọng huy hoàng như thế. Rồi đến ngày Phật đản, 8/5/63, dân chúng đã theo lệ thường treo cờ Phật giáo ở cửa nhà, ở chùa Diệu Đế, chùa Từ Đàm và bày hương án bái vọng từ ngày hôm trước. Bỗng có lệnh cấm treo cờ của "Thượng cấp" (sau này mới biết là từ Tổng giám mục), rồi dưới sự đòi hỏi của dân, lại được Tòa Tỉnh trưởng cho phép. Ngày hôm sau rước tượng Phật trong sự sôi nổi và uất ức của quần chúng lên chùa Từ Đàm để làm lễ. Buổi tối, mọi người tụ tập ở dưới Đài Phát Thanh để chờ nghe thuyết pháp theo chương trình đã định, thì không có phát thanh Phật giáo. Trái lại, lực lượng bảo an và cảnh sát do thiếu tá Đặng Sĩ chỉ huy kéo đến bao vây đám đông. Xe vòi rồng xịt nước để đuổi dân dự lễ, Thiếu tá chỉ huy bán ba phát súng lên trời và một xe thiết giáp mang danh Ngô Đình Khôi tiến vào sân đài phát thanh. Một trái lựu đạn được ném ra không biết do ai, vào đám người tụ họp, xe thiết giáp xông vào chệt người. Mọi người hoảng sợ, xô nhau chạy, tiếng kêu la thảm thiết. Tám hay chín người chết, chân tay, đầu óc văng tung tóe hay bị nghiền nát, không đếm được. Với sáu người bị thương vì mảnh lựu đạn Israel ở bờ sông Hương, chính phủ không bao giờ chứng minh được rằng có một bàn tay thứ ba đã gây nên tội ác.

Tin tức do Reuter và AFP truyền vào Sài Gòn và làm bùng lên một sự náo động chưa

Hoa Kỳ

một “đế quốc” bất đắc dĩ

NGUYỄN GIA TIẾN

Danh từ “đế quốc”, với ý nghĩa xấu, thường để chỉ một cường quốc, vì quyền lợi ích kỷ, dùng sức mạnh áp đặt khắp nơi trên thế giới “luật chơi” của mình. Có thể là oan uổng, khi trước đây Cộng Sản gán ghép cho Mỹ danh từ này. Nhưng ngày nay, do sự oái oăm, mỉa mai, của Lịch sử, dù muốn dù không, có lẽ Hoa Kỳ sẽ phải đóng vai trò này.

Thực vậy, chỉ trong khoảng thời gian hơn một thập niên vừa qua, hai biến cố quan trọng đã xô đẩy Hoa Kỳ, tiến lên nắm giữ vai trò của một “đế quốc”, mà có lẽ “bản chất, tinh thần” của quốc gia Hoa Kỳ, cũng như của người dân Mỹ, chưa thực sự được sửa soạn để nắm giữ vai trò này.

Biến cố thứ nhất là sự sụp đổ của khối Cộng Sản Liên Xô. Hoa Kỳ mặc nhiên trở thành siêu cường duy nhất. Và duy nhất là quốc gia có sức mạnh để ngăn ngừa, can thiệp, vào những cuộc thảm sát qui mô của nhân loại, đã và sẽ còn xảy ra trong tương lai,

như tại Rwanda, Bosnia, Kosovo... hoặc những đe dọa, bất ổn, tại các địa phương xa xôi, như sự căng thẳng tại eo biển Đài Loan, sự hung hăng của Bắc Hàn... Nói khác đi, có lẽ không còn ai khác hơn ngoài Hoa Kỳ, sẽ phải nắm giữ vai trò “sen đầm” quốc tế trong nhiều thập niên nữa.

Biến cố thứ hai là cuộc khủng bố 11 tháng 9, 2001. Sau vụ 911, thế giới đã tỏ ra quá bất ổn, và Hoa Kỳ hiểu rằng ngay nền an ninh của bản thân mình cũng không thể được bảo đảm, nếu chỉ sống co cụm trong nước Mỹ, không cần biết đến những gì xảy ra bên ngoài. Do đó,

mặc dầu bị chỉ trích là ngang ngạnh, các lý thuyết gia Mỹ đã khá có lý, khi chủ trương chính sách “tấn công phủ đầu” (pre-emptive attack) các mầm mống đe dọa bất cứ từ nơi nào trên thế giới. Thực vậy, với sự tiến bộ của các phương tiện ngày nay, thế giới đã trở nên quá nhỏ hẹp, khiến Hoa Kỳ không còn có thể tự cho phép “sự xa



Tổng thống Bush

Ảnh AP

Phỏng vấn GS Phạm Đỗ Chí

Bàn về các quả bong bóng đầu tư

Nhân Hợp APEC Và Lúc “Cơn Sốt Vàng” Tạm Im:

LTS: Nhân “cơn sốt vàng” ở VN trong mấy tháng gần đây, hai tờ báo Thế Kỷ

Hỏi: GS nghĩ gì về cơn sốt vàng vào mấy tháng vừa qua trên thế giới và nhất là ở VN?

PDC: Giá vàng cũng như giá bất cứ món hàng nào khác căn bản là do cung cầu ấn định. Riêng vàng là “món hàng” đặc biệt đã luôn làm điên đầu mọi người và các chuyên viên tài chính vì thêm giá trị kim bản vị của vàng trong hệ thống tài chính quốc tế, vì là phương tiện tồn trữ của cải lâu đời, vì lòng tin vào nó lúc có xáo trộn chính trị hay kinh tế, nhất là ở Trung Đông và Á Châu (càng đúng hơn nữa cho dân chúng VN từ nhiều thế hệ), vì là “mồi ngon” và quen thuộc cho các tay đầu cơ và các người “có máu” muốn tham dự, v.v... Các yếu tố sau gây thêm các biến động bất thường theo cả hai chiều lên xuống cho giá cả, ngoài giá căn bản do luật cung cầu nói trên.

Hỏi: Xin GS cho biết tóm lược các yếu tố cung cầu hay yếu tố “gây sốt” trong năm nay đã khiến giá vàng lên trên \$380/ounce vào cuối tháng 9 trên thế giới và hiện trên 7 triệu Đồng VN/cây.

PDC: Về phần cung, đã từ nhiều năm giá vàng xuống thấp dưới mức 300\$, có lúc tới \$250/ounce, và đã khiến các hãng sản xuất đóng cửa nhiều hầm mỏ có mức vốn sản xuất bình quân là 320\$-350\$/ounce (tức trên giá bán thấp trước đây). Vì vậy mức cung tổng thể đã giảm bớt từ nhiều năm. Ngoài ra còn có yếu tố ít được biết hơn là các ngân hàng trung ương trên thế giới đồng ý hạn chế số vàng bán ra mỗi năm là 400 tấn một năm. Về phía cầu, nhu cầu về sản xuất nữ trang và công nghệ vẫn tăng đều, do đó trên căn bản đã có bội cầu và làm giá tăng.

Nhưng thật sự giá chỉ tăng vọt vì các yếu tố “đột xuất” như các căng thẳng vì chiến tranh Iraq, cơn sụt giá của ông đôla Mỹ trong mấy tháng qua. Riêng ở VN, giá vàng lúc trước thấp hơn giá vàng thế giới chút ít nay “bất kịp lại” và nhảy vọt do một phần dân chúng bắt đầu tích trữ đầu tư hay do các bàn tay có “máu” đầu cơ.

Hỏi: Giá vàng đang tạm im trong tháng 10 này để giảm dần đi xuống mức 300\$/ounce hay sẽ tăng bộc phát trở lại vượt mức tâm lý quan trọng 400\$/ounce?

PDC: Tôi ước mong có cặp kính thần tiên để trả lời câu này cho cá nhân tôi và gia đình hay bạn hữu gần xa. Không ai có thể tiên đoán chính xác biến chuyển của giá vàng, nhất là cho tương lai xa. Tuy nhiên có thể xét qua vài yếu tố căn bản cung cầu cũng như các biến cố có thể ảnh hưởng đến giá vàng trong tương lai gần và xa, như vài gợi ý khách quan để quý vị độc giả suy xét và tìm được quyết định đầu tư cá nhân.

Sau kỳ họp thượng đỉnh APEC ở Bangkok vào tháng 10, các tin tức mới nhất (sáng ngày 21/10) cho thấy bản dự thảo thông cáo chung (sẽ ra chính thức ngày 22/10) chú trọng nhiều về các vấn đề an ninh và chống khủng bố theo quan điểm chính do Mỹ đề nghị, vấn đề tăng cường nỗ lực của WTO để gia tăng thương mại quốc tế nhất là để làm bớt các rào cản hàng xuất cảng của các nước nghèo, tăng các mối hợp tác liên kết kinh tế và thương mại khu vực, chú trọng chuyển phát triển các xí nghiệp nhỏ và vừa (SME) trong các nước APEC còn yếu

Hỏi: GS có thể nhắc lại vài “quả bong bóng” đó trong lịch sử tài chính thế giới để rút kinh nghiệm?

PDC: Vâng, quả bong bóng nổi tiếng nhất có lẽ là vụ buôn hoa tu líp ở Hà Lan đã được thổi đến trời xanh trước khi xì hơi nổ banh. Ngay cả với vàng, nhiều người cũng còn nhớ lúc có lạm phát cao ở Mỹ vào các năm 1980-81 cùng với biến cố bắt giữ con tin người Mỹ ở Iran và thêm vào việc tay “trùm dầu hỏa” Hunt đầu cơ tích trữ bạc, giá vàng bị đẩy lên tới 600\$-800\$/ounce và giá bạc vượt lên trên 50\$/ounce trong vài ngày sau đó đã tụt dù nhanh làm nhiều tay mất nghiệp.

Quả bong bóng mới đây nhất là thị trường cổ phiếu các hãng công nghệ thông tin và các hãng “dot.com” của Hoa Kỳ đã tụt “thảm khốc” từ mức 5100 của chỉ số Nasdaq vào tháng 3/2000 xuống 1200 vào cuối tháng 3/2003 (mặc dù đang lên lại ở mức trên 1900 vào thời điểm của bài phỏng vấn này, 21 tháng 10, 2003), đã khiến nhiều quỹ đầu tư *mutual funds* chuyên môn và người đầu tư thua lỗ nặng. Phải thú thật là chính người viết cũng đã học được nhiều bài học quý sau lần cùng “ôm đầu máu” để chạy này trong ba năm qua.

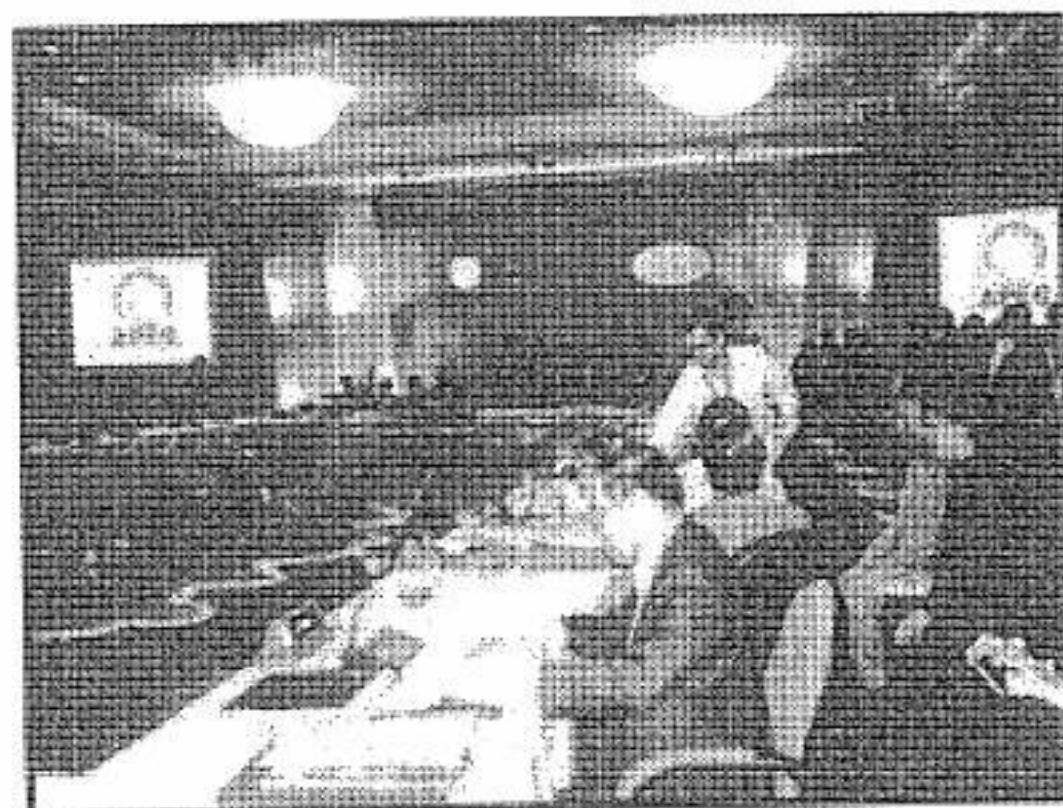
Ngay cả ở VN, một số người ở Sài Gòn chắc vẫn còn nhớ hiện tượng buôn “chim cút” thuở nào đã làm bao người khóc dở mếu dở vì muốn làm giàu nhanh.

Hỏi: GS nghĩ có nên mua/bán vàng lúc này?

PDC: Tôi tránh không muốn trả lời trực tiếp câu này với ý nghĩa thúc đẩy đầu cơ hay cách làm ăn “mánh”. Tuy nhiên, trong địa hạt tư vấn đầu tư, các chuyên viên hay khuyên nên giữ độ 5%-10% tài sản bằng vàng hay bạch kim, bằng cách mua thẳng quí kim hay mua các cổ phần hầm mỏ. Và nguyên tắc căn bản vẫn là “không để tất cả trứng vào trong một rổ.”

Hỏi: Theo ý đó, cho một người trung lưu có chút vốn đầu tư nên làm gì?

PDC: Câu trả lời tùy theo hoàn cảnh cá nhân, nhất là mức độ chịu được rủi ro đầu tư (nói rõ hơn là thua lỗ) của mỗi người. Ngoài vàng như đã nói trên, có thể giữ thêm ngoại tệ ngoài tài sản bằng đô la Mỹ, thí dụ thay bằng tiền Euro, các tiền mạnh của Á châu, như tiền bath của Thái Lan, tiền won của Đại Hàn, đô la của Singapore hay Taiwan, và nhất là tiền yuan của Trung Quốc.



Hội nghị APEC

Điều sau này có lẽ dễ áp dụng nhất cho các ngân hàng có dự trữ ngoại tệ. Cho những ai có kiến thức và muốn tham gia các thị trường chứng khoán ở ngoài nước Mỹ, đây có lẽ là lúc tốt để mua các cổ phiếu Á châu như của Nhật Bản, Hongkong, Thái Lan, Hàn quốc, Đài Loan, v.v... hay Australia và New Zealand (nhất là cổ phiếu các hãng có mỏ vàng bạc). Đây tất nhiên chỉ là phần thêm vào các cổ phiếu trên thị trường Hoa Kỳ đang có khuynh hướng phục hồi theo nền kinh tế Mỹ trước mùa bầu cử năm tới, để theo nguyên tắc “bỏ trứng vào nhiều rổ” (diversification).

Hỏi: Quay lại chuyện ở VN, người ta luôn nói đến đầu tư vào thị trường nhà đất nóng hổi của VN, sao không thấy GS nhắc đến?

PDC: Chính vì cái “nóng hổi” đó mà làm tôi ngần ngại nhắc đến, dù bao người ở VN đã giàu nhanh chóng trong mười mấy năm nay vì nhà đất. Tôi ở xa nên không rành lắm về khía cạnh này ở VN, nhưng đọc báo hay nghe kể chuyện giá đất lên tới 30-40 cây vàng/mét vuông trong “nội thành” của vài thành phố lớn VN cũng “phát ớn”, hơn cả giá bên Mỹ hay Âu châu hay các nước Á châu có lợi tức đầu người cao gấp 10-20 lần của VN. Nếu có nhu cầu nhà cửa thì cái nhà đầu tiên mua để ở vẫn là đầu tư với ưu tiên số một cần làm. Nhưng tung tiền để mua “đầu cơ” thêm nhà đất ở “nội thành” Hà Nội hay Sài Gòn lúc này thì có lẽ là “uống thuốc liều,” nhưng có vẻ mọi người vẫn làm và một số đông người “vẫn khoe chiến thắng” trong ba năm qua. Chúng ta ở ngoài khó hiểu nổi. Nhưng quả bong bóng nào cũng có riêng chu trình của nó. ●

báo.

Dù có rất nhiều cái hay, cái mới so với tất cả các báo khác, nhưng “Lá Cải” có thể chiếm được độc giả và phát triển hay không, lại là một chuyện không dễ. Lịch sử 10 năm làng báo tiếng Việt ở đây đã cho thấy, trong làng báo đã từng có không ít tờ báo viết rất cứng tay, nội dung phong phú, nhưng rồi chúng đều lần lượt phải đóng cửa vì bị sứ quán gây khó dễ, hay chủ các chợ không hài lòng. Các báo ở Nga phải chiều lòng rất nhiều vị “thượng đế”: “thượng đế” độc giả, “thượng đế” chủ chợ, “thượng đế” sứ quán. Vị thượng đế nào cũng cho mình là to nhất. Nên cuối cùng, báo chí dù mang thật nhiều cái tên mỹ miều, rồi cuối cùng chỉ còn là... lá cải.

2. Báo chí “chui”

Làng báo chí công khai, nghĩa là ít nhất người ta cũng dám đem ra bán công khai cho mọi người mua, bắt đầu xuất hiện từ năm 93, nhưng thực ra trước khi có những tờ báo công khai ra đời, trong cộng đồng người Việt đã từng có những tờ báo chui. Vào hè năm 1991, trong không khí Glasnost (đổi mới) ở Liên Xô khi đó, các sinh viên và nghiên cứu sinh trường đại học tổng hợp Moskva (MGU) đã cho ra đời tập san “Tuổi Trẻ,” gồm rất nhiều bài với nội dung quá cởi mở bàn về những chủ đề vẫn bị coi là cấm kỵ về tư tưởng lẫn hiện thực của hệ thống chính trị ở Việt Nam. Nhân viên sứ quán lập tức tố thái độ đặc biệt quan tâm tới tờ báo này và những người chủ trương nó. Có người bị đày về nước, có người phải chạy sang một nước thứ ba. Và tờ báo cũng chỉ kịp trình làng có một số duy nhất. Sau đó giới sinh viên lại tiếp tục phát hành hai ấn bản chui khác, là “Dân Việt” và “Bản Tin Kinh Tế,” nhưng lần này họ phát hành hoàn toàn bí mật, được lạng lẽ truyền tay nhau trong giới sinh viên. Những tờ báo này không ghi rõ ban biên tập là ai, và nội dung cũng thuộc loại thật gai góc, đề cập tới rất nhiều vấn đề cấm kỵ, và khó nói như tờ “Tuổi Trẻ.” Những tờ báo đầu tiên này còn hết sức đơn sơ, chỉ gồm hơn chục trang in máy tính không dấu, rồi mang đi photocopy. Mỗi số in ra chừng 20-30 ấn bản, nhưng nó lại được độc giả chào đón thật nồng nhiệt, truyền tay nhau đi từ trường này sang trường khác. Cả hai tờ đều chỉ ra được hai số rồi lại im lạng, vì phản ứng của tòa đại

sứ Việt Nam khi đó hết sức gay gắt.

3. Những tờ báo thương mại

Năm 1993, có thể nói là năm hết sức được mùa của báo chí tiếng Việt đủ mọi thể loại. Nhưng số phận mỗi tờ một khác.

Tờ báo tiếng Việt ra hàng ngày đầu tiên ra đời vào đầu năm 1993 có tên là “Vạn Sự.” Gọi là “báo” quả thật là quá cao sang đối với tờ báo này vào thời nó mới ra đời, vì tờ báo chỉ có bốn trang A 4 được in roneo trên loại giấy rẻ nhất có thể tìm được trên thị trường, nó vừa xù xì, vừa không được tẩy trắng, vừa rất bở. Báo được trình bày bằng máy chữ, nên không hề có tranh ảnh, mỗi bài báo lại có một loại chữ khác nhau, đôi khi còn dùng hình thức cắt dán để tiết kiệm thời gian. Tờ báo được bán với giá 1500 rúp nghĩa là nửa đô la Mỹ. Vào thời điểm 1993, khi người ta có thể sống thoải mái với 15 đô la một tháng, giá tiền một tờ báo như vậy quả không rẻ. Ba số đầu tờ báo chỉ dám phát hành dưới dạng bản tin vạt, tin tức chủ yếu là tin hình sự. Phải đến số thứ 5, tờ báo mới mở rộng thêm phần tin cộng đồng và một trang để dành riêng cho ô chữ. Ô chữ có lẽ là đóng góp lớn nhất của tờ “Vạn Sự” cho làng báo Việt ở Nga. Vì cho đến tận ngày nay hầu hết báo chí hàng ngày ở Nga vẫn coi ô chữ là một trang quan trọng trong tờ báo của mình. Tờ “Vạn Sự” chú ý tới những tin tức giật gân, đặc biệt là các tin hình sự vì tình trạng an ninh vào những năm đó ở Nga hết sức căng thẳng. Tờ báo dùng ngôn ngữ khá chợ búa, nên chẳng bao lâu nó đã bị mệnh danh là báo “cửu vạn” (cửu vạn là từ để chỉ dân khuân vác ở Nga). Người Việt mua báo, một phần để biết tin tức, nhưng phần đông là để giải sầu những lúc ngồi bán hàng không có khách mua. Vì vậy, ô chữ trong các tờ báo đã trở thành phần quan trọng nhất của tờ báo.

Hai người chủ trương tờ “Vạn Sự,” vừa là chủ bút, vừa làm người dịch, vừa là người đứng bán báo ở ngay trong đôm 5 mới. Ngày đó có lẽ do người Việt phải sống nhiều năm trong điều kiện thiếu tự do báo chí, nên họ không coi trọng báo chí tư nhân. Nghề làm báo bị coi là một nghề thật mệt hạng, dành riêng cho những ai... chẳng biết làm gì khác.

Cuối năm 1993, một tờ báo rất chuyên nghiệp ra đời. Tờ báo mang tên “Việt”, được in trên giấy báo rất đẹp, do những người làm báo

Tờ này cũng thuộc hàng “cứng cổ,” vì vừa ra đời, nó đã cho đăng một loạt các tin tức thuộc danh sách “phản động,” dám trích đăng cuốn tiểu thuyết “Ly Thân” của Trần Mạnh Hảo, trích đăng cả “Đêm Giữa Ban Ngày” của Vũ Thư Hiên. Những ai cũng thuộc hàng “cứng cổ,” không thích uốn mình theo sứ quán thì rất thích tờ “Tin Nhanh” và thủy chung với tờ báo. Nhưng đa số dân chúng thì sợ đọc tờ báo này. Sợ sứ quán là một căn bệnh khá nặng và khá phổ biến trong cộng đồng người Việt ở Nga. Sợ không dám làm báo “phản động” thì cũng dễ hiểu, nhưng đa số người lại sợ đọc cả những tờ báo bị gán cho cái tên “phản động,” sợ gặp những người bị gọi là “phản động.” Cuối năm 97, công an sứ quán lại gây khó dễ để cấm tờ Tin Nhanh phát hành. Ở Nga báo chí hoàn toàn tự do, thậm chí các báo có ấn bản dưới một ngàn bản còn không phải đăng ký. Nhưng tòa sứ quán Việt Nam ở đây vẫn có thể kiểm soát được báo chí vì tất cả các báo tiếng Việt phải bán ở các ốp² của người Việt. Các chủ ốp ở, ốp bán hàng người Việt luôn phải lấy lòng sứ quán, nên chỉ cần sứ quán đề nghị, họ sẽ lập tức cấm không cho bán hay tịch thu những tờ báo bị gán cho cái tên “phản động” trong khu vực ốp của họ.

Cái khó nhất để tồn tại của một tờ báo ở Nga không phải ở chuyện viết bài, mà là bán báo. Mỗi tờ báo chỉ có từ hai đến bốn người để lo dịch bài, đánh máy, trình bày, lo việc xuất bản, nhưng lại phải có ít nhất bốn, năm người lo đi bán báo. Mỗi trung tâm có đông người Việt, lại phải có một người chuyên đi bán báo. Số báo bán được nhiều hay ít, phụ thuộc phần lớn vào sự khéo léo của người đi bán.

Đến cuối năm 1999, làng báo tiếng Việt đã khá đông đúc với sáu tờ ngang sức nhau là “Thời Báo Moskva”, “Ngày Mới”, “Nhân Hòa”, “Người Đưa Thư”, “Nhật Báo” và “Tin Tức Thị Trường.” Trong những tờ này, chỉ có tờ “Tin Tức Thị Trường” được ông chủ chợ KT tài trợ không phải lo về phần thu nhập của báo, tất cả các báo còn lại đều là báo tư nhân, tự sống bằng tiền bán báo và quảng cáo. Nhưng số lượng phát hành của mỗi tờ báo không cao, chỉ xê dịch từ 300 đến 1200 số. Các báo đều phát hành 28 trang khổ A 4, in mẫu rất đẹp. Nhưng phần nội dung không có gì khác biệt nhau. Chính vì thế, để dành độc giả, có tờ báo đã thuê cả cảnh sát Nga can thiệp vào cuộc cạnh tranh

của làng báo. Cuối năm 2000, hai tờ “Ngày Mới” và “Thời Báo Moskva” đã phải gián đoạn nhiều thời gian không ra báo được vì bị cảnh sát theo dõi, tịch thu máy móc, và nhiều nhân viên bị bắt, trục xuất về nước. Cuộc cạnh tranh giữa mấy tờ báo mà lý kỳ chẳng kém gì chuyện trinh thám. Sau này, tất cả các báo đều tự tìm cho mình một cái ô trong giới cảnh sát, khi đó chuyện bắt bớ, khám xét bừa bãi mới chấm dứt.

Trong những năm 2000, 2001, 2002, làng báo không thấy xuất hiện thêm gương mặt nào mới, chỉ có tờ Người Đưa Thư đã đình bản từ cuối năm 2000 vì mãi không vượt qua được mức 300-400 số báo mỗi ngày.

4. Báo chí “cung đình”

Ngoài các tờ báo tư nhân, ở Nga còn có một vài tờ báo được gọi là báo “trong luồng,” nghĩa là báo của sứ quán, hay một tổ chức thân cận của sứ quán. Những tờ báo thuộc nhóm này có tạp chí “Đất Nước,” “Thông Tin và Thời Đại,” “Bản Tin” và “Khoa Học và Cộng Đồng.” Trong số này tờ “Đất Nước” là tờ tạp chí tiếng Việt đầu tiên xuất hiện ở Nga. Nó ra đời từ những năm 1988-1989, ba tháng ra một số, nhưng cũng không đều đặn, đến tháng 5 năm 2000 mới phát hành đến số 32. Tờ “Thông Tin và Thời Đại,” tờ “Bản Tin” của sứ quán, tờ “Khoa Học và Cộng Đồng” của Hội Khoa học, kỹ thuật Việt Nam tại Nga đều phát hành theo kiểu bập bõm, không đều đặn tùy theo khả năng tài trợ của các ốp. Những tờ báo này sống bằng tiền tài trợ, và được bán khoán cho các khu chợ của người Việt để phát không cho dân chúng nên không có gì đặc sắc về nội dung: chúng không có ý nghĩa về mặt thông tin, cũng không có gì đặc biệt về văn học, nghệ thuật. Những tờ báo được gọi là “báo cung đình” này ít được nhắc đến nhất và cũng ít được người Việt đọc nhất. Những tờ báo này mắc căn bệnh chung của tất cả các “báo chính thống ở thời đại bao cấp,” nghĩa là nghèo nàn, khô khan, lảm chửi thị, nghị quyết mà không phản ánh được điều gì trong xã hội, cộng đồng. Đến những số ra đời mấy năm cuối, khi làng báo tiếng Việt đã khá đông đúc, tờ Đất Nước mới thay đổi về nội dung để nó bớt khô khan hơn, nhưng vẫn không thu hút được độc giả. Từ khi ra đời, tuy độc quyền, một mình một cõi báo chí, nhưng tờ báo

Từ chính sử đến dã sử...

NGUYỄN ĐỨC CUNG

Cicero (106-43 trước Công-Nguyên), một nhà hùng biện kiêm chính trị gia lừng danh thời cổ La mã đã có nói: “*Lịch sử là thầy dạy của cuộc đời*” (*Historia, magistra vitae*). Câu nói này vốn để lại nhiều suy gẫm về ý nghĩa cho biết bao thế hệ từ đó cho đến ngày hôm nay. Bài học lịch sử là bài học kinh nghiệm đúc kết qua thời gian, kinh qua bản thân mình hay tha nhân, bạn cũng như thù, người xưa cũng như người nay. Bài học đó được viết đi viết lại dưới nhiều hình thức của văn chương, qua nhiều nhãn quan và cảm hứng tùy theo trình độ của người viết, môi trường họ được nuôi dưỡng và huấn luyện, dạy dỗ và lớn lên, trưởng thành để thấu thái kinh nghiệm. Bài học lịch sử không vì ảnh hưởng của giới tính, tuổi tác, chủng tộc hay tôn giáo của tác giả mà mất đi giá trị nội tại của nó nhưng trái lại nó đã hiện diện như một thực thể không cần chứng minh cũng tựa như bầu khí ta đang thở không thấy mà vẫn có, và vẫn trường tồn bất diệt mà mọi người đều có thể tự do sử dụng, tha hồ học hỏi, giống như lời thi hào Tô Đông Pha nói trong bài phú *Tiền Xích Bích* của văn học cổ Trung Hoa: “*thủ chi vô cấm, dụng chi bất kiệt*” (lấy mà không cấm, dùng mà không hết).¹

Đối với dân tộc Việt Nam, các biến cố lịch sử đã được ghi nhận qua từng triều đại dưới các ngòi bút thuộc nhiều quan điểm khác nhau hay thuộc nhiều trường phái khác biệt đôi khi chống phá lẫn nhau² cho nên việc tìm hiểu giá trị của các khuynh hướng sử học xuyên qua cung cách, bút pháp, quan điểm ghi lại các biến cố thời đại luôn luôn vẫn là điều cần thiết. Sử học là

một khoa học nhân văn so trong chương trình giáo dục của Việt Nam trước đây vẫn còn khá mới mẻ, bởi vì cách đây hơn một nửa thế kỷ, chúng ta vẫn còn phải học câu “*Nos ancêtres sont des Gaulois*” (tổ tiên của chúng ta thuộc giống Gôloa)³. Có nhiều khuynh hướng viết lịch sử, theo nhiều thể loại, với các dụng tâm khác nhau cho nên việc góp ý về một vài vấn đề lịch sử vốn đã từng bị hiểu lệch lạc, sai lầm xét ra cũng có tác dụng làm phong phú thêm kho tàng tư liệu sử học. Ngày nay, việc viết lại lịch sử, hay đóng góp một số nhận định, phân tích về các đề tài lịch sử luôn luôn là vấn đề cần thiết nhất là góp ý vạch trần chính sách lợi dụng bộ môn sử học để tuyên truyền ru ngủ quần chúng đặc biệt những giới bình dân ít học, hoặc lợi dụng lịch sử để xây dựng những biểu tượng đối trá, đánh bóng lãnh tụ, tôn sùng thần thánh hóa cá nhân⁴ mà mục đích chỉ nhằm đối gạt quần chúng, đánh lừa dư luận hòng tiếp tục ngồi trên ghế cai trị của một tập đoàn bất nhân như chế độ Cộng sản tại Việt Nam hiện nay, thiết tưởng cũng cần được lưu tâm cảnh giác không chỉ trong giới nghiên cứu sử học hoặc trong giới hoạt động chính trị mà còn ở ngoài quần chúng nữa. Đối với những người Việt nam tuổi đời từ 40, 50 trở lên tương đối có ít nhiều hiểu biết và đóng góp vào lịch sử Việt nam kinh qua cuộc chiến tranh quốc-cộng, có thể họ không bị sách vở và hệ thống tuyên truyền của chế độ Cộng sản đánh lừa, nhưng đối với các thế hệ trẻ người Việt lớn lên tại hải ngoại chắc chắn lớp người đi sau sẽ không tránh khỏi bị đầu độc, tiêm nhiễm các luận điệu sai lầm khi

Vì thế đặc điểm của loại sử biên niên là thiếu tính cách tổng hợp. Ngoài ra, những sử gia chép loại sử biên niên, như các tác giả của Đại Việt Sử Ký Toàn Thư và Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục thường ít có óc khảo chứng nên sự kiện có nhiều chỗ phi phỏng.”⁸

Sau hết, lối cương mục tức là thể loại phỏng theo phương pháp của bộ Cương mục của Chu Hy (1130-1200), nhà tư tưởng và nhà giáo dục trứ danh thời Nam Tống. Trình bày ý nghĩa và phân tích sự lợi hại của lối chép sử này, giáo sư Nguyễn Thế Anh đã viết: “Các việc đều chép theo thứ tự thời gian đã đành (phép chép biên niên), nhưng ngoài ra còn tóm đại ý việc định chép trong một đoạn hoặc một câu ngắn để nêu lên như một tiểu đề, rồi ở dưới mới chép tự sự rõ ràng các công việc đã xảy ra (cương là giềng, tức là dây cái của lưới; mục là mắt lưới). Nhưng vì chú ý nêu việc lớn làm cương để ghi việc nhỏ làm mục ở sau, đã phải bỏ đi rất nhiều việc khó gắn vào làm mục cho cương đã nêu ra.”⁹ Tuy nhiên theo nhận định của giới nghiên cứu sử học gần đây lối cương mục cũng là một hình thức ghi chép lịch sử có tính tổng hợp cao hơn phép biên niên.¹⁰

Nói chung, các nguồn sử liệu này có những giá trị nằm trong các phạm trù riêng biệt mà khi sử dụng người ta cần phải cẩn án theo phương pháp sử để tìm ra sự thật lịch sử. Có người cho rằng “sử quan thường là quan lại của triều đình hoặc là những sĩ phu thấm nhuần tư tưởng nho giáo. Họ ghi chép đúng ý của triều đình và theo quan điểm nho giáo. Lịch sử được phản ánh trong điều kiện đó cho nên không hẳn hoàn toàn trung thực. Lịch sử cung đình được soạn thảo chính thức để lưu truyền công khai. Thậm chí dân chúng còn bị bắt buộc phải chấp nhận quan điểm lịch sử cung đình. Nó được giảng dạy ở nhà trường, được lưu trữ ở các thư quán, văn khố. Đó là cách ghi chép sử và truyền bá dưới chế độ phong kiến chuyên chế. Ai nói khác sẽ mắc tội phản quốc hoặc khi quân phạm thượng bay đầu như chơi...”¹¹

Thật ra phong cách viết sử của các sử gia chính thống dưới các chế độ quân chủ nhiều khi tỏ ra rất phóng khoáng, tự do, chứ không quá khắt khe, cứng ngắc, xưng tụng một chiều quá đáng dòng họ thống trị. Các sử gia chính thống cũng đã biết phối hợp các nguồn tài liệu để đạt tới chân lý lịch sử, khen chê những chỗ

hợp tình, hợp lý, sử dụng bút pháp một cách cẩn trọng, không đến nỗi quá phiến diện, thiên chấp. Đọc đoạn văn sau đây sẽ thấy chỗ dụng công của các nhà viết sử chính thống: “Người ta hay chê chính sử có nhiều thiên lệch như trường hợp sử quan nhà Nguyễn gọi Tây sơn là ngụy Tây, Tây tặc, gọi các cuộc chiến đấu của anh em họ là “nhập khẩu” (vào ăn cướp)... Sử quan chỉ chép những sự việc của Tây sơn, Trịnh Lê khi chúng có liên quan tới Chúa của họ thôi. Dã sử sẽ bổ khuyết vào sự thiếu sót đó... Chính sử quan nhà Nguyễn cũng biết bổ khuyết tài liệu mình có được bằng cách tham bác dã sử khi viết về tổ chức quân chính triều Tây sơn chẳng hạn. Họ cũng đã dùng những chữ rất kêu để khen tài Nguyễn Huệ, cũng không giấu tạt xấu say sưa của Nguyễn Văn Thành, tạt ham chơi trong tình trạng chiến tranh của Thành, Duyệt, Huỳnh Đức... Cho đến cả việc quan quân Gia Định có người đi cướp của dân, sách nhiễu dân chúng, họ cũng ghi rõ”.¹² Đó là nhận định của một nhà nghiên cứu sử học miền nam trước năm 1975 khi ngòi bút của giới sử học ở đây không bị câu thúc, không bị lãnh đạo bởi một ý thức hệ chính trị nào.

Ngược dòng quá khứ, ngay chính vua Tự Đức khi ban bút phê về việc biên soạn pho Khâm định Việt sử Thông Giám Cương mục, cũng đã có những ý kiến khoa học, mới mẻ về phương cách chép sử, đã tỏ dấu nghi ngờ về hai niên kỷ Kinh Dương vương và Lạc Long quân, cũng như về phạm vi quá rộng rãi của nước Văn Lang ngày xưa mà cho rằng “chẳng qua là sử cũ chép quá phô trương đó thôi.”¹³

Để tìm hiểu quan điểm của giới nghiên cứu sử học miền bắc đối với các nguồn sử liệu chính thống hay trường phái “lịch sử cung đình,” chúng ta thử đọc vào đoạn văn sau đây: “Nói chung nguồn sử liệu chính thống phản ánh tư tưởng, mong muốn và ý đồ chính thức của giai cấp thống trị. Mặt khác, nó cũng mang những thông tin – ở những mức độ chính xác khác nhau – về tình hình chung của cả nước hoặc ở từng đơn vị hành chính. Nguồn sử liệu chính thống bao gồm nhiều mặt khác nhau: chính trị, pháp luật, tài chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, quân sự, ngoại giao v.v... Trong hoàn cảnh nước ta trước đây, khi mà những điều kiện ghi chép sự việc chưa phát triển, nhất là trong các tổ chức tư nhân, nguồn sử liệu chính thống hết sức quý giá. Chẳng

nhưng nó đã sống được mấy thế kỷ và thiết tưởng bao lâu còn nước Việt Nam nó còn sống mãi như vậy.”¹⁵

Trong giới sử học Việt Nam, nhất là tại miền nam trước năm 1975, đã có những nỗ lực để đánh giá lại các công trình biên khảo sử học của trường phái “lịch sử cung đình” chẳng hạn như các công trình biên khảo của sử gia Nguyễn Phương đăng tải trên tạp chí Bách Khoa ở Sài Gòn, tạp chí Đại Học ở Huế trong hai thập niên 60 và 70 với mục đích thử giải quyết một số vấn đề sử học như nguồn gốc dân tộc Việt Nam, phương pháp sử học, vấn đề Tây Sơn (dẫn đến cuộc bút chiến với Văn Tân, viện trưởng viện Sử học Hà Nội, năm 1963, về chủ đề “Ai đã thống nhất Việt Nam, Nguyễn Huệ hay Nguyễn Ánh?”) qua đó thẩm định giá trị các nguồn sử liệu chính thống như *Đại Việt Sử Ký* của Lê Văn Hưu, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* của Ngô Sĩ Liên, phân tích giá trị quyển *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* của Ngô Thời Chí. Cũng thông qua các công trình biên khảo sử học quý giá như *Việt Nam, Thời Khai Sinh* (1965), *Việt Nam Thời Bành Trướng: Tây Sơn* (1967), *Việt Nam Thời Bành Trướng: Trịnh Nguyễn* (chưa xuất bản) nhất là qua tác phẩm *Cổ Sử Việt Nam Trong Ngoại Kỷ Toàn Thư* (chưa xuất bản), sử gia Nguyễn Phương đã mạnh dạn đánh giá lại các tác phẩm sử học kinh điển của tiền nhân với tinh thần khách quan, khoa học chắt chiu sẽ giúp cho chúng ta có thêm nhiều tư liệu để thẩm định giá trị các sử phẩm ngày xưa một cách công bình, sáng suốt hơn.¹⁶

Dưới thời các vua nhà Nguyễn, ngành biên soạn sử học đã đi vào nền nếp với những công trình đại qui mô nói lên tầm vóc của nhà nước quân chủ phong kiến như các bộ *Khâm Định Việt sử Thông giám Cương mục*, *Thực Lục*, *Liệt Truyện Chính Biên*, *Liệt Truyện Tiền Biên*, *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ*, *Đại Nam Nhất Thống Chí*, *Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu*... được tiếp tục bổ sung, biên soạn qua nhiều thế hệ của triều đại nhà Nguyễn. Nhận định về các công trình biên soạn đó, nhà sử học Tạ Chí Đại Trường cho rằng “tổ chức ghi chép sử có hệ thống và công trình lưu lại đồ sộ nhất là của triều Nguyễn thế kỷ XIX. Nhà Nguyễn cũng thực hiện một lối viết sử mới có tính chất tổng hợp hơn so với phép biên niên trước, đó là phép

cương mục tóm thâu sự việc vào một đề tài và đưa chi tiết vào sau đó. Thật ra phép cương mục cũng dựa vào lối của một bộ sử đồ sộ đời Tống, và Hồ Tông Thốc ở thế kỷ XIV từng viết một bộ *Việt sử cương mục* đã thất truyền, nhưng bộ *Khâm định Việt sử cương mục* của *Quốc sử quán* Nguyễn quả là lớn nhất theo lối này ở Việt Nam.”¹⁷

Sau này cũng đã có nhiều nỗ lực để phiên dịch và ấn hành các công trình nghiên cứu, biên soạn sử học của các triều đại quân chủ trong lịch sử Việt Nam của nhà cầm quyền trước đây ở miền Nam do cố gắng của một số cơ quan như Ủy Ban Phiên Dịch Sử Liệu, Phòng Nghiên Cứu Sử thuộc Viện Đại học Huế, Viện Khảo Cổ, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, và một số cơ sở tư nhân ở Sài Gòn. Trong tinh thần tự do, dân chủ, ngành sử học của miền Nam đã có những bước phát triển trong quan điểm nghiên cứu, sáng tác.

...Đến khuynh hướng lịch sử dân gian

Lịch sử dân gian hay *dã sử* cũng chỉ là một, tức là do dân chúng ngoài dân gian viết ra, như đã nhắc đến khi phân tích về quan điểm lịch sử cung đình. Giáo sư Nguyễn Thế Anh đã cho rằng: “Bên cạnh các bộ chính sử, còn có những bộ *dã sử* (nhất là từ khoảng thế kỷ XI trở đi); đây là những quyển sách do tư nhân soạn, do những văn gia đã muốn chép lại những sự việc có liên quan đến lịch sử. Các quyển *dã sử* này cho phép bổ túc hay đính chính những điều sai lầm hay thiên lệch của những bộ sử do các sử quan thực hiện. Tuy nhiên, dù là chính sử hay *dã sử*, việc chép sử vẫn chỉ là độc quyền của một giai cấp xã hội hạn chế, giai cấp sĩ phu. Giới này, dù viết sử tại sử quán theo lệnh của nhà vua, hay chép sử tự ý mình, cũng chỉ nhìn thấy có một khía cạnh của sự việc mà thôi, và các tác phẩm của họ chỉ phản ánh các chuyên tâm của giai cấp sĩ phu; họ nhìn các giai cấp xã hội khác theo cái nhìn riêng của giới sĩ phu: các hoạn quan là địch thủ của họ tại triều đình, thường được trình bày như là những loạn đảng; giới thương gia của các đô thị ít khi được đề cập đến; nông dân chỉ được nhắc đến khi mà họ nổi loạn và đe dọa trật tự xã hội.”¹⁸

Những người viết *dã sử* hay sử liệu tư nhân đa số đều không muốn để tên họ rõ ràng trên tác phẩm của mình, có lẽ là do họ ưu tư về

nói về việc thông gian giữa quận Huy Hoàng Đình Bảo với Đặng Thị Huệ, mẹ của Trịnh Cán dẫn đến sự sụp đổ của họ Trịnh.

Hay câu:

Đầu cha lấy làm chân con

Mười bốn năm tròn hết số thì thôi...

là một lối chơi chữ chiết tự như sau: chữ *quang* (tên Quang Trung) có chữ *tiểu* ở trên đem xuống để vào phần dưới của chữ *cảnh* (tên Cảnh Thịnh, con Quang Trung).

Hoặc câu ca dao được truyền tụng một thời:

Lạy trời cho chóng gió nổi,

Cho thuyền chúa Nguyễn dong buồm thẳng ra...

nói lên phần nào lòng dân chúng lúc bấy giờ đối với thời thế có vẻ nghiêng chiều về phía ủng hộ chúa Nguyễn Ánh.

Dĩ nhiên lợi điểm thứ nhất của dã sử là không bị ràng buộc vào khuôn phép khát khe của triều đình, vào dư luận một chiều hay bầu không khí hoặc mô thức được đóng khung sẵn của xã hội đương đại. Tuy vậy, sự phổ cập nội dung một tài liệu dã sử cũng khó thực hiện nếu nó mang nhiều tính cách chống đối chính quyền hoặc đi ngược lại với dư luận chung trong xã hội. Tư liệu lịch sử do đó sẽ chỉ được lưu truyền trong dòng tộc, bà con mang tính cách của một thứ gia bảo, hay gia phả không tiện phổ biến ra bên ngoài.

Do những hạn chế trong việc bảo lưu tài liệu dã sử trong gia đình nên loại tài liệu này đã bị thất truyền, tam sao thất bản qua thời gian khiến cho việc biên soạn lại lịch sử đất nước gặp nhiều khó khăn mà chính Ngô Sĩ Liên, tác giả *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* cũng đã phải thốt lên rằng: “*Nước ta thiếu sử sách biên chép, mà sự thực đều do truyền văn, lời ghi có phần quái đản, công việc hoặc có sót quên, cho đến sao viết không đúng, biên chép phiên tạp, chỉ làm loạn mắt...*” Dĩ nhiên việc sử dụng tài liệu dã sử đòi hỏi sử gia óc phê phán, phân tích và tổng hợp theo tinh thần khoa học, biết cân nhắc các tư liệu khi đến tay, đánh giá sử liệu với đầu óc nhạy bén, sâu sắc. Việc sử dụng nhuần nhuyễn tài liệu dã sử đòi hỏi nhiều công phu về căn án vì phải truy nguyên nhiều thứ có liên quan tới tài liệu ví dụ tác giả, nguồn gốc xuất phát tư liệu, thời điểm, địa điểm, môi trường gia đình, xã hội, thể loại sáng tác (cũng có liên

quan phần nào đến địa phương và thời điểm lưu hành tác phẩm).

Một điểm cần lưu ý là sử liệu tư nhân đa số đều là những nguồn sử liệu *tiên nguyên*, sử liệu *trực tiếp* hay là sử liệu *đầu tay* nghĩa là “*tác giả trực tiếp biết sự kiện hoặc là nhờ chính mắt thấy, hoặc nhờ chính tai nghe, hay là chính tác giả là người đã đóng một vai trong các việc xảy ra*”.²⁴ Trường hợp này có thể dẫn chứng với tác phẩm *Vũ Man Tạp Lục Thư* của Nguyễn Tấn (1821-1871)²⁵. Tác giả là một viên Tiểu phủ sứ thuộc sơn phòng Quảng Ngãi, đã tình nguyện đảm nhiệm công cuộc bình định nhóm man Đá Vách từng gây nhiều khốn đốn cho triều đình nhà Nguyễn từ năm 1770 cho đến gần một trăm năm sau. Năm 1863, ông lãnh trách nhiệm ra quân dẹp giặc mọi ở miền núi hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định. Sau chưa đầy ba năm, ông dẹp xong và thu thập tất cả mọi hiểu biết của ông về núi rừng địa phương cùng phong tục tập quán của các sắc dân thiểu số ở đó, lịch sử kiến trí duyên cách miền thượng du để viết nên tác phẩm độc đáo *Vũ Man Tạp Lục Thư* mà chính cụ Cao Xuân Dục đã đánh giá là “*Tập sách này cũng dùng để bổ túc cho các sách sử trước đây chưa đầy đủ, soi rõ thêm các điều chưa tường tận*” và Henri Maitre, một nhà nhân chủng học nổi tiếng ở Đông Dương trước đây nhận xét đó là một tập hồi ký cung cấp những ghi nhận rất chính xác, rất quý giá về các sắc dân thiểu số ở Quảng Ngãi, thêm vào một trang sử rất kỳ thú về lịch sử xứ ta.²⁶ *Vũ Man Tạp Lục Thư* đã là một nguồn tài liệu đầu tay và tiên khởi viết về lịch sử vùng thượng du Quảng Ngãi, Bình Định do viên Tiểu phủ sứ đầu tiên viết ra và truyền lại cho con cháu trong dòng tộc ông ở Quảng Ngãi làm kim chỉ nam cho việc bình định các sắc tộc thiểu số ở đây. Các sách vở, trước tác, biên khảo của người Pháp viết về vùng cao Nghĩa Định, rồi phần lớn các sử liệu của triều Nguyễn hoặc sách vở của các tác giả Việt Nam về sau, khi muốn truy cứu về các sắc dân thiểu số ở hai tỉnh này đều dựa trên tác phẩm *Vũ Man Tạp Lục Thư*. Chính một người trong dòng tộc Nguyễn Tấn, Diên-Lộc quận công Nguyễn Thân cũng đã nối tiếp sự nghiệp của cha ông từ chốn rừng cao núi cả của Nghĩa Định sơn phòng, ổn định cuộc sống người dân thượng du ở đó, phát triển các phương

Một số suy nghĩ

NHÂN VỤ BÙI ĐÌNH THI

PHẠM PHÚ MINH

LTS. Vào đầu tháng Năm năm 1979, một vụ trốn trại đã xảy ra tại trại cải tạo Thanh Cẩm thuộc tỉnh Thanh Hóa, một trại nhốt tù nhân chính trị miền Nam sau 1975. Năm người thực hiện việc vượt trốn là cựu đại tá Trịnh Tiểu, Linh mục Nguyễn Hữu Lễ, cựu dân biểu Đặng Văn Tiếp, giáo sư Nguyễn Sĩ Thuyên và ông Lâm Thành Văn. Như thường lệ, sau khi bị bắt lại, tất cả mọi người trốn đi đều bị đánh đập tàn nhẫn, trong đó có hai người chết là Đặng Văn Tiếp và Lâm Thành Văn.

Ông Bùi Đình Thi nguyên là sĩ quan quân đội VNCH, cũng là một tù nhân cải tạo, thời gian bấy giờ đang giữ chức vụ Trật tự của trại, coi như một loại phụ tá cho cán bộ trực trại. Những người sống sót trong vụ trốn trại, sau này thuật lại, đặc biệt là Linh mục Nguyễn Hữu Lễ trong một số bài viết, rằng ông Thi có tham gia trong việc đánh đập nói trên và trực tiếp gây ra cái chết cho dân biểu Tiếp.

Tháng Chín 2003 vừa qua Tòa án Di dân Los Angeles truy tố ông Bùi Đình Thi về những cách đối xử dã man của ông với bạn đồng tù. Phiên tòa hiện chưa chấm dứt. Cộng đồng tị nạn Việt Nam rất chú ý đến vụ án này, mà bài viết sau đây là một trong các ý kiến liên quan đến nội vụ.

Trong cái xã hội nho nhỏ là cộng đồng người Việt Nam tại Quận Cam, và có thể tại nhiều vùng khác nữa, hiện đang xôn xao về vụ Bùi Đình Thi bị bắt để chờ ra tòa án của Sở Di Trú. Đồng bào đã nghe biết về vụ này từ mấy năm trước qua các bài báo của Linh mục Nguyễn Hữu Lễ kể chuyện bị anh Bùi Đình Thi đánh đập trong nhà tù Thanh Cẩm, qua loạt bài phỏng vấn vào năm 2001 của báo Người Việt với các nhân vật liên hệ như cha Lễ, anh và chị Bùi Đình Thi, qua sự kiện cha Lễ đã thân hành đến nhà anh Bùi Đình Thi để nói lên lời tha

thứ... Nhưng cho đến gần đây quần chúng không biết hoặc ít được biết về việc anh Bùi Đình Thi đã bị ông Nguyễn Đình Thám, Chủ tịch của Tổ Chức Cứu Người Vượt Biển đệ đơn kiện về những việc ác anh Thi đã làm tại trại Thanh Cẩm, vì với những việc này, anh không xứng đáng được hưởng quy chế tị nạn tại Hoa Kỳ. Suốt từ năm 2001, những toán điều tra của cơ quan INS (Sở Di Trú) đã nhiều lần gặp gỡ hỏi chuyện một số cựu tù nhân trại Thanh Cẩm, trong đó có người viết bài này, về các vụ việc xảy ra hơn hai mươi năm trước liên quan đến

được hứa hẹn như thế). Dù là nhận công tác một cách hoàn toàn bí mật, có cái lạ là trước sau những kẻ làm ăng-ten đều bị anh em biết hết, và họ bị lánh xa, cuộc sống gần như cô lập. Dễ nhận ra nhất là những lần vắng mặt bất thường của các đương sự để đi báo cáo, hoặc ở hiện trường lao động, hoặc giờ nghỉ trong trại. Ang-ten thì cũng nhiều mức độ, có người báo cáo cầm chừng, cho có (loại này thường bị chê là thiếu tích cực), nhưng cũng có người làm công tác này một cách năng nổ và... thông minh, len lỏi, tìm hiểu những câu chuyện trò, những lời than vãn hay điều cốt, thậm chí cả câu ca tiếng hát của bạn đồng tù, xào nấu cho có đầu có đuôi, có khi cho thành âm mưu, kế hoạch để báo cáo với an ninh, mong “lập công” lớn. Loại sau này bị các bạn tù ghét nhất, liệt vào thành phần “hại anh em.” Nhiều người đã bị đi kỷ luật hoặc bị trừng phạt tàn khốc vì những báo cáo này. Chung quy chỉ vì câu hứa hẹn “tiến bộ, mau về.” Ang-ten loại này luồn lọt, nguy hiểm và không lộ mặt, khó tính hết những tác hại của họ đối với anh em.

So với thành phần ăng-ten thì chức sắc kiểu như Bùi Đình Thi là những người được “bổ nhiệm” chính thức, nếu làm theo đúng chức năng được giao – phụ cán bộ đóng mở cửa buồng giam, đưa bữa ăn lên khu kiên giam và kỷ luật, coi sóc vấn đề vệ sinh tại các buồng, kiểm tra các đội khi đi làm về v.v... - thì cũng chẳng có gì gây hại cho anh em, ngược lại có người còn kín đáo giúp đỡ được một số anh em, nhất là những kẻ đang khốn đốn trong kiên giam, kỷ luật. Nhưng khốn nỗi Bùi Đình Thi lại cũng mang cái tâm lý muốn lập công, và hình như càng ngày ý muốn lập công lại càng thôi thúc mãnh liệt. Luôn luôn phải tỏ ra mình tích cực hơn nữa. Phải tỏ ra mình tuy là giáo dân nhưng vẫn có thể thắng tay với mấy ông linh mục, có khi còn mạnh tay hơn là đối với người thường để chứng tỏ tấm lòng trung thành của mình. Không một người trật tự viên nào của trại Thanh Cẩm thuộc thành phần quân nhân công chức miền Nam mà lại đánh bạn tù cả. Thi là trưởng hợp duy nhất, mà lại hành động quá sức tích cực, vì thế đây là trường hợp điển hình để tìm hiểu về sự thay đổi có tính cách đột biến nơi một con người trước kia vốn là mộc mạc. Có thể trong thời gian đó Thi hành động như một kẻ lên đồng, mê man, không làm chủ được

những cú đánh đấm trong cơn say máu của mình. Yếu tố ma quỷ nào trong người anh bỗng đột nhiên sống dậy như thế? Kẻ thủ lợi lớn nhất trong vụ này là cộng sản, họ đã thành công trong việc giam cầm và nghiền nát nhân cách của con người, ít ra là đối với một số người. Phương pháp của họ khá khoa học, trong khi vắt kiệt sức về thể chất với chế độ cho ăn thật ít, bắt làm thật nhiều thì về tâm lý họ liên tục tác động với những buổi học tập, những hứa hẹn “tiến bộ được về sớm” nhen nhóm hoài một nỗi hy vọng tuy xa vời nhưng vẫn là hy vọng, nhất là đối với những người ngây thơ. Mà trong hoàn cảnh đó thì con người dễ thành ngây thơ lắm! Cha Lễ kể khi Thi và Phát đánh một linh mục trên kiên giam, một bảo vệ ngựa tay cũng định nhào vô đấm tiếp thì thiếu úy an ninh Lăng ngăn lại: “Để chúng nó thanh toán nhau.” Đó là câu nói làm tôi đau nhất khi nhớ về những năm tù đầy. Nó chứng tỏ sự thành công của cộng sản trong việc khai thác những yếu kém về mặt con người của phe bại trận – dĩ nhiên khai thác khi đang giam cầm và hành hạ họ thì cũng chẳng phải là khó khăn gì.

Nhưng khi cả miền Nam rơi vào tay cộng sản thì những biến chất không chỉ xảy ra nơi trại tù, mà cả xã hội bên ngoài. Không kể những anh chị “cách mạng 30” mang băng màu đỏ chạy lảng xăng đây đó, những biến chất xảy ra về sau âm thầm và khủng khiếp hơn theo với sự ép cả xã hội vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa của cộng sản. Nhưng có một sự kiện liên quan đến anh em trong tù. Một hôm, một anh bạn trước kia giữ chức vụ cao cấp trong chính quyền được gia đình từ trong Nam ra thăm nuôi, khi vào trại đã thăm thì với tôi: “Toa biết không, có thể ‘chạy’ được. Có đường giây... bộ Nội vụ...” Tôi nhìn anh, rất đổi lạ lùng. Anh có thể đồng ý cho gia đình anh làm việc đó không? Từ ngày vào tù, dẫu gì chúng tôi cũng tự coi mình là đại diện cho cả một chế độ của miền Nam, với những lý tưởng tự do dân chủ của miền Nam mà mình biết chắc chắn hơn hẳn cộng sản. Cố gắng giữ tư cách trong tù không những vì danh dự hay vì nền giáo dục vốn có của cá nhân mình, mà một phần nào đấy còn vì

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI BÙI ĐÌNH THI

Vụ Bùi Đình Thi đã khiến tôi liên tưởng đến bao nhiêu điều không vui khác của chúng ta sau năm 1975, như vừa nêu ra trên đây. Tất cả chúng ta đều là nạn nhân của một hoàn cảnh đặc biệt. Hoàn cảnh ấy làm nảy sinh những cái quái dị mà nếu bình thường thì khó có ai hình dung nổi. Khi nhớ ra điều đó, có lẽ chúng ta thấy lòng dễ thông cảm và tha thứ hơn. Và hãy nhớ cho kỹ lại, có thể nhiều lần chúng ta còn phải tha thứ cho chính chúng ta nữa kìa! Đối với số đông, làm anh hùng rất khó, phải thành thật mà nhận như vậy. Có lẽ biết vậy nên đa số chúng ta không mấy ai dám tự xưng anh hùng trong thời gian tù tội. Không tự thẹn với mình đã là may lắm rồi.

Đồng đảo người Việt tị nạn đang nóng lòng theo dõi vụ án Bùi Đình Thi. Hiện tượng 800 cuốn hồi ký Tôi Phải Sống của linh mục Nguyễn Hữu Lễ, giá 32 đô la một cuốn, bán hết sạch chỉ trong mấy tiếng đồng hồ buổi chiều ra mát sách 21 tháng Chín vừa qua tại Little Saigon cho thấy thiên hạ náo nức về vụ Bùi Đình Thi như thế nào. Cuốn sách đã được chọn thời điểm và nơi chốn ra mát thật đúng lúc, đúng chỗ. Một người bạn của tôi tham dự buổi ra mát sách đã nói đùa rằng nếu cha Lễ trích một phần số tiền bán sách để tặng cho gia đình Bùi Đình Thi đang lúc khó khăn bối rối thì thật là vừa nhân đạo vừa công bằng.

Chắc rằng rất nhiều người, nếu không nói là tất cả mọi người, đều phần nộ khi nghe nói về những hành vi của Bùi Đình Thi khi ở trong tù. Trong tất cả những việc đáng tiếc mà chúng ta đã làm, đây là một điều nổi bật nhất. Một số người đã tố thái độ lên án Bùi Đình Thi một cách nặng nề, trước cả tòa án. Cách đây mấy ngày, ký giả Thiện Giao của báo Người Việt sau khi đi thăm chị Bùi Đình Thi về có viết một bài tường thuật tình cảnh của gia đình chị, có lẽ với một chút thương cảm kín đáo, đã bị một độc giả gọi điện thoại vào máng: Bộ muốn tiếp tay cho cộng sản phải không? Thái độ quá khích không muốn ai nghĩ khác mình, dù chỉ là tình thương một người vô can trong cơn hoạn nạn, có thể khá phổ biến trong cộng đồng của chúng ta. Nếu đúng như thế thì là điều đáng buồn. Việc gì cũng vậy, nên xét một cách bình tĩnh và với tấm lòng nhân. Không thể có thiện cảm với một người mà mình nghĩ làm nhiều điều

ác, cái đó dễ hiểu, nhưng ghét luôn cả gia đình người ta trong lúc đang lâm vào cảnh đau buồn và khó khăn, ghét đến độ không chịu cho người khác bày tỏ một chút tình lân mẫn, thì quả là quá đáng, nếu không nói là quá quắt. Tại sao một số người trong chúng ta hay có những cách phán xét một cách cực đoan như vậy? Ông bà chúng ta thường nói “nghĩ đi thì có lúc cũng phải nghĩ lại,” có nghĩa là sự việc gì cũng ẩn chứa nhiều mặt trong đó, cảm nhận một lần có thể chỉ thấy một mặt thôi, từ từ suy nghĩ lại có thể phát giác nhiều khía cạnh khác. Nóng vội, cực đoan thì luôn luôn chỉ nhìn mọi chuyện một cách phiến diện, hời hợt trên bề mặt, còn thực chất ra sao thì không biết. Mọi đánh giá, phán đoán trong tình trạng đó thường là sai lệch.

Thái độ cực đoan trên đây rất thường thấy trong chế độ cộng sản. Đó là chủ trương căn bản của họ: mọi điều đảng nói ra đều đúng, ai nói khác là có tội. Cộng sản không cho phép ai được phê phán các chủ trương của đảng. Muốn kết án ai thì đưa ra tòa, và tòa án chỉ là công cụ để tuyên những bản án do đảng làm sẵn. Trên nguyên tắc tòa chưa tuyên án thì chưa có tội, thế nhưng trong chế độ cộng sản, chỉ sắp đưa ra xử, báo chí đã đồng loạt viết bài lên án, chửi bới rồi. Có nghĩa là bị cáo đương nhiên phải bị kết án và bị trừng trị. Có trường hợp luật sư hăng hái bênh vực bị can quá cũng bị báo chí chửi luôn! Một số cá nhân trong cộng đồng chúng ta cực đoan thì có lẽ chỉ do tính khí, nhưng cái cực đoan của cộng sản thì là một chủ trương dứt khoát nhằm làm một gọng kềm siết cổ cả xã hội. Rời bỏ chế độ cộng sản để tìm tự do, điều đầu tiên chúng ta phải ý thức là sự tự do ngay trong tinh thần của chính chúng ta. Cực đoan, không cần đếm xỉa ý kiến người khác, kết án vô tội vạ, hùa theo đám đông mà không chịu tìm hiểu bằng chính cái đầu của mình..., đó là những gông cùm di lụy làm cho chúng ta vẫn còn trong tình trạng nô lệ, mặc dầu đang ở trên đất tự do. Chỉ có thể tự mình thoát khỏi sự tù hãm do chính mình gây ra bằng cách phá vỡ cái não trạng chật hẹp tù túng của mình, để từ đó được tự do thực sự.

Trong buổi ra mát sách Tôi Phải Sống của Linh mục Nguyễn Hữu Lễ tổ chức tại hội trường của đài Little Saigon Radio tuần trước đã xảy ra một việc bất ngờ, thoáng qua, nhưng ý nghĩa thật to lớn. Một trong những vị khách tham dự

toàn diện. Mà cốt lõi nhân tính thì cũng chẳng có gì là rác rưởi: lấy thương yêu mà sống với nhau, thay vì là oán thù. Tuy đơn giản, bài học ấy vô cùng khó, mỗi người phải cố gắng tự thắng mình từng chút một để cho tình thương nơi mình lớn lên, oán thù thu nhỏ lại, nhích dần mỗi lúc một tí tới chỗ hoàn thiện.

Bùi Đình Thi bị tố giác đã làm những việc ác, cơ quan trách nhiệm tiến hành điều tra để đưa ra tòa xét xử, hầu bảo đảm công lý cho xã hội. Đó là việc của một cơ chế xã hội. Nhưng Linh mục Lẽ, một nạn nhân trực tiếp của Thi, lại có thể có những quyết định ngược lại, cách đây mấy năm ông đã đến nhà anh Bùi Đình Thi và nói lời tha thứ cho anh. Công lý của xã hội không tha thứ nhưng cha Lẽ có thể tha thứ. Mỗi bên dựa trên đạo lý riêng của mình. Xã hội dựa trên trách nhiệm đối với quần chúng, cha Lẽ dựa trên lòng nhân. Đối với một tấm lòng nhân từ, thương xót những yếu hèn lầm lỡ của con người, thì trừng trị, làm khổ một con người, dù là người đó từng làm khổ mình, không đem lại điều gì tích cực cả. Thêm một chịu đựng khổ ải nữa thì có thêm chút gì tốt đẹp cho cuộc đời đâu? Nếu người từng làm điều ác kia hối hận việc làm của mình, chuộc tội bằng cách làm điều tốt cho bao người khác, và tâm hồn cũng như thể xác được bình an, đó chẳng là điều tốt đẹp đáng mong ước hơn chăng? Bên cho, bên nhận đều hạnh phúc với điều thiện.

Hội ái hữu cựu tù nhân chính trị Thanh Cẩm chúng tôi mỗi năm đều có họp mặt để trò chuyện hàn huyên cùng nhau. Những người đã có những năm tháng dài bên nhau trong tù, cùng chia sẻ những cay đắng và đùm bọc che chở cho nhau trong cơn khổ ải, bây giờ gặp lại, tự nhiên coi nhau như những người thân. Có người trong chúng tôi gọi tập thể này là “gia đình cựu tù nhân Thanh Cẩm,” chữ “gia đình” ở đây rất đúng, diễn tả chính xác tình cảm của chúng tôi đối với nhau. Tôi nhớ hồi năm 1982 tôi bị té gãy chân tại Thanh Cẩm, anh em đã lo lắng giúp đỡ tôi như thế nào trong hoàn cảnh thiếu thốn ấy, thì tình cảm gia đình đã có từ thời đó chứ không phải chỉ sau này gặp lại nhau trên đất Hoa Kỳ tự do và sung túc. Chúng tôi không bao giờ làm cái trò thuê nhà hàng, mượn ca sĩ để họp mặt cả, mà luôn luôn tổ chức tại nhà một người bạn nào đấy, để giữ gìn cái không khí gia đình của chúng tôi. Mỗi lần “gia đình”

họp mặt tại Nam Cali, nhiều anh em ở các tiểu bang và thành phố xa cũng cố gắng sắp xếp thì giờ về chơi. Nhưng có một người cựu tù đang ở ngay trong vùng này mà không bao giờ có mặt trong những buổi họp mặt ấy cả, đó là anh Bùi Đình Thi. Đọc lời triệu tập họp mặt chung trên báo thì anh em tự động tới với nhau, nhưng riêng anh Thi thì không dám tới, vì biết không ai ưa mình. Cho đến một năm anh Thi ngỏ lời xin tới cùng mọi người, có lẽ để tự phá vỡ sự cô lập từ ngày ra khỏi tù cho đến nay, nhưng anh em sau khi bàn bạc lại không đồng ý. Anh em đã bàn với nhau như thế này: Đối với những việc làm của anh Thi trong tù, anh em đồng ý bỏ qua, nghĩa là tha thứ. Nhưng xin anh đừng đến, vì sự có mặt của anh sẽ phá vỡ không khí vui vẻ tự nhiên của tất cả mọi người.

Cái bóng đen của quá khứ vẫn còn, và cái bóng ấy sẽ đổ ụp lên buổi tiệc vui nếu anh Thi xuất hiện. Anh em chỉ muốn giữ không khí gia đình Thanh Cẩm được thanh thản và êm ả. Thế nhưng lúc này lúc khác nhiều cá nhân vẫn đến nhà anh Thi để thăm anh và vui vẻ báo cho nhau biết gia đình anh sinh sống cũng bình thường, các con anh đi học và có công ăn việc làm, bắt đầu cưới vợ lấy chồng... Sau những năm đại nạn, nghe như thế thì ai cũng mừng, mừng cho anh cũng như mừng cho tất cả gia đình của bao anh em khác đã vươn lên được trong cuộc sống mới. Chính anh em trong trại Thanh Cẩm, trong đó có cha Lẽ, những người đã trực tiếp sống những ngày tháng kinh hoàng có hành vi lầm lỗi của anh Thi góp phần, lại là những người có thái độ bao dung nhất với anh Thi. Khổ ải làm con người lớn lên. Từ trong khổ ải đi ra người ta mới hiểu thấu sự cần thiết của LÒNG NHÂN trong cuộc sống nhân quần. Anh em Thanh Cẩm vô cùng biết ơn cha Lẽ đã nêu tấm gương sáng nhân từ ấy khi nói lời tha thứ cho anh Thi ba bốn năm về trước, để anh em có thể theo gương cha củng cố cái thiện cho tâm hồn mình.

“Thiện căn ở tại lòng ta.” Ai cũng có sẵn cái vốn quý ấy nơi mình. Nhưng phát triển nó, đem nó ra mà áp dụng được trong đời sống bình thường hàng ngày mới là điều quý nhất. Và mong nó sẽ xóa nhòa được những cái bóng đen của quá khứ vẫn còn vương vất trong tâm mỗi người. ●

phiên chợ trước Tết Nguyên-đán đông hết chỗ nói. Tôi chưa từng thấy đâu bày bán nhiều và đủ loại cam, quýt, bưởi, chanh yên, phật thủ như ở chợ Tết Phát-diệm. Trên bến dưới đều đồ ổi những cam và quýt.

Sau 1946, háng trăm ngàn dân tản-cư thuộc đủ mọi thành-phần xã-hội từ các thành-phố

Thanh-hóa, Ninh-bình, Nam-định, Hà-nội về tá-túc tại khắp các làng trong vùng, nên hoạt-động các ngành bồng phát-triển nhảy vọt và phong-phú hơn trước rất nhiều, nhất là về mặt buôn-bán: chợ trời, hàng ăn, quán cà-fê v.v. mọc lên mỗi ngày như nấm để đáp ứng nhu- cầu dân số gia-tăng từng ngày, từng giờ, nhất là từ khi Phát-diệm thành Khu An-toàn. Nếu không kể các thành-phố lớn trong khu-vực Pháp chiếm đóng, Phát-diệm thời đó có lẽ là khu thị-tứ sầm-uất nhất Bắc-Việt, nhất là từ khi có chợ Năm Dân và Phát-diệm trở thành trục giao-diểm trao đổi hàng-hóa giữa Khu Tự-do và miền Pháp chiếm đóng, tức miền Tự-do, và bồng-nhiên Cồn Thoi trở thành một thứ cảng nhỏ của Phát-diệm, đón nhận thuyền bè buôn bán từ khu Tự tới. Cũng nhờ có sự buôn bán giao-dịch này mà nhiều người đã có thể thừa dịp trốn thoát khỏi miền Cộng-sản.

Nói tóm lại, Phát-diệm trước đây được phồn-thịnh và danh tiếng một phần là nhờ đức tính cần-cù, tháo vát, có nhiều sáng kiến, chịu khó làm ăn của dân chúng, phần khác là nhờ những vị lãnh-đạo tinh-thần tài-trí như Cha lớn Khâm Trần Lục, Đức Giám-mục Việt-nam Tiên-khởi Nguyễn Bá Tông, Đức Cha Cố-vấn chính-phủ Lê Hữu Từ v.v. Sau nữa là nhờ có những bậc trưởng-thượng biết lo-lắng cho tương-lai địa-phương và con cháu sau này. Ông Phó Bá, cố ngoại của cố nghị-sĩ Nguyễn Gia Hiến, có dinh cơ tọa-lạc tại phía Tây bờ hồ, có thể được coi như là tiêu biểu cho các bậc ông cha này. Ông Phó Bá vốn là thợ kỹ riêng, đồng thời cũng là chân thân-tín và đặc-lực nhất của Cha Sáu. Sự giao dịch thơ từ giữa các lãnh tụ Cần vương ở Ba-đình với cha Sáu đều qua sự móc nối với ông Phó Bá. Tuy là người xứ quê, và cũng như cha Sáu, không phải là tay khoa bảng, nhưng ông là người có đầu óc, hiểu rộng và biết nhìn xa, lại có lòng với xứ sở quê hương. Để chuẩn-bị cho sự phát-triển địa phương, ông tự bỏ tiền túi gọi một số thanh-niên đi Hà-nội và Nam-định học chữ Pháp và một số những

nghề mới chỉ thấy có ở các thành-thị như nghề thêu, chụp ảnh, mở lò bánh tây (tức bánh mì), thợ nguội, thợ tiện, thợ giày, thêu đăng-ten, sửa đồng hồ, sửa đàn nhà thờ v.v.

Những người đi học chữ thì trở về dạy học tại trường tiểu học Pháp-Việt đầu tiên ở Phát-diệm do ông và cố Độ sáng-lập ngay trong khuôn viên Nhà Thờ Lớn. Các người đi học nghề khi trở về được giúp vốn mở tiệm làm ăn. Theo như cựu nghị-sĩ Nguyễn Văn Chúc thì lớp dạy Đông-y đầu tiên thời đó cũng do ông phó Bá thành-lập và chính thân phụ của ông đã xuất thân từ trường Đông y này.

Về mặt kinh-doanh, ông Phó Bá là một trong số rất ít ỏi những người Việt đầu tiên lập hội buôn nạc-danh. Hội buôn Thái Thương của ông ra đời cùng thời với hai hội buôn Việt-nam đầu tiên tại Hà-nội lúc đó, tức công-ty Quảng-Hưng-Long ở hàng Bồ và công-ty chạy tàu Bạch Thái Bưởi. Đồng hồ tử đứng (tức grand-father clock), đồng hồ treo, đồng hồ quả quít, xe đạp Saint-Etienne, đèn manchon, các loại máy may, máy thêu, vải vóc, tơ lụa, chỉ sợi, thuốc nhuộm, rượu chát, bánh kẹo Tây v.v. mà dân Phát-diệm trước đó phải lên Nam-định hoặc Hà-nội mới mua được, đều là những mặt hàng Pháp hoặc ngoại-quốc do công-ty Thái Thương nhập cảng và bày bán tại cửa tiệm hai tầng tọa lạc giữa phố Phát-diệm, tức tiệm bánh kẹo Đức Lợi của bà phán Hanh sau này. Rất tiếc là sau khi ông phó Bá qua đời các cổ-đồng và nhân-viên không biết cách quản-trị, nên ít lâu sau công-ty Thái Thương phải khai phá-sản, đóng cửa tiệm buôn, chấm dứt một thời-kỳ buôn-bán đầy hào-hứng của Phát-diệm. Khi sắp qua đời ông không quên những thế-hệ mai sau, do đó ông đã để lại cho trường Pháp-Việt xứ Phát-diệm mấy chục mẫu ruộng, nhờ đó mà nhà trường đỡ phải lo rất nhiều trong việc chi-phí điều-hành và trả lương các thầy giáo. Riêng con em làng Phát-diệm, giàu cũng như nghèo, nhờ ruộng ông phó Bá để lại, đều được đi học không mất tiền.

Tới đây tôi xin phép kết thúc chuyện ông phó Bá và bắt đầu nói tới nhân-vật chủ-chốt của Phát-diệm thời sơ-khởi, một nhân-vật lỗi-lạc nổi tiếng khắp thiên-hạ thời đó, mà tên tuổi sẽ đời đời gắn liền với Phát-diệm: đó là cụ Sáu, tức Cha Trần Lục, người đương thời thường kính cẩn gọi cha là Quan Lớn Khâm, hoặc Cụ Lớn Khâm. Để cho tiện, trong phần

sự đề-cử của quan lại Bắc-kỳ, nhà Vua cử Cha Sáu giữ chức Tráp-an lo việc bình-định và an-dân tại miền duyên-hải Bắc Việt, tiêu trừ bọn hải tặc Tàu Ô. Công việc hoàn thành, nhà vua ban thưởng cha Sáu sáu tấm Kim-tiền và một Kim-khánh là những huy-chương cao-quý nhất của triều-đình. Trong một sắc phong, vua Tự Đức đã nhận xét về cha Sáu như sau: “Linh-mục Trần Lục có năng lực dẹp yên Lương Giáo Bắc-kỳ. Ông là bậc trung thành thiên hạ đều biết, Triều-đình yên trí.” Sau vụ Văn thân phá rối và tàn sát hàng ngàn người theo “tả đạo” tại ba tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, trong một bản văn khác nhà vua viết: “Trần Lục đã hòa-giải và đã đem lại thuận hòa giữa lương dân và những người theo đạo Gia-tô tại Đông kinh, và ông làm điều đó là do công tâm của ông như người ta đã từng biết như vậy. Trẫm và hết thảy các quan trong nước đều tin cậy.”

Tới khi những chuyện lộn xộn như trên tái diễn, vua Đồng Khánh bổ-nhiệm cha Sáu làm Khâm-sai Tuyên-phủ-sứ với trọng-trách an-dân tại ba tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh. Từ đó ai nấy đều kính cẩn gọi cha là quan lớn Khâm hoặc cụ lớn Khâm. Thân mật hơn thì là Cha Lớn Khâm. Năm 1925, để ghi lại những công-lao hiển-hách của Cha Lớn Khâm, vua Khải Định truy-phong cha tước Phát-diệm Nam.

Ngoài trọng-trách tráp-an mà triều-đình giao-phó, Cha Sáu còn là một nhà lãnh đạo tinh-thần, nên bằng mọi giá, cha quyết-tâm bảo-vệ con dân, Lương cũng như Giáo, mang phúc-lợi và an-bình đến cho họ. Chính vì vậy mà những phe phái gây rối vốn thù-nghịch với người có đạo vu-cáo là cha theo Tây diệt Văn-thân và Cần-vương. Đúng ra thì các phong-trào Văn thân mới là đáng trách, vì không mấy khi dám trực diện với Tây nên đã giận cá chém thớt bằng cách đốt phá hàng trăm làng Thiên Chúa giáo, sát hại hàng vạn người vô tội. Họ chẳng bao giờ bình Tây mà chỉ có sát tả một cách thiệt là tận tình. Trong một thời buổi rối loạn và nhiễu-nhương như vậy, cha Sáu có thể làm được những gì đây? Chẳng hạn như vào cuối năm 1873, tên quân Hautefeuille kéo một tiểu đội lính Pháp về chiếm tỉnh-ly Ninh-bình, các quan tỉnh bỏ chạy hết. Trước khi rút về Nam định, tên quân Tây Hautefeuille không biết phải làm thế nào, bèn nhờ người mời cha lên giao lại tỉnh-ly. Vì tình thế ép buộc, và cũng vì

dân vì nước, Cha Sáu bất đắc dĩ phải chấp nhận chuyện tiếp thu tỉnh ly và thu xếp tàn cuộc.

Về vụ Ba-đình, các giả-thuyết thường đối chọi nhau. Tôi cũng đã cố gắng rất nhiều để tìm hiểu vấn-đề nhưng cho tới nay vẫn chưa có manh mối gì có thể giúp tôi đi tới một kết luận dứt khoát mặc dầu tôi đã có cái cơ hội được nghe một nhân chứng đương thời, tức ông nội tôi, nói rất nhiều về vai trò của “Cha Lớn Khâm” trong vụ này. Như đã nói ở trên, có một số người sau này thường vịn vào hai vụ tiếp nhận Ninh bình và Ba-đình để phê phán và kết tội Cha Sáu là theo Tây và diệt Cần vương. Đó chẳng qua cũng chỉ là một sự vu cáo hết sức chủ quan và hàm hồ, hoàn toàn do thành kiến và đổ ky, thực ra không có chứng cứ cụ thể hoặc sự kiện xác thực nào khả dĩ kiểm chứng được một cách khách quan. Đó cũng là một âm mưu bóp méo lịch sử một cách thực vô duyên và đầy ác ý của một số người thiên cận, hoặc vì mục đích chính trị, hoặc vì đầu óc bè phái và thiên kiến mà bất cứ thời buổi nào cũng thấy có. Cha Sáu là một con người thông quán rất đặc biệt nên mỗi khi phải đối phó với một sự việc khó khăn thường có những quyết định cũng rất đặc biệt và khác thường mà người bình thường như chúng ta nhiều khi không hiểu hoặc hiểu một cách sai lầm. Vốn là một con người chính trực quân tử, lại can trường, dám làm dám chịu, thấy việc phải là làm, cha Sáu chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện sau này người đời không hiểu có thể xuyên tạc. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng một vị chân tu có lòng trung quân, có tài đức và trí tuệ hơn người, lại hết lòng thương dân, có tinh thần dân tộc cao độ và quán triệt nền văn hóa truyền-thống Việt Nam như cụ Sáu không thể nào lại là một con người bội phản, bất nghĩa, hại dân hại nước.

Phần sau của bài này, tôi thiết-nghĩ không thể không có một đôi lời về nhà Thờ Lớn Chánh Toà. Nói cho rõ hơn, tôi muốn trình bày một vài chi-tiết liên quan tới việc xây cất ngôi thánh đường độc nhất vô nhị này.

Khi bị đày ở Lạng-sơn, Cha Sáu có lời khẩn là nếu một khi được tự-do trở về phục-vụ dân con Chúa sẽ xây dựng một ngôi thánh đường thực xứng đáng để kính Đức Mẹ Mân-côi. Tới khi được triều-đình phóng-thích, cha vẫn chưa biết tới khi nào mới thực-hiện được lời khẩn. Khi làm giáo-sư tại tiểu chủng-viện Vĩnh-trị,

bình). Sau khi phá núi, người ta thường đóng bè chở đá theo đường sông về Phát-diệm. Cho tới nay, người bình thường không mấy ai biết rõ các cột nhà thờ cao thẳng tắp, từ chân cột lên tới ngọn đều lớn tròn hai người ôm mới nổi, làm bằng loại gỗ gì. Nhiều người cho là gỗ lim. Thưa không, đó chính là gỗ chò, bởi vì chỉ có gỗ chò mới lớn, cao, thẳng tắp và nhẵn-nhụi như vậy. Cung-điện và Cửa Ngọ-môn ở kinh đô Huế trước đó chừng gần một trăm năm phần lớn cũng đều làm bằng gỗ chò.

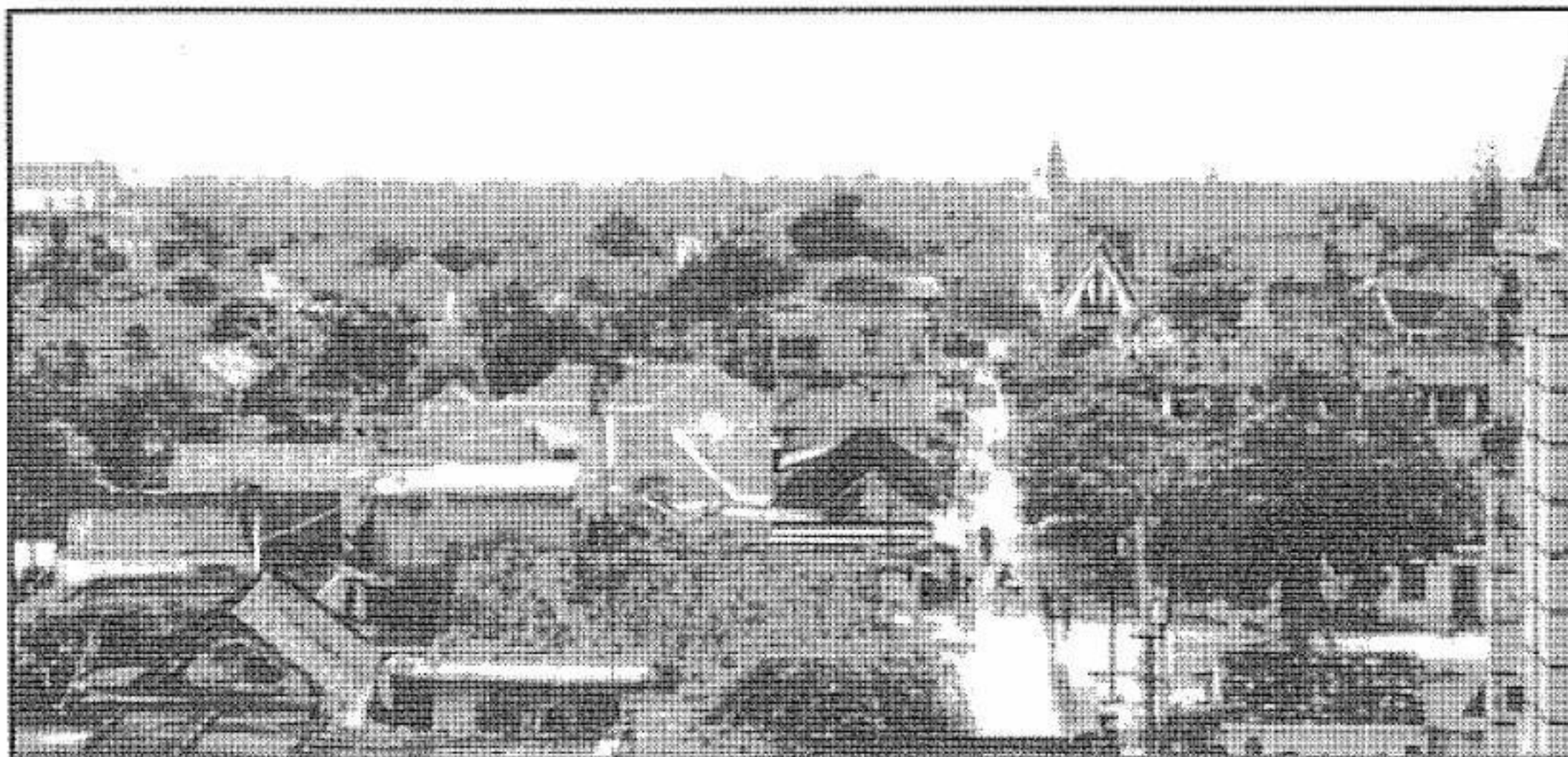
Không phải chỉ có gỗ chò mới là thứ hiếm, nhiều loại vật-liệu khác phải được thửa riêng cho việc xây cất nhà thờ, nên sau này, mỗi khi cần được thay thế, thường rất khó tìm hoặc phải chế bằng vật-liệu khác.

Sau hơn mười năm chuẩn-bị, gỗ đá và các thứ vật-liệu khác chất cao như núi, Cha Sáu cho cất bốn ngôi nhà thờ nhỏ bao quanh trước, kiểu mẫu, cách chạm trổ và gỗ khác nhau, có lẽ với mục-đích là sẽ chọn một trong số bốn nhà thờ nhỏ này làm kiểu mẫu cho Nhà Thờ Lớn sau này, đồng thời cũng là để rút kinh-nghiệm trong việc xây cất.

Ngôi nhà thờ nhỏ đẹp nhất và cũng công-trình nhất là nhà thờ kính Trái Tim, làm toàn bằng gỗ gụ, là thứ gỗ mịn đẹp và quý nhất. Nhưng rồi cuộc, khi vẽ lại, kiểu cách nhà Thờ Lớn khác hẳn, đẹp, duyên-dáng và nguy nga hơn mấy nhà thờ nhỏ trước kia rất nhiều. Nói tới những nhà thờ mẫu, tôi quên chưa nói tới

một ngôi nhà thờ kiểu mẫu rất đặc-biệt, với một lối kiến-trúc thiết lạ-lùng: đó là Nhà Thờ Đá, được xây cất đầu tiên, ở lui hẳn về góc ở phía Tây Bắc, hết thảy làm toàn bằng đá xanh, có hai tháp nhọn tương tự như Bút Tháp cạnh cổng ra vào đền Ngọc-sơn, Hà Nội.

Việc xây cất nhà thờ cũng mất chừng 10 năm, cả thảy trước sau trên 20 năm. Nhà thờ tuy không to lớn bao nhiêu nhưng vì làm toàn bằng những cây gỗ và phiến đá lớn nên quả là một công-trình kiến-trúc tương-đối vĩ-đại nhất là khi ta đặt nó vào trong cái bối cảnh của Việt nam ở cuối thế kỷ 19. Ngoài ra lối kiến-trúc Việt-Nam có pha lẫn đôi chút nghệ-thuật baroque của nhà thờ rất độc-đáo, uy-nghi mà vẫn mỹ-lệ, duyên-dáng, đầy dân-tộc tính. Có một điều rất đặc biệt làm cho mọi người phải ngạc nhiên và kính phục đó là sự hòa đồng rất sâu sắc giữa các nền văn hóa và nghệ-thuật mà người ta tưởng chừng như không bao giờ có thể gặp nhau đã được thể hiện một cách hài hòa và tự nhiên ở các công trình kiến trúc của khu quần thể nhà thờ Phát diệm. Thực vậy, trên một số những phù điêu và hoa văn, đặc biệt là trong ngôi nhà thờ đá tôi nói ở trên, người ta phát hiện thấy có những chi tiết biểu dương rõ rệt sự hòa hợp giữa Thiên Chúa giáo với Phật giáo và Đạo giáo, giữa nghệ thuật cổ truyền Việt Nam với nghệ-thuật Phục hưng và Cổ-diễn Tây phương, và đặc biệt hơn nữa, giữa quan niệm triết lý vương trồn rất nhân bản và



Thị xã Phát Diệm

chuông trầm hùng và đi xa hơn chùa Cổ-lễ rất nhiều. Có thể là vì chất-liệu và kỹ-thuật đúc cao hơn, cũng có thể là vì chuông được treo cao.

Cha Sáu còn trù tính xây một tháp cao 60 thước Tây, nhưng chưa kịp thực hiện thì cha đã qua đời, thiệt đáng tiếc. Năm đó, năm cuối cùng của thế kỷ 19, Cha Sáu thọ đúng 70.

Kể từ thời Cha Sáu, nhất là từ khi có ngôi Thánh-đường mới, Phát-diệm bắt đầu nổi tiếng trong thiên-hạ. Tiếp đến là thời-kỳ Giám-mục Việt-Nam tiên-khởi Nguyễn Bá Tòng rồi đến thời-kỳ Đức Cha Lê Hữu Từ, đất Kim-sơn/Phát-diệm càng được thiên-hạ chú ý và ngưỡng-mộ, nhiều nhân-vật nổi tiếng đã tới thăm nơi địa-linh này, chẳng hạn như trong thời Pháp-thuộc, ta thấy có Phước-môn Công Nguyễn Hữu Bài, học-giả Trương Vĩnh Ký, các toàn-quyền De Lanessan và Rousseau, Phó vương Ấn-độ Lord Curzon, Đại-tướng Catroux, đô-đốc Decoux, các thống-sứ Châtel, Tholance v.v. Vào thời Việt-Minh thì có chủ-tịch Hồ Chí Minh, Cựu-hoàng Bảo-đại, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp v.v. Thời khu an-toàn có một số người ngoại-quốc nổi tiếng tới thăm hoặc tìm hiểu như giáo-sư Honey, đại-văn hào Graham Green v.v. Các nhân-vật chính-trị đối-lập tìm về Phát-diệm cũng khá đông. Tôi thời đó mới gia-nhập làng văn-ngệ nên hầu như ngày nào cũng có dịp tiếp đón các bạn văn-ngệ như Tử-Phác, Tô-Vũ, Ngọc Bích, Sỹ-Tiến, Bích-Hợp, Ngọc Giầu, Phan Tại, Nguyễn Văn Hiếu, Đỗ Thế Phiệt, Lương Ngọc Châu, Nguyễn Anh Thường, mấy anh em trong nhóm William Chang v.v. và một số các vị trưởng-thượng như các cụ Vi Huyền Đắc, Lê Trọng Quý v.v. Chính nhờ dịp này mà vào mùa đông 1948, Đoàn Văn Cầu và một số anh em Phát Diệm chúng tôi đã có thể tổ-chức được ba buổi trình-diễn nhạc cổ-diễn lần đầu tiên tại Phát-diệm.

Đây chẳng những là chuyện có lần đầu tiên tại Phát-diệm mà cũng là độc nhất vô nhị trong suốt các vùng kháng-chiến tại Việt-nam hồi đó. Báo *Sự Thật* của Cộng-sản đã chửi chúng tôi thậm-tệ về vụ này. Tôi còn nhớ, lễ Sinh-nhật năm đó (1948) cha Hoàng Quỳnh làm lễ nửa đêm tại nhà thờ họ Rosa ở phía bên kia Cầu Ngói, tôi đưa Đỗ Thế Phiệt và Đỗ Anh Tuấn tới đánh đàn và thổi sáo dưới ánh nến lung-linh của Đêm Giáng-sinh trong ngôi nhà thờ

nhỏ hẹp và cũ-kỹ. Khi ra về, anh Ng. Đ. Th., con trưởng cụ Hàn Th., cũng là một tay vĩ cầm thuộc loại tài tử nói với tôi là trong đời anh chưa bao giờ anh được dự một lễ Noel đẹp và sốt sáng đến như vậy. Ba năm sau anh Th. qua đời, tuổi chưa tới 40. Đỗ Thế Phiệt thì sau đó mấy năm đi Âu-châu theo học lớp nhạc-trưởng tại Conservatoire Internationale tại Thụy-sĩ. Anh mất một cách đột-ngột tại Saigon cách đây gần 30 năm, giữa lúc anh đảm-nhiệm chức Giám-đốc Trường Quốc-gia Âm-nhạc Saigon. Thay thế anh tại trường Quốc-gia Âm-nhạc là một người Phát-diệm, cũng là một tay vĩ-cầm nổi tiếng, đó là Nguyễn Khắc Cung, con trai thứ hai của Cụ Bố Lễ. Nguyễn Khắc Cung nay ở đâu, tôi thực không rõ.

Những chuyện trên đây tôi có cảm tưởng như mới xảy ra ngày hôm qua. Chuyện nào gần nhất cũng đã là sự việc xảy ra cách đây ít nhất ba, bốn mươi năm hoặc trên nửa thế-kỷ về trước và những người tôi nhắc tới trong bài này, hình như chẳng còn ai ở trên đời này.

Tôi có một cái tật rất tệ là mỗi khi phải suy nghĩ một vấn-đề gì hoặc khi cầm bút viết tôi thường vừa nghĩ vừa nghe nhạc. Khi tôi viết tới những dòng này thì máy CD của tôi đương chơi một đoạn nhạc của Schumann. Bản nhạc solo dương cầm này có cái tên là *Romance en Fa dièse majeur* nghe thiệt êm đềm và buồn. Qua những tiếng nhạc chứa chan tình cảm biết bao kỷ niệm và hình ảnh thân yêu của những ngày Phát Diệm xa xưa đã lần lượt hiện ra trong đầu óc tôi một cách thiệt nhanh nhưng khá rõ ràng, chẳng khác gì một đoạn phim đen trắng. Và một nỗi buồn mung lung khó tả tràn ngập tâm hồn tôi.

Những năm này, những tháng này, những ngày này, trong suốt cuộc đời, tôi không thể nào quên được. Có lẽ vì đó là những tháng ngày vui nhất trong đời tôi, đồng thời cũng là những tháng ngày hạnh-phúc cuối cùng của Phát-diệm, trước khi một trận bão lửa khủng khiếp sập xuống đầu người dân Phát diệm/Kim Sơn, bắt buộc họ phải rời bỏ mồ mả tổ tiên đi tìm Tự do cách đây đúng 50 năm.

Và tới đây, tôi xin phép được tạm ngưng bài về Phát diệm, là phần đầu của những câu chuyện "Người xưa, đất cũ" mà tôi mong được trình làng trong những dịp sắp tới. ●

ông Tường, Thuyết và vua Đồng Khánh thay vua Hàm Nghi. Viết dưới thời Pháp thuộc vào đầu thập niên 1920 để dùng vào việc giáo dục thanh thiếu niên của một nước Việt Nam thuộc Pháp, cuốn sách của sử gia Trần Trọng Kim, mặc dầu về sau có đôi chút sửa đổi, dĩ nhiên đã phải chịu áp lực chính trị của chính quyền thời Pháp thuộc, và ảnh hưởng nặng nề của các sách báo của nền sử học thực dân Pháp. Vì xu hướng viết sử trội yếu của các sử gia Việt là lặp lại những gì các sách trước đã viết, không đặt nặng vấn đề tìm kiếm các tài liệu gốc và đầu tay, hay lượng giá, phối kiểm các tài liệu tham khảo, cho nên những sự xuyên tạc và bóp méo do các tác giả thực dân tung ra với mục đích tuyên truyền vẫn được truyền tụng mãi cho đến ngày nay, cả nửa thế kỷ sau khi Việt Nam đã thoát khỏi sự kìm kẹp của Pháp.

Mới gần đây, chẳng hạn, những câu nói đó của sử gia Trần Trọng Kim được lặp lại gần như nguyên văn trong cuốn Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả của Hội Đồng Trị Sự Nguyễn Phúc Tộc. (Nhà Xuất Bản Thuận Hóa, Huế, 1995 [sẽ được gọi tắt là: Thế Phả], 383). Trong bài “Nguyễn Văn Tường có tư thông với bà Học Phi và giết vua Kiến Phúc không?” đăng trên báo *Thế Kỷ 21* số 172 và 173 năm 2003, người viết đã chứng minh với đầy đủ chi tiết rằng câu chuyện tư thông và giết vua đó, mà sử sách ta đã tốn bao nhiêu giấy mực bàn cãi mãi, và cho đến nay còn được lặp đi lặp lại trong bộ sử mới xuất bản đầu thế kỷ thứ 21, (Hoàng Cơ Thụy, *Việt sử khảo luận*. Antony, Pháp: Hội Văn hóa Hải ngoại, 2002, 1271-2, 1327, 1891-2), chỉ là một câu chuyện hoàn toàn bịa đặt, do nền sử học thực dân tung ra, vì mục đích chính trị, để bôi lọ nhân vật NVT, một nhân vật đã kiên trì chống Pháp với sách lược “hòa để mưu chiến,” và đã bị Pháp đày đi Tahiti rồi mất ở đó. (Xin xem bài “Nguyễn Văn Tường và sách lược chống Pháp dưới Triều Nguyễn.” *Thế Kỷ 21*, số 169, 170, 171, 2003). Bài này và các bài kế tiếp sẽ tiếp tục chứng minh rằng tất cả các tố cáo khác của sử sách liên quan đến việc NVT ám hại vua quan, hoàng tộc, ăn hối lộ người Tàu, nịnh bợ, tráo trở để bị cho là “tham lam, tàn nhẫn, gian trá ...”, đều không dựa trên một cơ sở nào vững chắc cả, và đều là kết quả của sự xuyên tạc, bóp méo, bôi lọ các nhân vật chống Pháp, của nền sử học thực dân.

Để tiện việc trình bày, vấn đề này được chia làm ba phần chính: 1. NVT tham lam; 2. NVT tàn nhẫn; và 3. NVT gian trá? Bài này sẽ chỉ nhấn mạnh vào khía cạnh “tham lam,” hai khía cạnh kia sẽ được bàn trong dịp khác. Vì ranh giới giữa ba tính chất này đôi khi không rõ rệt, và có thể đưa đến nhiều trùng dụng, sự phân chia này không khỏi có phần độc đoán, và chỉ nên được xem như là một phương tiện để sắp xếp tư tưởng mà thôi. Những sự việc, đúng hay sai, có hay không có xảy ra, liên quan đến NVT mà sử sách đã có thể dùng để suy diễn là NVT là tham lam, sẽ được bàn xét sau đây.

I. Nguyễn Văn Tường tham nhũng và hà lạm?

A. Chiến dịch xuyên tạc vua quan Việt Nam của Thực dân Pháp

Nói đúng ra, không phải một mình NVT mà tất cả vua quan nhà Nguyễn nói chung hồi đó, đều là đối tượng của sự bôi lọ của nền sử học thực dân Pháp. Sự bôi lọ đó cần thiết cho giới thực dân để biện minh cho cuộc chiến tranh xâm lăng chiếm cứ thuộc địa của họ. Theo một luận cứ quen thuộc của thuyết thực dân, nước Pháp văn minh, vĩ đại có bốn phận đù nát các dân tộc bán khai ở các châu Phi, Mỹ, Á lên con đường văn minh tiến bộ. Muốn vậy, cần phải giải phóng các dân tộc này khỏi sự áp bức, bóc lột tàn bạo của giai cấp cai trị họ, cũng như khỏi những tập tục dã man, hủ lậu, mê tín dị đoan của xứ sở họ. Các viên chức dân và quân sự Pháp lo việc diệt trừ giai cấp thống trị bản xứ. Các thừa sai Công giáo lo việc mang ánh sáng phúc âm đến cho dân chúng bị trị. Trong khuôn khổ chiêu bài đó, một tác giả Pháp, dựa vào thư tín của Đức Giám Mục Retord, đã đánh giá các quan lại Việt Nam đại lược như sau: Dân Bắc Kỳ nói chung rất hiền lành và biết ơn, còn những nhà cầm quyền thì chỉ có thể khống chế bằng cách làm cho họ sợ hãi mà thôi; giới quan lại là giai cấp tệ lậu nhất trong xã hội: rượu chè, cờ bạc, thuốc phiện, xướng ca, trụy lạc là lối tiêu khiển của họ; họ chỉ lo lừa phỉnh vua để hưởng vinh hoa, đàn áp dân chúng để kiếm tiền, bóp méo luật pháp để làm lợi cho mình và làm hại kẻ bần cùng; với những kẻ cai trị như vậy, mọi hiệp ước đều vô nghĩa, chỉ có vũ lực mới buộc được họ thi hành những điều cam kết mà thôi. (Romanet du Caillaud, F., *Histoire de l'intervention française au Tong-*

đến ngày đi đày ở Tahiti vào tháng 9 năm 1885. Suốt trong thời gian này, dù ở chức vụ nào, NVT luôn luôn tận tụy làm hết bổn phận với vua, với nước. Ông bắt đầu với một chức học quan, huấn đạo huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Sau một thời gian ngắn, ông được thăng tri huyện Thành Hóa (vùng Cam Lộ, Quảng Trị), và đã ở lại với vùng hoang địa nghèo khổ này, trước sau, tất cả chín năm. Trong vùng này, người Kinh sống xen kẽ với người Thượng ở những nơi gần núi non hiểm trở, và đầy sơn lam chướng khí. Người Thượng gồm nhiều sắc dân khác nhau, phần đông sống lưu động ngoài vòng kiểm soát của triều đình, và thường xung đột lẫn nhau. NVT đã đem lại an ninh cho vùng biên giới Lào Việt này, và đã có công chiêu tập các đồng bào thiểu số về khai khẩn đất hoang, qui tụ thành xóm làng đông đúc, phồn thịnh, an cư lạc nghiệp dưới sự kiểm soát và bảo vệ của Triều đình Huế. NVT đã tận tâm và thành công trong công cuộc khẩn hoang, phát triển thủy nông, mở mang chợ búa, mở ngành nghề, bố phòng an ninh, và chiêu dân lập ấp, nên ông được dân trong vùng tưởng nhớ công đức và thờ phượng, và được vua Tự Đức khen thưởng nhiều lần. (ĐNTL, XXVIII, 217, 271, 315, 321; XXIX, 48; Trần Viết Ngạc, “Nguyễn Văn Tường qua

châu bản Triều Nguyễn.” *Nhóm chủ chiến trong Triều đình Huế và Nguyễn Văn Tường*, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học, 20-6-1996, Trường ĐHSPTP HCM [sẽ được gọi tắt là HNNVTDHSP96], 209; Đỗ Bang, “Góp phần làm sáng tỏ những uẩn khúc trong cuộc đời của nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường [1824-1886].” *Hội thảo khoa học “Nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường,” Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Huế - Đại học Huế & Hội Khoa học lịch sử Thừa Thiên, 2/7/2002* [sẽ được gọi tắt là: HTNVTHUE02], 23). Thành tích đó đã được vua minh thị thừa nhận, vì sau khi NVT được thăng thưởng giữ các chức vụ cao hơn, như viên ngoại và biện lý bộ Binh, án sát Quảng Nam, và phủ doãn Thừa Thiên, vua Tự Đức vẫn bổ nhiệm ông kiêm sung chức doanh điền sứ hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị. Rồi không lâu sau khi NVT bị cách chức phủ doãn Thừa Thiên năm 1866, vì là quan đứng đầu địa phương mà đã không ngăn chặn được vụ loạn giặc Chày Vôi xảy ra trong quản hạt của mình, nhà vua vẫn chuẩn cho NVT làm bang biện huyện Thành Hóa, nơi xưa chốn cũ của ông, và còn ban cấp cho ông ấn Khâm phái quan phòng để được quyền trực tiếp tâu bày lên vua. (ĐNTL, XXX, 51, 98, 148, 156, 186, 226, 287; XXXI, 14, 57, 87)



Đám cưới Vua Duy Tân

gọi tắt là BAVH], số 3, 1924, 278, ct. 1). Tiểu sử này được ông Cosserat trích dẫn nguyên văn từ sách của A. Bouinais và A. Paulus. (*L'Indochine française contemporaine* - Tome II. Paris: Libr. Maritime et Coloniale, 1885, 273, ct. 1) Và có lẽ ông Gosselin cũng đã lấy từ đó mà không nói ra. Về chuyện của NVT, sách của Bouinais có nói rõ hơn ở một chỗ khác rằng:

“Cũng như ở Cao Mên, nhà vua đón nhận những đơn khiếu nại của thần dân về những sự oan ức do các quan lại hành chánh hay tư pháp gây ra. Một cái trống được đặt ở trước cửa hoàng thành. Nguyên cáo chỉ cần đánh trống để các lính canh chú ý, rồi đơn khiếu nại được một tòa án đặc biệt . . . duyệt xét. [] Quan xử án nịch chức bị trừng phạt, nhưng người khiếu nại, nếu tố cáo gian, sẽ bị hình phạt roi. Phụ Chánh Nguyễn Văn Tường đã bị cách chức trong một trường hợp như vậy từ 1865 đến 1867, thể theo lời khiếu nại của dân chúng Huế.” (Op. cit., 656, NQT dịch và nhấn mạnh)

Người viết những dòng này, Bouinais, là đại úy thủy quân lục chiến, tùy viên võ phòng của Thống đốc Nam Kỳ Ch. Thomson [1883-1885]. Tác giả không cho biết tin này, cũng như mọi tin quan trọng khác, bắt nguồn từ tài liệu tham khảo nào. Tuy nhiên, với tư cách là một công chức cao cấp quan trọng, Bouinais có thể đã lấy tin này từ một bản tiểu sử của NVT do cơ quan mật vụ Pháp soạn thảo, trong đó có chỗ nói sai lạc, một cách cố ý hay vô tình, rằng “Vào 1866 [NVT] bị tố cáo là bất công và cách chức” [1866 Accusé d'injustice, il est cassé]. (Centre d'Archives d'Outre-mer, Aix-en-Provence, [sẽ được gọi tắt là CAOM], Archives centrales de l'Indochine, Amiraux et Gouverneurs de la Cochinchine, F44, 11785 - Deportation à Tahiti de Nguyen Van Thong [sic], ex-premier ministre de l'Annam, Pham-Tan [sic] - Duat, ex-ministre des finances et Ton That Dinh, père de l'ex-régent Thuyet.) Đó là một văn kiện viết tay, cũng như mọi giấy tờ thời đó, trên đầu có ghi là số “7” bằng viết chì, không có tên người hay cơ quan soạn thảo, nhan đề “Renseignements divers sur le Ministre des Finances de l'Annam Nguyễn Văn Tường...” Nói chung, thì tài liệu này chứa đựng khá nhiều sai lạc. Ngoài ra, trong sách đã nói, tác giả Bouinais còn tung ra những tin tức khác hoàn toàn vô

căn cứ, dựa vào tin đồn với ác ý xuyên tạc, như: vua Hiệp Hòa hứa hối lộ cho ông Thuyết một số vàng để tranh ngôi với ông Dục Đức, nên NVT không tôn Mệ Mến (Kiến Phúc) lên được. Sau vì Hiệp Hòa không đưa vàng cho ông Thuyết, nên mới bị thay bằng vua Kiến Phúc. Lúc đó ông Thuyết mới đồng ý với ông Tường, và hai bên mới cộng tác với nhau. Có thể vì những lý do Bouinais viết lách cầu thả như vậy nên Tiến sĩ Charles B. Maybon, người đã viết một cuốn sử đứng đắn và rất có giá trị về Việt Nam dựa trên luận án tiến sĩ của mình, đã nói rõ là mình đã cố ý không ghi nhận các công trình của Bouinais vào số các sách được tham khảo. [*“C'est intentionnellement que les ouvrages de Bouinais et Paulus.... ne sont pas cités ici”*] (Maybon, op. cit., xii, ct. 1). Tác phẩm này của Maybon là một công trình xuất chúng, soạn đúng theo các qui tắc sưu khảo khoa học, viết đúng trên lập trường quyền lợi của nước Việt Nam, và dựa trên một kho tàng tài liệu vô song, bao gồm không những tài liệu của văn khố Pháp, của các thừa sai Pháp và ngoại quốc, mà còn của Đông phương, Tàu, Nhật, và nhất là của phía Việt, bao gồm cả cả *Đại Nam Thực Lục*, *Tiền biên*, và *Chính biên* bằng chữ nho.

Nói tóm lược lại, mới đây, năm 1971, LM Nguyễn Văn Phong nói rằng NVT đã bị cách chức vì phạm tội hà lạm, dựa theo sách của Gosselin; ông này không cho biết tin này xuất xứ từ đâu. Đồng thời, năm 1924, tác giả Cosserat cũng đưa ra tin tương tự, dựa vào sách của Bouinais, xuất bản 1885. Sách này chỉ nói không vậy thôi, chứ không viện dẫn nguồn gốc xuất xứ của tin tức đó, mặc dầu Bouinais có thể đã dựa vào hồ sơ mật vụ. Cách viết người này dựa theo tin người kia, mà rút cục không dựa trên một nguồn gốc nào đáng tin cậy cả, rất thông thường giữa các tác giả Pháp thực dân. Do đó, tin về NVT vừa kể, tự nó đã thiếu hẳn cơ sở, vì dựa vào một dữ kiện với xuất xứ không rõ ràng, được lấy từ một cuốn sách viết với mục đích tuyên truyền, và không đáng tin cậy.

Đó là tin tức dựa trên sử sách Pháp. Còn về phía Việt Nam thì sao? NVT là một vị đại quan của nhà Nguyễn, và mọi việc quan trọng liên quan đến NVT có thể được ghi chú trong quốc sử, người viết thấy cần đi xa hơn nữa trong việc phối kiểm tin này, nên đã tra cứu chính sử

Như vậy là NVT đã bị gán cho cái tội của người mà mình thay thế là nguyên phủ doãn Trần Tiến Thọ, rồi tin tức về tội được ngụy tạo, cố ý hay vô tình đó, cứ tiếp tục được loan truyền từ đời này qua đời kia qua những cuốn sách viết theo lối tài tử nói trên, phần lớn với mục đích tuyên truyền xuyên tạc. Việc đáng lưu ý là tên tuổi ông Trần Tiến Thọ, trước và sau lúc đó không còn thấy trong bộ chính sử nữa. Có lẽ là phạm một tội như vậy là cuộc đời hoạn lộ coi như chấm dứt. Và nếu quả thật NVT có bị tội đó, thì sẽ không có bài viết này. Dù sao, một cái tội bịa đặt như thế, in trên giấy trắng mực đen của một bộ sách gồm hai tập đồ sộ của hai tác giả Pháp, một là viên chức thuộc địa cao cấp, một là giáo sư, cũng đủ làm cơ sở, mặc dầu là một cơ sở hoàn toàn sai lạc, cho sử gia Trần Trọng Kim và biết bao sử gia khác mặt sát NVT là “tham lam” hay “gian xảo.”

D. Nguyễn Văn Tường bị cách chức “nhục nhã” ?!

Cùng liên quan đến vấn đề này, một tác giả khác, LM H. de Pirey, dựa vào sự phỏng vấn tại chỗ dân các làng vùng Tân Sở vào 1914, đã kể như sau:

“... Nguyễn-Văn-Tường, lúc đó đang giữ chức vụ phủ doãn, vì phạm lỗi nặng bị vua Tự Đức giáng cấp và đổi đi Quảng Trị một cách nhục nhã. Ông đã quỳ lạy chấp nhận con đường đi đày, khấn cầu vua và các vị quan lớn tha tội cho, vì mình đã chịu qui phục và tuân hành thượng lệnh một cách sốt sắng, và cho phép ông được phục hồi chức vụ và cấp bậc cũ. Ông đã hạ mình và nịnh hót khéo đến nỗi mà ông chiếm được tước vị Khâm Phái, và cũng chính vào thời kỳ ấy ông tập hợp tất cả các kế hoạch mà ông sẽ thực hiện sau này ở Tân Sở, một căn cứ do một mình ông cổ súy và kiến trúc. Ông đã xin được vua cho ân xá các tù phạm bị đày ở Ai Lao, biến họ thành tay chân và đồng lõa với mình, và cùng họ lập nên làng Tự Tân, một danh từ có nghĩa là tự cải hóa. Các làng Tân Định và Tân Mỹ cũng ở vào thời kỳ ấy và thành lập như vậy.” (“Une capitale éphémère: Tan-So.” BAVH, số 3, 1914, 217, NQT dịch và nhấn mạnh)

Sau khi phác họa sơ đồ Tân Sở theo như trước khi căn cứ này bị Pháp hủy diệt; tường thuật cuộc hành trình của vua Hàm Nghi từ Huế ra Quảng Trị, và mô tả cuộc hành quân chiếm đóng và hủy diệt Tân Sở của quân đội Pháp, với sự tham dự của các LM Mathey và Patinier; và nhấn mạnh đến việc lính Pháp đã thận trọng tránh con đường rất nguy hiểm là đường Đèo Đại Bác (Col des Canons) mà NVT đã xây đắp khi còn làm tri huyện Cam Lộ, tác giả kết luận:

“Tuy nhiên, hình như là càng ngày ta càng có thể chắc chắn thêm (il semble de plus en plus certain) là các cố gắng khổng lồ nói trên không nhằm mục đích cứu vua cứu nước, mà chỉ là một phương kế do lòng tham lam của Nguyễn Văn Tường chế ra, hầu gia tăng tài sản của y cũng như của gia đình y. Trong tất cả tổng Mai Lộc, mọi người đều nhất trí khẳng định rằng Tân Sở chỉ được lập ra với một mục tiêu thâm kín duy nhất là loại bỏ nhà vua và Tôn Thất



Vua Đồng Khánh

đỉnh trong nền hành chánh, như Lại bộ thượng thư, nhưng khi thua trận đã có lần bị xử trảm giam hậu [sự thi hành án đợi vua xét sau] và cho cố gắng lập công chuộc tội để phục hồi chức cũ. Sau khi thành Hà Nội mất vào tay Francis Garnier, ông đã tuân tiết một cách oanh liệt như sử sách đã ghi. Mặc dầu vậy, vua Tự Đức vẫn phải chiếu theo phép công, xử ông về tội làm tướng mà để mất thành, phải cách mất chức hàm, bị án xử trảm giam hậu mãi mãi [vì đã chết], rồi cho truy phục Binh bộ tả tham tri, và được giữ tước bá. (ĐNTL, XXXIII, 63-4) Trong thời gian phục vụ ở Bắc với tư cách tán tướng, NVT cùng với Võ Trọng Bình cũng đã bị cách chức vì đã để mất thành Lạng Sơn vào tay giặc, và được cho cố gắng lập công chuộc tội. Đô Thống Đoàn Thọ bị giặc giết trong trận này, và hai ông Bình và Tường được khởi phục một phần chức tước sau khi thu hồi lại được thành Lạng Sơn.

Việc NVT được vua bổ nhiệm làm bang biện Thành Hóa, theo chính sử nhà Nguyễn, là



Đám cưới Vua Duy Tân

vì lý do hoàn toàn công vụ, nghĩa là để thực hiện một kế hoạch lâu dài nhằm kín dùng Tân Sở làm kinh đô thứ hai khi cần đến như đã kể trên, chứ không phải do lời quỵ lụy cầu khẩn của NVT như LM De Pirey đã nói. Thật vậy, chính sử kể rằng, sau khi vua Tự Đức chấp thuận ý kiến của viện Cơ mật, là không nên gây hoang mang nghi ngờ bằng cách dùng quân đội đóng đồn ở Ba Xuân gần xứ Cao Man [cách Tân Sở một ngày đường], mà chỉ nên dùng biện pháp êm dịu bằng cách từ từ chiêu dụ dân Man vùng ấy, hầu thi hành kế sách lâu dài.

“Vua bảo rằng: trước Nguyễn Văn Tường cũng xin nhận làm việc ấy, tất phải làm theo lời nói, chuẩn cho làm bang biện huyện Thành Hóa để làm việc, cấp cho ấn khâm phái quan phòng cho được tự ý tư tau.” (ĐNTL, XXXI, 87)

Ngoài ra, nói chung mối tương quan giữa vua Tự Đức và NVT có dựa trên sự nịnh bợ, quỵ lụy, và khúm núm của NVT như vị linh mục khẳng định hay không? Hai sử gia đã trả lời câu hỏi này, dựa vào các bản tấu sớ của NVT trình lên vua, với lời phê của vua Tự Đức trên đó. Trong một bài khảo luận mô tả lòng ái quốc của NVT qua thi văn còn lại trong sổ di cảo của vị phụ chánh, tác giả Trần Đại Vinh đã đề cập đến bản tấu, đề ngày 27 tháng 10 năm Tự Đức thứ 27, 1874 của NVT lên vua Tự Đức, “**biểu lộ đức tính dũng cảm, trung thực, dám nói những điều có thể đụng chạm đến lòng tự ái của vua.**” (“Tắc lòng yêu nước son sắt của Nguyễn Văn Tường.” *HNNVTDHSP*96, 39-40, *NQT nhấn mạnh*). Một tác giả khác, Giáo sư sử học Trần Viết Ngạc, sau khi phân tích các bản tấu sớ nói trên, đã viết rằng:

“*Quan hệ giữa vua Tự Đức - Nguyễn Văn Tường, trên thực tế vượt xa quan hệ Vua - Tôi. Vua Tự Đức rất tin dùng Nguyễn Văn Tường, có thể bàn bạc với Nguyễn Văn Tường mọi bản khoản, mọi suy nghĩ của mình. Ngược lại Nguyễn Văn Tường có thể nói thẳng với nhà Vua những ý nghĩ của mình về việc và về người liên hệ đến vận mệnh đất nước mà không ngại Vua sẽ bắt lỗi bất kính, là phạm thượng. Vua gọi cuộc gặp gỡ ấy là tri ngộ, tôi gọi đó là hạnh ngộ.*” (“*Tìm hiểu thêm về Nguyễn Văn Tường [1824-1886]*”. *HTNVTHUE*02, 11, *NQT nhấn mạnh*).

(Còn tiếp)

tác phẩm hội họa nổi tiếng, đã từng đoạt giải nhất toàn quốc, đang khiêm tốn nằm trong thư viện của một vài nhà Huế học tại Kim Long, quê của họa sĩ.

Tên tuổi của họa sĩ Tôn Thất Sa cũng gắn liền với những công trình khảo cứu nổi tiếng của Léopold Cadière, một nhà Huế học đã có công rất nhiều trong việc nêu cao giá trị nền văn hóa Huế. Trong tập san Đô Thành Hiếu Cổ (Bulletin des Amis du Vieux Huế - B.AV.H.), họa sĩ TTS phụ trách phần vẽ minh họa các bài khảo cứu của L.Cadière và nhiều tác giả khác. Khi khảo cứu di tích lịch sử cổ xưa là Lũy Đồng Hới của Đào Duy Từ ở Quảng Bình, L.Cadière đã mời họa sĩ TTS ra tận nơi để hợp tác, và tác phẩm “Lũy Đồng Hới” trứ danh của L.Cadière ra đời trong Tập San Trường Viễn Đông Bác Cổ (École Française d'Extrême d'Orient) năm 1906, với các hình vẽ đều do Họa sĩ TTS minh họa.

Những tranh họa về chùa chiền (chùa Linh Mục), cung điện, lăng tẩm, long lân quy phụng, áo cấm bào của vua, đồ đoàn trang trí trong Đại Nội... đăng trong B.AV.H. hầu hết đều do họa sĩ TTS, với ký hiệu TS lồng chéo vào nhau. Với nét bút tài hoa, ông cũng đã làm sống lại những công trình nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc tuyệt vời của những đền đài lăng tẩm đã bao nhiêu năm im lạng chìm trong quên lãng. Nhờ những tranh họa này, được cất giữ và tồn tại sau bao cuộc chiến tranh, người ta đã phục chế được những di tích lịch sử văn hóa cổ xưa của một triều đại lớn ở Huế. Công lao ấy xứng đáng với tước hiệu Hiệp sĩ Triều đình mà họa sĩ TTS được ban tặng năm 1934.

Tính chất Huế chính là nguồn cảm hứng của họa sĩ. Đó cũng là niềm say mê tự hào, là tình yêu của ông đối với Huế. Đó cũng chính là động cơ phát triển tài năng vốn có của mình. Nếu không có tấm lòng gắn bó với quê hương, nếu không có một tình yêu chân thật với Huế, sẽ không dễ gì nhận ra và nói lên được cái hay cái đẹp của quê hương mình.

Ông cảm nghiệm sâu sắc nét đẹp độc đáo của Huế, và đã làm nổi bật những phối cảnh hài hòa trời đất mây nước, cung cách thơ mộng của Huế. Đồng thời, vì phải trải qua cuộc sống khó khăn, lao động kiếm sống, ông đã xúc động trước vẻ đẹp duyên dáng và sâu lắng của nét chịu thương chịu khó của người lao động, và

ông đã diễn tả được những tâm tình đó trong nhiều tác phẩm đề cao tính lao động, sự hy sinh vất vả của người nghèo. Tính cách này đã mang lại cho họa sĩ Giải nhất cuộc thi hội họa toàn quốc năm 1916, với bức tranh mang đề tài “Lũ lụt ở Bắc kỳ” nói lên nỗi thống khổ của người nghèo trong cảnh thiên tai, nhiều Giải nhất cuộc thi vẽ tem Bưu điện từ 1922 đến 1925 có đề tài “Người chăn trâu,” “Kéo cày” ...

Họa sĩ TTS còn là tác giả của những công trình kiến trúc đang còn đó trên đất Huế, và đang là niềm tự hào của Huế (Lăng Khải Định, Cung An Định, Đài Chiến Sĩ Trận Vong). Đặc biệt, hai ngôi trường tiêu biểu của Huế: Quốc Học và Đồng Khánh (nay là Hai Bà Trưng) được coi như mang đầy vẻ trang nghiêm của đất học Kinh đô, nơi đào tạo ra nhiều thế hệ nhân tài, nữ lưu trí thức.

Ngoài tài vẽ, ông TTS còn nạn tượng, và đã nạn tượng các nhân vật lịch sử nổi tiếng thế giới, như tượng Pasteur, Aglibert, người sáng lập trường Pellerin Huế. Ông thường nạn tượng các nhân vật trong triều đình nhà Nguyễn lúc bấy giờ, đặc biệt là tượng Vua Duy Tân, đã triển lãm tại Paris năm 1911, nạn theo mẫu sống. Tượng vua ngồi trên ngai cao 0,80m, nét mặt còn ngây thơ, nhưng đã toát lên vẻ thông minh, quảng đại.

Họa sĩ TTS là một người có khiếu vẽ hết sức đặc biệt, cộng thêm sự cần cù, say mê, đã để lại rất nhiều tác phẩm hội họa tiêu biểu cho gần một thế kỷ, xuyên suốt thời đại phong kiến, đến thời Pháp Thuộc, thời chiến tranh Nam Bắc, cho đến hôm nay. Ông thuộc về một giai đoạn lịch sử mà các nghệ sĩ, đặc biệt là các họa sĩ, dù có tài vẫn rất hiếm khi được phát triển tài năng, vì không có trường lớp đào tạo, họ phải là những người có thiên khiếu đặc biệt, cộng thêm một nỗ lực, một sự say mê phi thường, mới có thể lưu lại những tác phẩm xuất sắc cho hậu thế.

I. Tiểu sử Họa sĩ Tôn Thất Sa (1882-1980)

Họa sĩ Tôn Thất Sa người làng Kim Long, xã Vạn Xuân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Ông thuộc dòng dõi Chúa Nguyễn, là cháu trực hệ bảy đời của Chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725, thường gọi là Minh Vương).

Năm 1894, TTS lên 12 tuổi, cụ thân sinh là Tôn Thất Du qua đời, gửi gắm ông cho linh

- 1924, Ngũ đản Bội tình Nam triều.
- 1930, huy chương Chữ Thập hạng Nhì.
- 1934, Hiệp sĩ Triều đình và Hồng lô tự Thiếu Khanh.
- 1970, huy chương Văn hoá Giáo dục bội tình hạng Nhất.

Những năm cuối đời, ông Tôn Thất Sa vui sống tại Kim Long Huế và qua đời tại đó ngày 22-2-1980, thọ 98 tuổi. Mộ táng tại Kim Long.

2. Họa sĩ Tôn Thất Sa trong việc hội nhập kiến trúc Âu-Á

Arnaud Le Bruq, tác giả cuốn "Vietnam: à travers l'architecture coloniale" đã khẳng định tài hoa của ông Tôn Thất Sa, kiến trúc sư đã vẽ Lăng vua Khải Định và Cung An Định, trong việc đưa ra một lối kiến trúc vừa mang hồn Việt Nam, vừa pha cung cách cứng cáp của phương Tây (trang 125).

2.1. Lăng vua Khải Định

Mang dấu ấn nhiều nhất của việc hội nhập phong cách Á Đông với văn minh phương Tây. Trong khi lăng các vua khác được làm bằng đá và gỗ, thì lăng vua Khải Định được làm bằng bê-tông. Xây cất trong tám năm, từ 1922 đến 1930, trên đỉnh của 120 bậc thang, lăng Khải Định đã phá vỡ truyền thống cũ. Mặt tiền là sự phối hợp mô hình của một cánh cổng linh thiêng với mô hình của mặt tiền kiểu Châu Âu, rất ăn khớp với những cột trụ và vòng cung hình quai. Nghệ thuật cát dán rất hài hòa bởi sự phong phú của trang trí theo phong cách hoa mỹ barốc, với rồng, hoa sen và hình chữ vạn. Vị vua này đã có ý muốn đúc lên sự trường cửu của con người mình theo một hình dạng tân thời. Và sau này người Pháp, khi diễn tả những đền đài, lăng tẩm này, suy từ tâm thức của họ, đã ý thức được sự cao cả mang tính lịch sử của Huế và ví sự cao cả ấy như "Điện Versailles Việt Nam."

Họa sĩ Tôn Thất Sa theo yêu cầu của vua Khải Định, và cũng vì muốn tạo cho Huế một cung cách mới, vừa duy trì tính cách độc đáo của Huế, nên đã thử phối hợp cung cách Âu Châu vào môi trường văn hóa của thủ đô. Trong Lăng Khải Định, một số yếu tố hiện đại Châu Âu đã chen lấn vào dòng nghệ thuật kiến trúc cổ truyền của dân tộc. Thoạt nhìn lăng Khải Định giống như một tòa lâu đài ở Châu Âu, vì được xây dựng bằng bê-tông trên một sườn núi. Sự loại bỏ màu xanh của lá cây cổ thụ, sự vắng

bóng của ao hồ và bể cạn trong lăng, làm cho tổng thể kiến trúc thiếu đi vẻ êm dịu, tươi mát. Những con rồng to lớn trên các bậc thềm của năm tầng sân, đặc điểm của tài nghệ họa sĩ TTS, tạo nên một sự cứng cỏi của toàn thể công trình kiến trúc. Tuy nhiên, tất cả núi đồi, khe suối của một vùng rộng lớn quanh lăng, được dùng làm các yếu tố phong thủy địa lý: tiền án, hậu chẩm, hổ phục, rồng chầu, minh đường, thủy tụ, tạo ra cho lăng Khải Định, kết hợp với ngoại cảnh thiên nhiên, một công trình hùng vĩ và tráng lệ.

Kết hợp công trình kiến trúc với ngoại cảnh thiên nhiên, đó là điều không thể thiếu trong các công trình của họa sĩ TTS. Nếu ta chỉ có thể nhận định giá trị của một hình điêu khắc khi nhìn nó trong toàn thể vật điêu khắc ấy, thì nghệ thuật kiến trúc cũng đạt nặng mối quan hệ chặt chẽ với khung cảnh bao quanh nó. Ngôi chùa này, chiếc cổng này, hay chiếc tháp này, được đặt cạnh gốc cây cổ thụ, bên bờ con sông lặng lẽ, trên đỉnh đồi thông, sẽ có một vẻ cao cả và trầm tĩnh mà chúng không thể nào có, nếu chúng được đặt trong một rừng cây đồng đều, hoặc ở giữa một cánh đồng trơ trụi. Các công trình kiến trúc tại Huế của TTS dường như hòa mình vào khung cảnh thiên nhiên như một viên ngọc trong hộp tư trang. Lăng Khải Định là một tác phẩm mỹ thuật tổng hòa của nhiều dòng văn hóa, một điểm giao thoa giữa mỹ thuật kim cổ đông tây. Nó phản ánh rõ phong cách của Vua Khải Định, và đánh dấu giai đoạn giao thời giữa hai nền văn hóa Á - Âu của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ. Họa sĩ TTS là một khuôn mặt tiêu biểu của ngành Mỹ thuật thời "tân cổ điển" (néo-classique) trong lịch sử mỹ thuật nước ta.

Thêm vào đó, Lăng Khải Định cũng như các lăng khác tại Huế đã diễn tả một phong cách riêng, độc đáo so với các loại hình kiến trúc mộ táng trên hoàn cầu. Chủ đề tư tưởng của nó xuất phát từ nhân sinh quan tổng hợp của các dòng triết học Đông phương và nhờ tài năng nghệ thuật của các nhà kiến trúc. Đứng trước lăng tẩm Huế, ta không hề có ấn tượng chết chóc, sợ hãi như các lăng ở Trung Quốc, hay cảm thấy bị doạ nạt như khi đứng trước những Kim Tự Tháp Ai Cập. Trong lăng tẩm Huế, người ta nhìn thấy những hình ảnh thân quen, gần gũi, và có được cảm giác lâng lâng

thuật Pháp thuộc. Tiêu biểu của phong cách này, ngoài Lăng Khải Định, Đài Chiến Sĩ Trận Vong, còn là Cung An Định, tư thất của Vua Khải Định.

Nằm khuất thành phố Huế, cạnh bên bờ sông An Cựu, Cung An Định là một bức tranh sống đôi với lăng Khải Định. Tên của nó An Định, nói lên một lời ước, mà lời ước này lại tỏ lộ trạng thái tâm lý của vị vua trước sự mong manh của triều đại, và sự lo âu trong trách nhiệm của mình. Lấy mô hình của một biệt thự kiểu Ý, ngôi nhà hỗn hợp kia, mở ra trên một tiền sảnh toàn những hình giả đá hoa dát vàng, viền xung quanh những bức vẽ các lăng tẩm vua chúa. Ý muốn lấy đó làm một nơi nghỉ ngơi, vui chơi, có mảnh vườn được chăm sóc kỹ lưỡng, sự hiện diện của một kiosque hoa và những trang trí hoa mỹ, không xóa được vẻ buồn bã của chốn này. Nếu Đại Nội được xem như Điện Versailles huy hoàng của Việt Nam ("le Versailles annamite" theo Arnaud le Bruq, *Vietnam: à travers l'architecture coloniale*, trang 125), thì Cung An Định nói riêng, tương tự như một nơi ẩn náu dự tính trước cho những bất trắc của triều đại.

2.4. Hai cổng trường Quốc Học và Đồng Khánh (nay là Hai Bà Trưng)

Ngoài các công trình kiến trúc to lớn này, Hs TTS còn thể hiện lối kiến trúc phương Tây pha tính cách Châu Á qua hai cổng trường Quốc Học và Đồng Khánh. Cả hai trường đều được thành lập từ thời Pháp. Khi mới xây dựng, cả hai trường đều do bản vẽ của kiến trúc sư Pháp, thời gian sau (Cách Mạng Tháng 8, 1945), khi hai ngôi trường đã hoàn toàn thuộc quyền Việt Nam, cổng trường được xây dựng lại. Cổng trường Quốc Học ngày nay là do họa sĩ TTS thiết kế và đích thân coi sóc việc xây dựng hoàn toàn mới năm 1959. Còn cổng trường Đồng Khánh, ông đã sửa chữa lại từ cổng cũ, thay đổi nhiều chi tiết cho thanh thoát hơn, như bỏ kiểu dàn hoa trên cổng, thay vào là họa tiết cổ điển trên đường con trện, pha kiểu hồi văn, trông trang nghiêm hơn, có tính mỹ thuật Á Đông hơn.

3. Tôn Thất Sa, họa sĩ cung đình

Là một họa sĩ mang dòng máu hoàng tộc, tuy được huấn luyện, tiếp xúc rất sớm với ngành mỹ thuật phương tây (họa sĩ TTS được học mỹ

thuật với những vị thầy người Pháp), nhưng ông vẫn luôn hoài niệm quá khứ hoàng gia Nguyễn Phúc thuở xưa. Ông đã có một phong cách thiên về mô tả những phong cảnh, kiến trúc, những trang trí tráng lệ trong cung đình. Ông nghiên cứu sâu sắc hội họa Á Đông, thành thạo những biểu họa cổ điển Long Lân Quy Phụng, các hoa văn, trang trí nội thất cung đình lộng lẫy.

3.1. Lưu giữ hình ảnh

Công lao lớn nhất của họa sĩ TTS đối với Huế không chỉ là dùng óc tưởng tượng phong phú, tài năng phác họa mô hình để lập nên những đồ án sau này trở thành những công trình kiến trúc để đời trên đất Huế, mà còn là mô tả lại bằng nét bút của mình rất nhiều công trình kiến trúc đã có. Nhờ vào những bức họa này người đời sau đã có thể sửa chữa những di tích lịch sử bị chiến tranh và thời gian làm hao mòn, tàn phá.

Đó là các tác phẩm về các đền đài vua chúa: Cổng Miếu Kiên Thái Vương (gần An Cựu), Cổng Nam Đàn Chay ở Nam Giao, Khung treo đèn ở Điện cần Chánh. Ngoài ra những bức vẽ về Chùa Linh Mục, với các phần phụ, như hình Thần Giữ Cổng, về Mộ Tháp các vị tăng... cũng được xem như để lưu giữ một nét văn minh của nền phong kiến thời đó.

Các vật dùng trong cung, cũng được ông thiết kế và lưu lại bằng các bản sơ đồ rõ ràng tỉ mỉ. Đó là các Kính Gương Soi, Ghế Bàn với những trang trí chi tiết, cẩn thận, Tủ Đứng, Tủ Chè, Giường Nằm... Qua những bức hình này, ta thấy được tâm hồn họa sĩ rất nhạy bén, gần gũi với những vật dùng trong cung, xem qua rất bình thường. Những đồ dùng hàng ngày, ít ai để ý, nhưng chính những vật bình thường này lại tỏ cho thấy rõ nội tâm của chủ nhân nó, những chất chứa thâm sâu, bởi vì chúng gần gũi ngày đêm với chủ nó. Các chi tiết của chúng rất mềm mại, đối xứng, không hề có gãy gọn. Đó cũng là một phong cách đặc biệt của họa sĩ Tôn Thất Sa, sự mềm mại uyển chuyển không lúc nào thiếu trong các tác phẩm của ông.

3.2. Một tính cách vẽ rồng độc đáo

Rất nhiều người đã vẽ rồng thời ấy. Đó là một phong cách vẽ ảnh hưởng của Trung Quốc. Việt Nam không phải là nước sáng tạo đầu tiên, nhưng họa sĩ TTS vẫn tìm cho mình một phong cách riêng.

có mấy con dơi ngậm trong miệng cái trống. Đề tài này được gọi là “phúc khánh” có nghĩa là “dơi và trống,” “hạnh phúc và chúc mừng.” (Hình trích trong *L'Art à Huế*, trang 59)

(hình 01)

Hồi văn - kệ sách: rất được ưa chuộng bởi tính cách mỹ thuật mới lạ của nó. Hình này vẫn còn là mẫu cho nhiều kệ sách dùng trong các gia đình ngày nay (Hình trích trong *L'Art à Huế*, trang 62)

(hình 02)

Chữ tàu

Những chữ Phúc, Lộc, Thọ là những đề tài trang trí nói lên sự mong ước tốt đẹp, là những tấm bùa hộ mệnh, những điềm lành. Họa sĩ TTS thường trang điểm thêm cho chúng, bằng cách tạo cho chúng dáng một lư hương, ghép nó vào hồi văn, vào hoa lá, để trang trí cho các bức bình phong, cửa sổ tròn hoặc vuông. Chữ “Hi” thường được vẽ cặp đôi để thành “Song Hi,” đó là một lời chúc mừng cho đôi tân hôn.

Chữ “Thọ” thường được tạo dáng, cùng với hồi văn. Hai bên chữ “Thọ” là hai chiếc nhẫn đeo vào nhau, biểu tượng của mối liên kết bất khả phân.

(*L'Art à Huế*, trang 65)

(hình 03)

Chữ “Thọ” ghép đôi, thành “Song Thọ,” cộng thêm cành mận và hoa mẫu đơn. Đề tài chính là “Song Thọ”. Hoa mẫu đơn là biểu tượng về duyên dáng của tuổi trẻ và sắc đẹp. Cành mận là một điềm lành và là một vật chống đỡ tà khí. (*L'Art à Huế*, trang 66)

(hình 04)

Tĩnh vật

Quả cầu với lửa thường được đặt giữa mặt tiền các chùa chiền. Hình này gồm có “mặt nguyệt” dựa trên một đám mây, và có lửa bao quanh. Nhưng nó cũng có thể thay đổi: mặt nguyệt dựa trên đầu rồng nhìn chính diện. (*L'Art à Huế*, trang 69)

Con vật (Long, Lân, Quy, Phụng, dơi, hổ, cá...)

Ngoài bốn con vật điển hình Long Lân Quy Phụng, là đề tài thường xuyên cho người họa sĩ cung đình này, thì một số con vật khác cũng đã được ông nghiên cứu ý nghĩa và dùng làm họa tiết trang trí cho cổng, nhà, cửa, giường, tủ, kính, bàn ghế...

Dơi chiếm một vai trò lớn trong nghệ thuật

trang trí Huế. Đó là biểu tượng của hạnh phúc. Tên gọi trong tiếng Việt dơi chẳng nói lên điều gì. Nhưng tiếng Hán Việt đọc là phúc, giống như chữ Phúc với nghĩa hạnh phúc.

Sư tử được thể hiện dưới hai hình thức và hai tên gọi khác nhau. Sư tử với bờm xoắn, lông óng mượt, móng sắc, nhưng dáng vẻ tốt bụng và ngây thơ. Một hình thức khác của sư tử là con nghê, tự điển định nghĩa đây là sư tử nhanh, sư tử vùng Tây Tạng, với móng vuốt, lông, răng nanh. Con nghê được dùng trang trí cho Điện Thái Hòa. Con vật được đặt trong lồng kính, cao một mét, đúc bằng đồng.

Cá cũng là một con vật thường được dùng làm họa tiết trang trí. Theo tiếng Trung Quốc, từ cá được đọc giống như từ chỉ sự “dư thừa.” Do đó hình ảnh con cá trở thành biểu tượng của sự “thịnh vượng.” Tại Huế, hình cá thường dùng để trang trí trong cung điện. Khi thì nó được vẽ như dạng bình thường, khi thì biến hóa. Cá gáy hóa rồng dùng để chỉ các vị nhân sĩ, nhờ học hành, đã thành đạt và dành được một chức vị trong xã hội. (Hình Dơi và Cá trong *L'Art à Huế*, trang 120). ●

(Còn tiếp)



Bùi Oanh Hằng

có ba cái tang lớn: Mai Thảo, Nguyên Sa và Bùi Giáng. Nói chung, cảm giác của chúng ta đối với ba cái chết không hoàn toàn giống nhau, Mai Thảo một cách, Nguyên Sa một cách và Bùi Giáng một cách. Nhưng Bùi Giáng khác xa nhất.

Theo tôi, khi nghĩ đến Mai Thảo hay Nguyên Sa, ta nghĩ đến những con người thật. Họ đã đến, đã sống, đã tồn tại đâu đó, như ta, bên cạnh ta, vui buồn với ta, chia sẻ với ta, cao thượng như ta và cũng tục tàn như ta. Mai Thảo chết như là một maithảo. Nguyên Sa chết như một nguyênsa. Cũng như, tôi rồi sẽ chết như tôi, anh rồi sẽ chết như anh. Bùi Giáng thì khác. Bùi Giáng không chết như Bùi Giáng. Ông chết như một người khác chết. Khi nghe tin ông chết, ta có thương tiếc, nhưng dường như không xúc động mấy. Không bàng hoàng mấy. Không xót xa mấy. Ta có cảm giác như nhà thơ vừa lên đường rong chơi ở một nơi nào đấy rất xa, rất khác thế giới chúng ta đang ở. Và sẽ trở về. Mai, mốt, hay một lúc nào đó, nhưng chắc chắn trở về. Tại sao ta có cảm giác đó? Tôi không nghĩ rằng vì Bùi Giáng hiện đang ở trong nước còn Mai Thảo hay Nguyên Sa thì ở ngoài nước, tức là gần chúng ta hơn. Theo tôi, ngay khi ông còn sống, ông vốn đã cư ngụ ở một thế giới khác với chúng ta rồi, dù ông vẫn ăn, vẫn uống, vẫn gần cận ta hàng ngày. Chúng ta vẫn gặp ông đâu đó, thỉnh thoảng, hoặc có khi hàng ngày, hàng tuần mà không có cảm giác gì khác ngoài cảm giác này: đó là Bùi Giáng. Thế thôi. Ta biết ông vẫn còn đó, chưa đi đâu xa. Cần cho ông cái gì, ta sẽ có ông bên cạnh để cho. Cần thơ, ông sẽ chép ngay một loạt mấy bài thơ hay cả chục bài thơ không chừng. Ông ở đó, như ta, với ta, nhưng dường như khác bằng tầng. Hồi còn ở Sài Gòn, nhiều khi ở tiệm sách ra, trên tay còn cầm cuốn sách của ông vừa mới mua, lại gặp ông đang đứng ngay giữa đường, múa may, cười cợt mà tôi vẫn ít có liên

hệ nào giữa cuốn sách đang cầm trên tay và tác giả đang ở đó. Hình như Bùi Giáng trên sách không dính dáng gì đến Bùi Giáng đang ở kia.

Thế đấy! Trong chúng ta, Bùi Giáng nửa thực, nửa hư. Vừa thiên tài, vừa là người điên. Vừa rất giống lại vừa quá khác chúng ta. Trong chúng ta, Bùi Giáng luôn luôn là một nghịch lý. Ta vừa quan tâm đến ông, vừa hững hờ với ông. Tin ông chết không làm tim ta đau nhói lên như một số người khác, Nguyên Sa chẳng hạn. Tôi muốn nói: Bùi Giáng hiện hiện giữa cuộc đời và giữa chúng ta như một hư cấu. Nghĩa là một nhân vật. Một câu chuyện. Có thể nói cho rõ hơn, theo tôi, ông là nhân vật trong một cuốn truyện dài không kết thúc. Và sẽ không bao giờ kết thúc. Ngay lúc này đây, ông chết đã mấy tháng rồi mà tâm thức của tôi về ông vẫn chẳng khác gì trước đây, khi còn ở Sài Gòn hay cách xa ông đến một vòng trái đất. Tôi vẫn tự hỏi: chẳng biết ông chết thật hay ông giả vờ. Bùi Giáng thân xác đã tiêu tán, nhưng Bùi-Giáng-như-một-hiện-sinh vẫn còn đâu đó, ngêu ngao ca hát, làm thơ và sống hồn nhiên trên các đường phố Sài Gòn. Một Sài Gòn có Bùi Giáng và một Bùi Giáng có Sài Gòn:

Và ở Sài Gòn vẫn còn Bùi Giáng
Tối tối về chùa đêm làm thơ
Ngày ca múa khóc cười giữa chợ
Kẻ sĩ điên thế kỷ mù rồi.
(Mai Thảo)

Sống như là hư cấu. Chết như là hư cấu. Và vì là hư cấu, ta có quyền đọc lại đời ông. Nghĩa là cũng như bất cứ một nhân vật hư cấu nào khác, nhân vật Bùi Giáng sẽ phục sinh và lại chết và lại phục sinh và lại chết... *cứ thế*. Điều đó giúp ta hiểu thêm vì sao đời ông kết tinh bởi những giai thoại. Những giai thoại chồng chất, trùng nhau và khác nhau. "Đã có rất nhiều giai

Tuổi rằng đây có người ta
nơi này hồn bướm hồn hoa

hoặc chỉ như người chạy bắt bóng.” (HL, tr. 95)

Huỳnh Ngọc Chiến: “Viết về ông quả là điều mạo muội nếu không muốn nói là liều lĩnh.” (HL, tr. 137)

Chắc chắn là không ai giả đò khiêm tốn trong những lời thú nhận thêm. Chắc chắn không ai cố tình viết “cho quá,” phóng đại để tăng bốc, kiểu tăng bốc lãnh tụ trong các chiến dịch tuyên truyền, mà là nói thực. Dường như khi viết về Bùi Giáng, chúng ta càng tỏ ra khiêm tốn càng hay. Có lẽ càng khiêm tốn chúng ta càng thấy dễ chịu, để cam đảm cầm bút viết về ông. Tâm trạng đó chẳng phải là lạ lùng, độc nhất vô nhị sao? Cầm bút viết về Bùi Giáng người ta rất ngần ngại, dù chỉ viết để khen, nói gì đến chuyện viết để phê bình. Ấy thế mà có người “dám” phê bình; không những chỉ phê bình chung chung, lấy lệ mà là phê bình “nặng tay”, nghĩa là chê, chê thật. Đó là nhà phê bình Thụy Khuê. Chị viết:

“Trong gần nửa thế kỷ làm thơ, Bùi Giáng để lại hàng ngàn bài, có những câu thơ tuyệt hay, nhưng chính sự lặp lại những khám phá ngôn ngữ buổi đầu khiến thơ ông trở thành khuôn sáo về mặt từ ngữ cũng như tư tưởng. Những dạ thưa, tồn sinh, trùng lai, phố thị của Bùi Giáng, tà huy của Nguyễn Gia Thiều, mù sa, trăm năm của Nguyễn Du ban đầu làm xao xuyến người đọc: (...) Nhưng vì lặp lại nhiều lần, chúng bị phá giá. Hiện tượng phá giá này có mặt ngay ở những tác phẩm đầu và chủ yếu của Bùi Giáng.” (HL, tr. 39-40)

.....
“Nhà thơ tiện tay bắt được chữ nào vội bỏ ngay vào lục bát, không màng nhìn lại những câu đầu nữa.” (HL, tr. 42)

“Cho nên biết bao lần người đọc tiếc, giá Bùi Giáng đừng ham chơi, chịu khó dừng lại ở chỗ đáng dừng để những câu thơ sáng giá như (...) khỏi bị lọt vào khu rừng hoang, ôm đồm những lời thơ vội vàng, mọc lên như cỏ dại.” (HL, tr. 43)

Đọc xong bài Thụy Khuê, ít nhất có hai người bạn gọi điện thoại hỏi ý kiến tôi và bày tỏ “thái độ”: sao bà Thụy Khuê “dám” phê bình Bùi Giáng? Sao lại không dám nhỉ, tôi trả lời. Bùi Giáng khi sống thì phiêu lãng như hương đồng cỏ nội, như châu chấu như chuồn chuồn,

lúc chết thì chết bình thường, thậm chí tầm thường hơn cả những kẻ tầm thường, chứ có phải lãnh tụ vĩ đại gì đâu mà phải dám với không dám. Tôi cho rằng, nếu Bùi Giáng sống lại, đọc được những giòng trên của nhà phê bình Thụy Khuê, chắc phải vô cùng sảng khoái kêu lên: “Thiệt đúng ý qua! Thiệt đúng ý qua!” Y như Archimedes la lên: “Euréka, euréka!” khi tìm ra được nguyên lý về sức đẩy của nước. Hay như nhân vật Độc Cô Cầu Bại của Kim Dung vô cùng sung sướng khi tìm ra được kẻ có thể đánh bại được mình. Theo thiện ý của tôi, nhận xét của chị Thụy Khuê không có gì sai (không có gì sai không tất nhiên có nghĩa là đúng). Thơ Bùi Giáng, và kể cả văn, quả là bị “phá giá,” ông làm thơ theo kiểu “tiện tay gặp được chữ nào là bỏ vào chữ nấy,” rồi lại “ham chơi” khiến cho có những lời thơ “vội vàng mọc lên như cỏ dại.”

Nói cho rõ ràng ra, thơ của Bùi Giáng dở. Trừ một số câu thơ hay — chưa hẳn là rất hay —, còn lại hầu hết thơ ông đều dở. Tôi có cảm tưởng rất nhiều câu thơ ông làm chẳng khác gì những câu thơ ngây ngô của mình khi mới bắt đầu tập tễnh làm thơ hồi còn học trò. Thậm chí có nhiều câu hết như các em “ma-ri-sén” làm thơ tặng tình nhân. Vấn đề rập nối tùy tiện, ý tứ lại tầm thường. Chúng ta thử đọc lại một vài câu:

ngô nghê:

Giật mình lúc chợt nghĩ ra
Rằng toàn thân thuộc đã qua đời rồi.

đạo văn (của Nguyễn Du):

Rừng phong thu đã nhuộm màu
Quan san ngấn ải tư trào ngấn kia

gượng ép chữ cho có vần:

Thưa em ngôn ngữ quật què
Làm sao nói được nghiệp nghề người điên

lặp lại (vần):

Non nửa thế kỷ xa quê
Mà chưa có dịp về quê một lần

nói nhăng nói cuội:

một hôm gâu gấu gâm ghi
hai hôm gâu gâu cũng vì ba hôm
vv...và vv...

Ngồi yên cầm bút một lần
 Kiên khôn bắt đầu vô ngôn
 Thủy Dung

nhau. Đại loại là... dở. Ta cứ tưởng Bùi Giáng tách bạch cái hay, cái dở. Hay thì để dành cho ông, còn dở thì xem như ông điều cốt (kiểu làm thơ tự trào). Không. Hay và dở trong Bùi Giáng trộn vào nhau y như bụi trộn với đất, nước lạnh trộn với nước nóng, rất khó lựa ra, khiến chị Thủy Khuê tiếc hùi hụi: “giá như ông đừng ham chơi... để những câu thơ sáng giá như (...) khỏi bị lọt vào khu rừng hoang.”

Tôi tin rằng có mặt của mỗi một người chúng ta trong vô vàn những câu thơ dở đó, trong cuộc tồn sinh trần trụi đó của Bùi Giáng. Hãy dùng chữ của Thanh Tâm Tuyền: bóng vang. “Ông luôn luôn nhắc nhở nơi ông là những bóng vang của ai khác. Và ta hãy là bóng vang của ông.” Chúng ta đã từng làm thơ dở và có thể vẫn tiếp tục làm thơ dở như thế. Ví như, có thể trong sâu thẳm của tâm hồn chúng ta vẫn vang lên tiếng hát thuộc loại “sến” của Tuấn Vũ, Thanh Tuyền, Chế Linh trong lúc, bên ngoài, chúng ta chỉ thích nghe Tuấn Ngọc, Thái Thanh, Vũ Khanh... Ta vẫn “sến” ngay khi rất “trí thức,” vẫn yếu đuối trong lúc vô cùng mạnh mẽ, vẫn vô cùng bần tiện, tục tằn ngay khi được tôn thờ như lãnh tụ, thánh nhân (Quang Trung, Gia Long của Nguyễn Huy Thiệp chẳng hạn). Có một đứa bé trong người lớn, có một ác quỷ trong tâm hồn thánh thiện, một lão ngoan đồng trong vị “bác đầu võ lâm.” Chúng ta sống trong và bằng nguy tín. Bùi Giáng gánh hết cái dở của đời ông, của đời người, của chính ông và của chúng ta. Ông là kẻ cứu chuộc chúng ta bằng cái dở toàn diện của đời ông và thơ ông. Ông giúp ta nhìn thấy “bản lai diện mục” của mình: dở. Đôi khi tôi cũng muốn lý luận như sau về ông: thơ ông càng về sau càng ngô nghê, càng dở là vì ông đi từ hữu chiêu tới vô chiêu, từ chấp ngã tới phi ngã, từ chấp trước tới phá chấp, từ lý luận đến triệt bỏ lý luận, từ chữ nghĩa đến phá bỏ chữ nghĩa, từ nói đến... vô ngôn (như hiện giờ dưới lòng đất). Nhưng thành thật mà nói, khi chúng ta khen ông biết đâu lại chính là chê ông, tưởng “thấu hiểu” được ông, té ra

chẳng hiểu mô tê gì ráo:

điên cuồng mà tưởng nên thơ

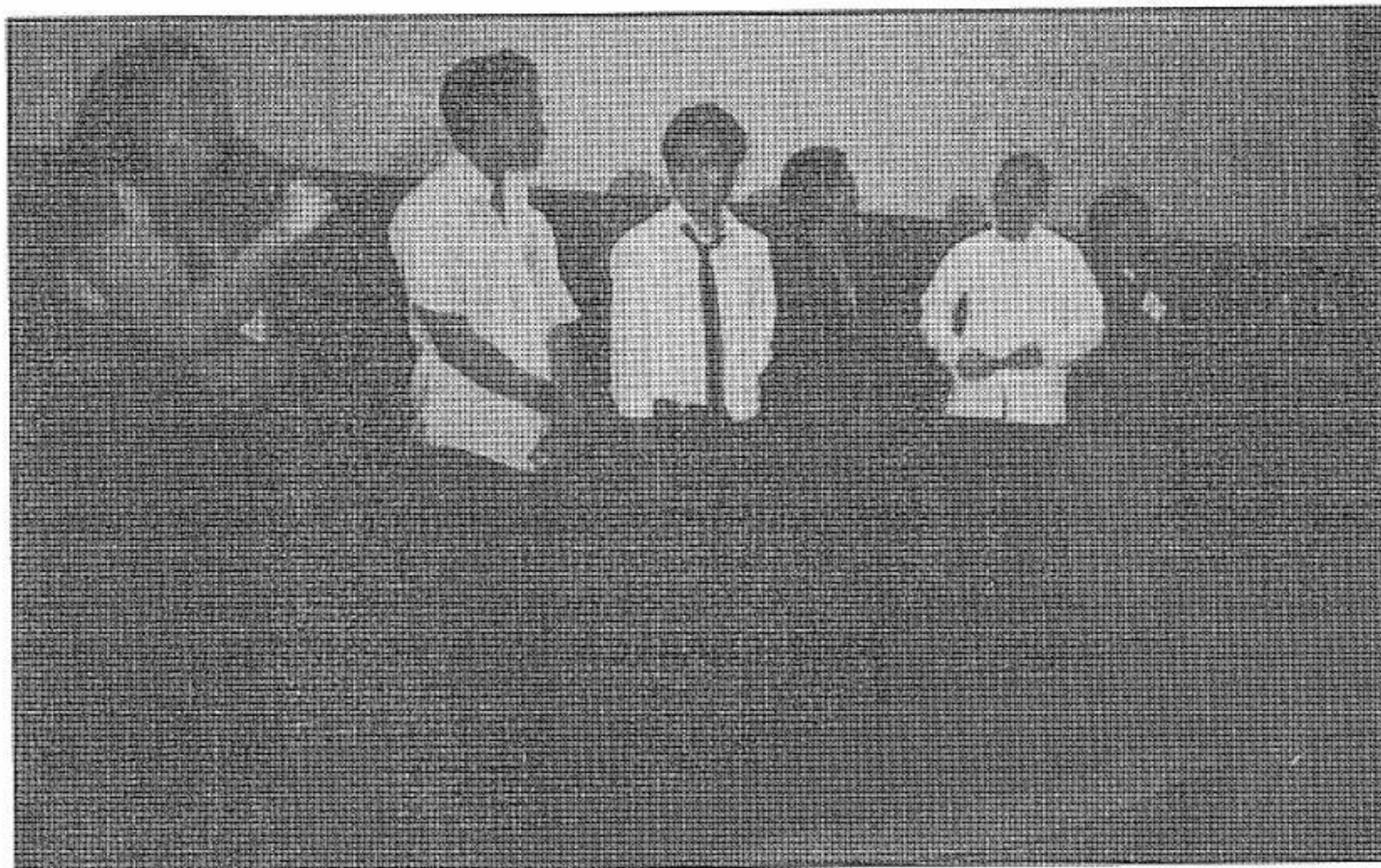
cuồng điên mà tưởng làm thơ như thần

Gặp

Khoảng mùa hè năm 1969. Đêm đó, nhân nhà tôi ở trọ có giỗ, tôi mang một ít thức ăn đến chỗ thầy Tuệ Sĩ để thầy dùng. Phòng thầy ở thuộc tầng hai đại học Vạn Hạnh. Kế bên phòng thầy là phòng của anh Nguyễn Hữu Hiệu (hồi đó là nhà tu Thích Chơn Pháp). Đến gõ cửa phòng thầy thì thầy đi vắng. Anh Hiệu cũng đi vắng. Thường thì khi thầy Tuệ Sĩ không ở nhà, tôi dùng lối đi bên phòng anh Hiệu để đột nhập phòng thầy, ở đó nằm đọc sách hoặc nghe nhạc đợi thầy về. Lần này cả hai đều đi vắng. Vậy là tôi tìm một lối leo ra phía lan can, bò dọc bên ngoài, đến chỗ cửa sổ, thò tay kéo cửa sổ để vào phòng thầy Tuệ Sĩ. Tới nơi, thấy cửa đã mở sẵn, tôi hơi ngạc nhiên. Trèo vào, thấy có một người đàn ông đã ở trong phòng. Ông mặc quần xà lỏn, áo mai-ô. Tôi hết sức ngạc nhiên, không biết người đàn ông này là ai và sao ông ta lại biết lối đi này để vào. Cảm giác đầu tiên của tôi là: ông ta là một tay trộm cắp. Tôi hỏi: “Anh quen với Tuệ Sĩ à? Anh là ai vậy?” Người đàn ông trả lời tỉnh bơ: “Ta chẳng biết ta là ai nữa. Mà sao? Nếu ta nói ta không phải là ta, thì sao?” Câu trả lời là lạ khiến tôi nhìn kỹ lại khuôn mặt và chợt biết ngay đó là ai. Tôi mừng rỡ nhào vào ôm người đàn ông, la lên: “Bùi Giáng hả?!”

Vâng, ông ta là Bùi Giáng. Thấy tôi mang đồ ăn vào, ông hỏi và tự nhiên lấy đồ ăn ra ăn, chừa lại một ít cho thầy Tuệ Sĩ. An xong, ông hỏi: “Có rượu không?”. “Không. Nhưng hể gì, đi mua thôi.” Tôi lao xuống lầu, chạy ra tiệm rượu gần chợ Trương Minh Giảng mua chai Johnnie Walker và một ít đồ nhắm. Tôi nói nhậu ở trong phòng thầy bất tiện. Ông bảo: “Được, đi theo ta.” Ông kéo tôi đi lên tầng bốn, đến chỗ Thiền viện. Hai chúng tôi ngồi giữa sân Thiền viện bày ra nhậu. Nơi đây, thực là một chỗ nhậu lý tưởng. Đêm trời đầy sao, không

Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế



Các đạo diễn có phim chiếu trong đêm khai mạc Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế gặp gỡ khán giả. Từ trái: Trâm Lê (ban tổ chức), các đạo diễn Tuấn Kiên Nguyễn, Edward T. Tran, Nguyễn Trần Minh Chiêu, Huy Trương, Trần Quang Hàm, và Y Sa (ban tổ chức).

NGUYỄN HUY

Lễ khai mạc

Vào lúc 06.30 chiều Thứ Năm 23 tháng 10 vừa qua, Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế lần thứ nhất đã khai mạc trọng thể tại rạp hát Edwards 6, Irvine.

Một điều ai đến tham dự buổi khai mạc này cũng đều nhận thấy rất rõ là chính thành phần trẻ tuổi trong hai hội đoàn có nhiều hoạt động là Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) và Hội Văn Hóa Ngôn Ngữ Việt Nam (VNLC) đã nhận lãnh vai trò tổ chức Đại hội. Phát biểu trong dịp này, Trâm Lê cùng với Y Sa (Tổng Thư Ký hội VAALA) đều nhận rằng: "Cách đây chỉ một năm, khi có ý tưởng tổ chức Đại Hội Điện Ảnh thì không ai nghĩ rằng có thể làm được."

Nhưng rồi qua thời gian vận động tiếp xúc, các bạn trẻ đã tiến hành được công việc khá suôn sẻ. Họ đã nhận được sự hỗ trợ từ nhiều

phía, đặc biệt là phía các nhà làm phim Việt Nam trên khắp thế giới: ngoài Mỹ là nước có nhiều sản phẩm nhất, còn có Canada, Pháp, Đức, Úc. Họ đã đem lòng nhiệt thành cũng như sức mạnh vượt thág của tuổi trẻ để lướt qua mọi khó khăn trắc trở. Kết quả, trên dưới 60 cuốn phim dài ngắn, một số đã đoạt được những giải thưởng giá trị, đã được gom về cho đại hội trình chiếu. Hàng trăm đạo diễn, người viết truyện phim cũng như tài tử và các chuyên viên điện ảnh đã liên tục cùng nhau bàn bạc cho đại hội này để một tuần lễ trình chiếu những phim tiêu biểu cho không chỉ cộng đồng người Việt mà cả cho các cộng đồng khác tới xem.

Trong buổi khai mạc đại hội, sáu cuốn phim ngắn được chiếu trên màn ảnh trong tổng cộng hơn hai tiếng đồng hồ. Hình thức lẫn nội dung các cuốn phim khá đa diện. Từ những góc cạnh,

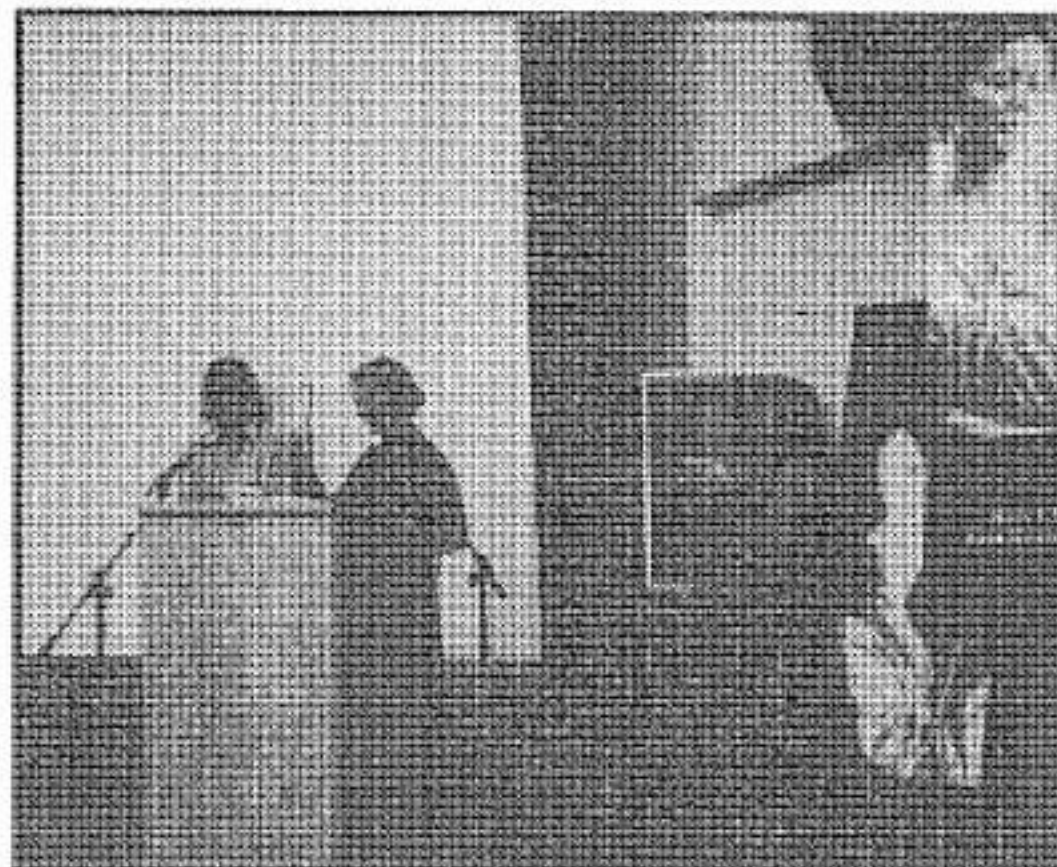
Buổi chiếu phim Người Tình Không Chân Dung và trao giải Lifetime Achievement Award

cho diễn viên
**Kiều
Chinh**

PHẠM XUÂN ĐÀI

Sau lễ khai mạc vào đêm thứ Năm, 23/10/03, Đại Hội đã liên tục diễn ra trong ba ngày kế tiếp. Sau đấy sẽ nghỉ ba ngày, và bắt đầu lại vào ngày thứ Năm 30/10 liên tục cho đến ngày bế mạc vào Chủ nhật 2 tháng 11 2003.

Ngày thứ Sáu 24/10 chiếu phim và tiếp xúc với khán giả tại hội trường nhật báo Người Việt, rồi hội thảo tại nhật báo Viễn Đông về các đề tài điện ảnh như việc làm phim hoạt họa, cách viết truyện phim, dịch vụ làm và quảng cáo phim chiếu ở rạp và truyền hình, kỹ thuật digital v.v... do chính các đạo diễn chủ trì. Ngày thứ Bảy 25/10, tiếp tục chiếu phim và gặp gỡ khán giả với sự hiện diện của các đạo diễn và diễn viên, đặc biệt có đạo diễn Nguyễn Tường Hùng từ Pháp sang. Buổi tối chiếu hai phim dài, Green Dragon (Rồng Xanh) và Three Seasons (Ba Mùa). Ngày Chủ Nhật, chương trình trưa và chiều tiếp tục với các phim ngắn, buổi tối đặc biệt chiếu một phim cũ của miền Nam trước 1975, Người Tình Không Chân Dung. Đây cũng là buổi vinh danh cuộc đời phục vụ cho điện ảnh của nữ diễn viên Kiều Chinh với giải thưởng Lifetime Achievement Award (Giải thưởng về thành tựu của cả một đời) mà Đại Hội quyết

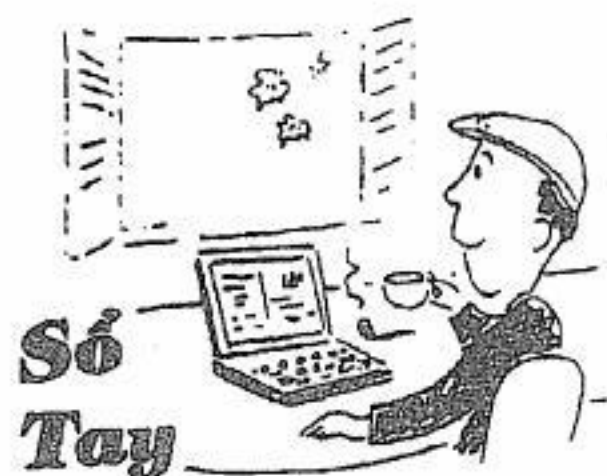


Kiều Chinh nhận giải Lifetime Achievement Award tại Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế. Từ trái: đạo diễn Tony Bùi, Kiều Chinh, Y Sa, Trâm Lê.

định trao cho bà.

Người Tình Không Chân Dung có thể nói là một phim bề thế nhất về đề tài chiến tranh của miền Nam, do hãng phim Giao Chỉ sản xuất. Tuy là sản phẩm của một hãng tư do Kiều Chinh thành lập và Hoàng Vĩnh Lộc đạo diễn, phim vẫn được sự hỗ trợ rộng rãi của chính quyền và quân đội trong việc thực hiện. Ngoài Kiều Chinh là nhân vật nữ duy nhất, các diễn viên còn lại, khá đông đảo, hầu hết là quân nhân đang tại ngũ: Vũ Xuân Thông, Nguyễn Mộng Hùng, Hà Huyền Chi, Dương Hùng Cường, Minh Trường Sơn, Chương Marine, Trần Quang, Tâm Phan...

Điều đặc biệt là sau khi quay xong, phim này đã bị... cấm chiếu, trong hai năm, sau cùng phải do một cuộc bỏ phiếu của chính Hội đồng Nội các (20/21 phiếu thuận), phim mới được trình chiếu cho công chúng vào năm 1973. Lý do cũng chỉ vì những hình ảnh hiện thực của chiến tranh (những "mộ bia đều như nấm" trong nghĩa trang, cảnh quân nhân bị thương, bị chết...) mà Hội đồng Duyệt phim các cấp đều chùn tay không dám thông qua, vì lý do "dễ làm nản lòng chiến sĩ." Tuy nhiên tại Đại Hội Điện Ảnh Á Châu 1973, phim đã được hai giải thưởng



RỒNG VÀ ĐẠI BÀNG Ở Á CHÂU

Đi dự Hội nghị Apec, ông Hồ Cẩm Đào bay sang Bangkok trước ông George W. Bush và được quốc vương Thái Lan thiết triều yến khoản đãi. Ngày hôm sau, Tổng thống Mỹ tới, cũng được hoàng đế Bhumibol mời dự yến trong hoàng cung.

Tuần sau đó Tổng thống Bush đến Australia trước chủ tịch Trung Quốc một ngày, nhưng cả hai cùng được vinh dự lần lượt đọc diễn văn trước lưỡng viện quốc hội Úc.

Các nước ở Đông Nam Á châu đều muốn tiếp đãi hai nhà lãnh đạo Mỹ và Trung Quốc như nhau. Mọi người đều công nhận Trung Quốc và Mỹ là hai cường quốc trong vùng. Nhưng hai cường quốc khác nhau trên nhiều điểm, đặc biệt là trong đường lối ngoại giao của họ hiện nay. Hội nghị APEC vừa qua cho thấy rõ điều đó. Tổng thống Mỹ tới vùng Đông Nam Á để thúc đẩy các nước góp phần vào cuộc chiến tranh chống khủng bố, ông mang theo những lời hứa hẹn viện trợ quân sự. Chủ tịch Trung Quốc đi các nơi đều nói chuyện giao thương và kêu gọi thiết lập mạng lưới thương mại tự do.

Bác Kinh đã đặt chân được vào cửa ngõ khối Asean với lời hứa hẹn thành lập một khối mậu dịch tự do vào năm 2015. Lâu nay, các nước Đông Nam Á nhờ bán hàng cho Mỹ nên phát đạt. Trong năm 2001 số mậu dịch giữa 10 nước Asean với Mỹ là 120 tỷ đô la. Tại Bangkok tuần trước, thủ tướng Ôn Gia Bảo đã tấn công, ông kêu gọi các nước Đông Nam Á hãy tăng số mậu dịch với Trung Quốc, từ 55 tỷ mỹ kim hiện giờ lên 100 tỷ mỹ kim trong hai năm nữa. Các nhà máy Trung Quốc cần hơi đốt của Indonesia, quặng sắt ở Úc châu, cao su của Mã Lai, vãn vãn. Trong khi dân Mỹ than phiền về cán cân thương mại với Trung Quốc bị khiếm hụt thì ngược lại nhiều nước Đông Nam Á đang bán hàng sang Trung Quốc nhiều hơn là mua hàng

về.

Hai quốc gia mạnh nhất về kinh tế ở Á Đông là Nhật Bản và Hàn quốc đều giao thương mật thiết với Trung Quốc. Trong năm 2002, Mỹ đã mất vai trò nước xuất cảng nhiều nhất sang Nhật Bản, thay vào đó hàng Trung Quốc đứng đầu. Đổi lại, hàng xuất cảng của Nhật sang Trung Quốc tăng gần 40%. Nước giao dịch thương mại nhiều nhất với Nam Hàn hiện nay cũng là Trung Quốc chứ không phải Mỹ. Trong năm nay, kinh tế Trung Quốc có thể tăng trưởng với tỷ lệ 9% đến 10%. Nhu cầu mua thép, đồng, kẽm, nhôm, cao su của các xí nghiệp Trung Quốc khiến cho giá các món nguyên liệu này tăng vọt trên thế giới. Khối người tiêu thụ trong lục địa Trung Hoa có thể bảo đảm sự hồi phục kinh tế điều hòa của những đồng minh quan trọng nhất với Mỹ là Nhật Bản, Hàn quốc, Đài Loan, Thái Lan. Các nước Đông Nam Á châu không nhìn 1 tỷ 300 triệu người Trung Hoa là một mối đe dọa kinh tế nữa; trái lại, có thể là những đồng minh trên con đường phát triển. Trong cuộc viếng thăm của ông Hồ Cẩm Đào ở Úc lần này, ông sẽ chứng kiến việc ký kết hợp đồng mới, trong đó tiền vốn của Trung Quốc sẽ góp phần đầu tư vào một công ty tìm kiếm khí đốt ngoài khơi Australia.

Phương cách ngoại giao của Bác Kinh hiện giờ trái ngược hẳn đường lối xuất cảng cách mạng không tưởng của Mao Trạch Đông, một thế hệ trước. Các ông Hồ Cẩm Đào, Ôn Gia Bảo đem theo những đề nghị hợp tác, giúp đỡ, thương thảo ôn hòa cốt lấy lòng mọi người. Phương pháp mới đã có kết quả, mà không chỉ riêng trong lãnh vực kinh tế. Một điều thật khó tưởng tượng được là sau hội nghị Apec Bác Kinh được mời tham dự một hội nghị sắp tới bàn về vấn đề dân chủ hóa xứ Myanmar, Miến Điện! Hầu như các chính phủ trong vùng Đông Nam Á đã quên rằng chế độ cộng sản ở Bác Kinh đang đàn áp những người bất đồng chính kiến và các nhóm tôn giáo một cách tàn bạo hơn cả nhóm quân phiệt ở Miến Điện! Một chính phủ bắt bớ tù cả những người họp nhau tập khí công, mà lại được mời cố vấn quốc gia khác về tiến trình dân chủ hóa!

Đường lối ngoại giao của chính phủ Bush không theo lối mềm dẻo đó. Đó là một chính sách ngoại giao nặng về quân sự. Không riêng gì đối với Á châu mà cả ở Âu châu và Trung

trang quân đội. Trung Quốc là quốc gia duy nhất trên thế giới bây giờ chủ tâm chạy theo Mỹ trên mặt quân sự, chờ ngày đuổi kịp. Một chục năm nữa, nước này sẽ là một mối đe dọa cho cả vùng Đông Nam Á. Nếu đảng cộng sản Trung Quốc gặp khó khăn về kinh tế, xã hội hay bị đe dọa có nội loạn; khi đó giới lãnh đạo độc tài sẽ tìm cách gây hấn với bên ngoài để cho dân chúng quên những khó khăn trong nước. Nước Trung Hoa hiện nay có hàng chục triệu thanh niên không thể tìm ra phụ nữ để kết hôn vì chính sách một con của đảng Cộng Sản. Khi một chính quyền không tìm ra cách nào giải quyết những nỗi bất mãn kinh tế và xã hội của đám “trao thừa” đó, họ có thể coi việc mộ lính, tuyển quân là một biện pháp đơn giản nhất. Và chiến tranh có thể lập lại thế thăng bằng nam nữ trong dân số.

Nhìn vào chính sách ngoại giao của Trung Quốc hiện nay, và sự thờ ơ của chính phủ Mỹ về hầu hết mọi chuyện ngoài chuyện chống khủng bố, người Việt Nam phải lấy làm lo ngại. Trong lịch sử con đường bành trướng của Hán tộc về phương Nam đã bị chặn lại từ thế kỷ thứ 10 chỉ vì có giống người Việt Nam ở đó.

Những câu hỏi của ông Donald Rumsfeld

Một điều đáng quý nơi ông Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Donald Rumsfeld là ông hay nói thẳng tuột những gì người khác chỉ nghĩ trong đầu không dám nói, hoặc tìm cách nói tránh né. Ra trước quốc hội Mỹ khi chiến cuộc mới bắt đầu, được hỏi liệu chiến tranh Iraq sẽ tốn kém bao nhiêu tiền, ông trả lời: “Tôi không biết.” Sẽ kéo dài bao lâu? “Tôi không biết.” Nhà báo hỏi tại sao bà Condoleezza Rice phải gửi cho ông một văn thư mà theo ông trong đó chỉ nói những chuyện mà bình thường bà ta vẫn phải làm, ông Rumsfeld cũng lác đầu, “Tôi không biết. Đi mà hỏi bà ấy.”

Văn thư (memo) do ông Donald Rumsfeld gửi cho các nhà lãnh đạo Bộ Quốc phòng trong tháng trước, được báo USA Today tiết lộ, cho thấy ông vẫn là người bộc trực, nghĩ sao nói ra liền. Đọc lá thư đó chúng ta thấy và hiểu những thắc mắc do ông tự đặt cho mình. Và khi nghĩ một người đóng vai trò lãnh đạo các cuộc chiến tranh nước Mỹ đang tham dự mà nêu những câu hỏi như thế, trong lúc này, thì thật đáng lo ngại.

Ông Donald Rumsfeld là một nhà chính trị, nhưng cũng là một vị quản đốc xí nghiệp những lúc không ở trong chính quyền. Ông từng tham gia trong chính phủ Ford, Reagan, cho đến trước sau hai chính phủ Bush. Có lúc ông làm cho hãng Bechtel, một đại công ty cơ khí, xây cất và dịch vụ khai thác dầu cùng hơi đốt, nơi đào tạo rất nhiều vị bộ trưởng cho các vị Tổng thống đảng Cộng Hòa. Ông tham gia chính phủ Bush II hiện nay với một chương trình có sẵn: cải tổ triệt để bộ Quốc phòng Mỹ cho thích hợp với thế kỷ 21. Ông chủ trương quân quý hồ tinh bất quý hồ đa. Tinh, ở đây nghĩa là dùng nhiều lực lượng đặc biệt phối hợp với nhiều vũ khí tinh khôn áp dụng kỹ thuật điện tử, tin học. Bản văn thư, sau đây sẽ gọi là memo, của ông Donald Rumsfeld gửi cho Tướng Myers, tham mưu trưởng liên quân; ông Wolfowitz, Thứ trưởng Quốc phòng; Tướng Pete Pace, Phó tham mưu trưởng, và ông Doug Feith, Thứ trưởng Quốc phòng về chính sách.

Mở đầu bản memo, ông Rumsfeld hỏi thẳng: Chúng ta đang thắng hay đang thua trong trận chiến toàn cầu chống khủng bố?

Và ba câu hỏi phụ: Bộ Quốc phòng có thay đổi đủ nhanh để đối phó với khung cảnh an ninh mới trong thế kỷ 21 hay không? Cuộc cải tổ định chế lớn có đủ nhanh hay không? Chính phủ Mỹ có thay đổi đủ nhanh hay không? Có thể nói ba câu hỏi phụ này là hệ quả của câu hỏi đầu tiên, nêu lên những phương tiện dùng cho cuộc chiến tranh chống khủng bố toàn cầu.

Đối với câu hỏi căn bản, ông Rumsfeld có những thẩm định như sau: Chúng ta có kết quả cả tốt lẫn xấu với nhóm al Qaeda ... còn rất nhiều người trong bọn họ vẫn còn hoạt động.



ông Rumsfeld hỏi thẳng: Chúng ta đang thắng hay đang thua trong trận chiến toàn cầu chống khủng bố?

cũng cần nêu câu hỏi đó.

Nhưng bà Rice hiện chỉ phụ trách chuyện Iraq, mà Iraq chỉ là một chặng đường trên con đường dài chống khủng bố (ông Rumsfeld đã nói đến thế hệ khủng bố sắp tới.) Và Iraq cũng chỉ là một điểm trong mặt trận chống khủng bố toàn cầu. Trong lúc bà Rice lo về Iraq, Tổng thống Bush lo vận động quỹ tranh cử cho sang năm, vậy ai là người lo cuộc chiến toàn diện? Ông Rumsfeld đã đánh một tiếng chuông lớn cho tất cả chính phủ Bush và dân Mỹ phải cùng nhìn vào vấn đề chung.

Một ý kiến đã được ông Rumsfeld nêu lên trong bản memo là việc thiết lập một định chế mới, trong Bộ Quốc phòng hay bên ngoài, phối hợp các bộ và các cơ quan để chống khủng bố toàn cầu. Và chắc chỉ có cơ quan mới này mới đủ tầm vóc để ra một “kế hoạch rộng rãi và toàn diện để ngăn chặn thế hệ các tay khủng bố sắp tới.”

Và những câu hỏi về tốc độ của sự thay đổi trong bộ Quốc phòng, thay đổi trong chính phủ Mỹ cũng cần nêu lên với đề nghị trên. Sau khi các giới chức chính quyền giải thích, minh xác, các nhà chính trị đối lập phê phán, chỉ trích, liệu chính phủ và quốc hội Mỹ có nhân dịp này đặt lại các vấn đề căn bản về mục tiêu, phương pháp và định chế cho cuộc chiến tranh chống khủng bố toàn cầu hay không?

CÁC QUYỀN TỰ DO CHỈ LÀ MỘT

Đảng Cộng Sản Việt Nam thường rêu rao rằng chế độ của họ vẫn tôn trọng tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo. Nhưng vụ ngăn cản phái đoàn chư tăng Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất trên quốc lộ số 1, ở Tuy Hòa, Nha Trang, cho thấy sự thật không phải như vậy. Các tu sĩ không được phép di chuyển trên quốc lộ, thì làm sao sinh hoạt tôn giáo được tự do? Bởi vì tuy có nhiều thứ quyền tự do, nhưng tựu chung vốn chỉ có một vấn đề, là con người có được tự do hay không. Tất cả các quyền tự do liên hệ và tùy thuộc lẫn nhau, người ta không thể tách rời ra, vì mất một thứ quyền tự do này thì cũng mất luôn nhiều quyền tự do khác.

Khi chối cãi về tội vi phạm quyền tự do tín ngưỡng của người dân Việt Nam, đảng Cộng Sản thường nêu lên số chùa chiền, số nhà thờ, số người đi lễ, vân vân. Nhưng nếu một tôn giáo không được phép đào tạo tu sĩ, không được

phép ấn hành kinh sách, thì làm sao gọi là tôn giáo được tự do? Cũng giống như bảo người ta tự do uống trà nhưng lại cấm không cho tự do đun nước! Và đó là tình trạng của tất cả các tôn giáo tại Việt Nam hiện nay. Chế độ cộng sản vẫn viết trong hiến pháp những quyền tự do ngôn luận, tự do tư tưởng; nhưng đảng và nhà nước chỉ cần kiểm soát các nhà in, kiểm soát việc mua bán giấy hoặc kiểm soát hệ thống phát hành là đủ cho tất cả những thứ quyền tự do ngôn luận, báo chí trở thành trống rỗng, vô hiệu.

Trong năm qua, đảng Cộng Sản Việt Nam đã phải nổi lòng sự giam hãm đối với các Hòa thượng Thích Huyền Quang và Hòa thượng Thích Quảng Độ. Ngài Huyền Quang đã được đưa ra Hà Nội chữa bệnh và còn được gặp các viên chức cao cấp của đảng và nhà nước. Ngài Quảng Độ đã được trả tự do cho đi ra ngoài cổng chùa. Những hành động nổi lòng dây trời đó chỉ diễn ra sau những áp lực của những quốc gia trong Liên hiệp Âu châu đang cấp viện trợ và sắp ký thương ước. Họ cần làm vui lòng ngoại quốc để các cán bộ cộng sản có dịp tham nhũng hoặc buôn bán làm giàu.

Các nhà lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Thống nhất đã bày tỏ thiện chí chấp nhận tình trạng nổi lòng, sống trong giới hạn đó, đã chịu đối thoại với các quan chức cộng sản cũng như các vị lãnh đạo giáo hội do đảng gây dựng nên. Thủ tướng Cộng Sản Việt Nam còn hứa hẹn sẽ xét lại quy chế hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Nhưng các hòa thượng vẫn tiếp tục giữ thái độ độc lập, vì Giáo hội vốn là một tổ chức độc lập đã có sẵn từ trước khi quân cộng sản chiếm miền Nam Việt Nam. Nếu trong một quốc gia mà hiến pháp có ghi nhận những quyền tự do căn bản, thì các công dân đều có quyền thể



HT Thích Huyền Quang



HT Thích Quảng Độ

nhấn nhục của một vị tu hành. Đảng Cộng Sản có thể sẽ rêu rao là họ đang tôn trọng tự do tôn giáo, bèn cho họ cho phép một tu sĩ cao cấp được đi La Mã dự lễ, hoặc sang California làm việc của một chủ chăn. Nhưng nếu tôn giáo được tự do thì tại sao một vị tu sĩ không muốn công khai cho chính quyền biết mình đã đến thăm một tòa báo ở nước ngoài? Như vậy con người sống trong chế độ đó có thực tự do hay không?

Cuộc hành trình của quý vị lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất từ Bình Định vào Sài Gòn là một thách thức đối với chế độ cộng sản. Và cũng là một tiếng chuông báo thức đối với tất cả mọi người Việt Nam ở trong nước. Đây là một thông điệp mà đồng bào ta nên lắng nghe và suy nghĩ: Con người có tự do nên đời sống có phẩm giá. Người ta không thể có tự do chút ít cũng như không thể hơi hơi có phẩm giá một chút. Nói như lời của nhà văn: Một nửa cái bánh mì vẫn là một cái bánh mì, nhưng một nửa tự do chưa phải là tự do.

Các người lãnh đạo đảng Cộng Sản bây giờ quen xin viện trợ, đầu tư của các nước Mỹ, Nhật, Liên hiệp Âu châu, họ nghĩ rằng dân chúng có phải đi ăn xin từng mảnh tự do như cơm thừa canh cặn cũng là chuyện bình thường. Khi cả nước chịu im lặng xếp hàng chờ, chịu sống cảnh ăn mày từng miếng tự do quan trên ban phát như vậy, phải có người nói lên cho ai nấy đều biết, rằng sống như thế là nhục nhã lắm. Các hòa thượng Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đã làm công việc đó, với thái độ vô úy bình thản của các bậc chân tu.

Tháng Tư vừa qua ông Phan Văn Khải đã gặp Hòa thượng Thích Huyền Quang để vượt ve, an ủi trước khi phóng thích. Ông cho đài truyền hình chiếu cảnh đó cho Tây và ta được coi, nhất là cho Tây coi để đảng dễ xin Tây tiếp tục viện trợ. Ông Phan Văn Khải còn nói rằng những vụ bắt bớ, tù đầy của các hòa thượng là do cấp dưới làm sai, và hứa sẽ sửa sai. Nhưng, ai cũng biết, đừng nghe những gì ông Phan Văn Khải nói mà hãy nhìn kỹ những gì ông ta làm! Tháng Sáu, Hòa thượng Thích Quảng Độ cũng được trả tự do. Đảng Cộng Sản nghĩ rằng các cụ già này sẽ nhấn nhục chịu đựng cảnh “tự do theo tem phiếu” của chế độ, hoặc hy vọng sẽ phong cho các cụ những chức cố vấn nào đó trong giáo hội do đảng lập ra năm 1981. Nhưng



Lễ tấn phong HT Thích Huyền Quang là Đức Tăng Thống

đảng đã hiểu lắm các nhà tu hành, họ cũng không hiểu lòng dân Việt Nam. Người Việt Nam không chịu nhục. Và các hòa thượng đã chứng tỏ điều đó. Các ngài không chấp nhận sống đồng lõa với chế độ giả dối, hiến pháp viết những chữ tự do nhưng con người không được tự do.

Ngày 19 tháng Chín vừa qua, các tu sĩ thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất về tu viện Nguyên Thiều gặp nhau, thể hiện quyền tự do hội họp của những công dân bình thường. Nhiều vị bị công an ngăn cản. Hàng chục tăng ni bị công an bắt “làm việc,” bị đe dọa không cho dự họp, cấm không được lãnh nhận trách nhiệm nào trong giáo hội. Hòa thượng Thích Quảng Độ đã viết thư cho ông Phan Văn Khải yêu cầu ngưng các hành động “trái nhân đạo và phi pháp” nhưng ông Khải không trả lời. Không những thế, bộ máy công an của chế độ còn làm mạnh hơn, gây ra những cảnh cản đường xe, chọc thủng lốp xe, và bắt giữ các nhà tu vụ cho tội mang tài liệu quốc cấm!

Các vị tăng sĩ trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đã nêu một tấm gương cho mọi người ở Việt Nam. Các ngài đã thản nhiên thi hành các quyền tự do mà đảng Cộng Sản ghi trong hiến pháp, vì họ không thể im lặng đồng lõa với sự giả dối có hệ thống của chế độ. Hoặc quý vị công nhận chúng tôi có những quyền tự do được long trọng ghi trong hiến pháp. Hoặc quý vị cứ việc giam giữ chúng tôi để cả thế giới nhìn thấy sự thật về chế độ của quý vị. Đó là thông điệp của các vị lão tăng mà 80 triệu người Việt Nam ở trong nước và ở bên ngoài đều nên lắng nghe. ●

vòng có hai năm thử hỏi còn cách làm ăn nào hơn được?

Thế mới biết câu tục ngữ “phế liệu của người này có thể là kho tàng của người khác” đâu phải chỉ áp dụng trong vài hợp hy hữu khi người may mắn mua với giá vài chục Mỹ kim được bức tranh cổ ngoài chợ trời hay tại nhà người nào bán để dọn nhà rồi về nhà mới khám phá ra mình mua được tranh Rembrandt trị giá vài chục triệu.

Trong lãnh vực tiêu thụ kim loại thải, câu tục ngữ này còn chứng minh mối lợi lớn hơn nhiều lần và trong thời gian dài hạn. Khó khăn chính là tìm ra thị trường cho loại hàng thải mình đang có trong tay.

Networkcar: Hệ thống cho biết vị trí xe mỗi hai phút

Tháng Mười hàng năm là tháng tiện lợi cho người tiêu thụ hơn những tháng khác trong việc đổi xe hoặc mua xe mới. Lý do, các trung tâm bán xe hơi cần dành chỗ đậu cho đợt xe đời mới hơn nên dễ quyết định bán xe đang tồn đọng với giá thấp hơn cho người mua. Chẳng hạn vào tháng này nếu quý vị đi mua xe đời 2003 sẽ mua được với giá thấp hơn tháng trước vì đời xe 2004 đã bắt đầu được bày bán.

Sau khi ngã giá xe, người mua thường được quảng cáo nên gán thêm những bộ phận an toàn để tìm được vị trí xe đang đậu phòng khi xe bị mất cắp. Ngoài những biện pháp đề phòng thông thường năm nay kỹ nghệ xe hơi hiện đang có một loại máy đáng đồng tiền bát gạo.

Loại máy vô tuyến hiện bán tại khoảng 100 trung tâm xe hơi toàn quốc đang được kể là sản phẩm được chuộng nhất mang tên Networkcar. Gắn dưới dàn điều khiển xe hơi gần tay lái, Networkcar cho phép người chủ xe biết chính xác vị trí chiếc xe của mình mỗi hai phút đồng hồ bằng cách vào mạng lưới điện toán theo dõi xe trên một bản đồ. Bản đồ có sẵn cả tên đường phố và địa chỉ nhà (hoặc trung tâm, cơ sở nào đó) chiếc xe đang đậu. Bán với giá \$995 Mỹ kim, loại máy Networkcar-tính ra rẻ hơn sản phẩm LoJack, bán với giá \$600.

So với loại máy dò tìm lại xe cho thân chủ khi xe bị mất cắp có tên gọi là LoJack, loại máy mới mang tên Networkcar tân tiến hơn nhiều.

LoJack thường không làm gì cả cho đến khi người chủ xe thông báo xe bị mất cho cảnh sát. Trong khi đó, máy Networkcar luôn luôn hoạt động mỗi khi xe nổ máy. Khi xe đậu một chỗ, Networkcar sẽ thông báo trên vị trí điện toán địa điểm sau cùng xe đậu lại và tắt máy.

Thêm vào đó, vì Networkcar dùng cùng hệ thống kiểm soát xe, chiếc máy nhỏ này theo dõi luôn tình trạng hoạt động của xe cho chủ. Chẳng hạn khi một chiếc đèn thắng bị đứt bóng, Networkcar sẽ gửi thư điện toán (e-mail) cho cả chủ xe lẫn trung tâm sửa xe về hư hại này. Networkcar còn thông báo khi nào xe cần thay dầu nhớt. Và tiện lợi nhất cho những cư dân California, Networkcar sẽ tự động kiểm soát hệ thống thải khói (smog check) trong xe giúp chủ nhân khỏi tốn tiền đi thử hệ thống này mỗi hai năm.

Ngoài phí tổn \$995 Mỹ kim phải trả khi gán máy Networkcar, người chủ xe còn cần trả thêm \$9 Mỹ kim hàng tháng trong đó bao gồm dịch vụ thay bánh xe miễn phí khi gặp trở ngại trên đường phố hay xa lộ tối đa bốn lần một năm.

Tuy số tiền trên không phải là nhỏ, tính thành tiền người chủ xe phải chi ra \$108 Mỹ kim hàng năm. Nhưng nếu nghĩ rằng chỉ cần bỏ ra bằng đó tiền mà luôn luôn kiểm soát được tình trạng chiếc xe của mình và được giúp đỡ khi cần thay vỏ bánh xe kể ra cũng là một đầu tư nên làm, nhất là đối với những bà mẹ độc thân đi làm hai ba công việc.

Ngoài những tiện dụng trên, những người có gán máy Networkcar trong xe còn cho biết một lợi điểm khác khi cần phải cho con mượn xe. Có con trưởng thành trong nhà lâu lâu mượn xe cha mẹ để... “đi học với bạn trong thư viện một chút” mà mình muốn biết con đậu xe ở đâu thì cha mẹ không còn cần hỏi con có đi đến nơi về đến chốn không. Chỉ cần lên mạng điện toán, tìm thấy sao thư viện của trường UCI mà lại không nằm gần đường Jamboree/Campus ở thành phố Irvine thì ít ra quý vị cũng biết con đến nhà nào vào giờ nào.

Các cô cậu thanh niên mới lớn chắc không thích loại máy Networkcar lắm, và có lẽ sẽ ít mượn xe cha mẹ hơn nếu xe các cụ có gán hệ thống này. ●

lòng” nhau.

Ngày nay y khoa đã biết rõ chức năng của từng cơ phận trong cơ thể, trí óc thì suy nghĩ, trái tim chỉ là một cái bơm máu hoạt động suốt ngày đêm, ruột, dạ dày, gan thuộc bộ tiêu hóa. Hóa chẳng, trái tim có liên hệ chút ít đến tình yêu là đôi lứa yêu nhau thấy tim đập hồi hộp hơn, máu dồn lên mặt khiến các cô, má hồng thêm, môi tươi thêm, e ấp thẹn thùng. Thế nhưng người ta không bao giờ thắc mắc tình yêu đến từ đâu.

Phải chăng nói một cách đơn giản, tình yêu chỉ là phản ứng của cơ thể dưới ảnh hưởng của những kích thích tố (hormone) trong nhiệm vụ truyền giống.

Dù sao đi nữa, tình yêu cũng là một ân sủng của thượng đế ban cho loài người, vì loài vật chỉ yêu nhau theo bản năng sinh tồn, hết mùa truyền giống là xong, trong khi con người yêu nhau bốn mùa, và những áng thơ văn tuyệt tác đã làm lãng mạng, thơ mộng thêm cho tình yêu đôi lứa. ●



TỪ NGUYÊN THƯ PARIS

Làm Việc Ít Hay Nhiều? LẠI CHUYỆN 35 GIỜ

Có phải rằng dân Pháp lười biếng hơn các dân tộc khác ở Âu Châu? Hay nói một cách lịch sự hơn, người Pháp làm ít giờ hơn dân các nước khác? Căn cứ trên số giờ làm việc, câu trả lời rõ và gọn gàng : Đúng như vậy. Cũng không sao, vì nhờ lười, khoa học mới tiến bộ!

Thống kê của tổ chức phát triển Âu châu OCDE chứng minh điều đó. Năm 2000, người Pháp làm việc trung bình 1 532 giờ trong một năm, so với nước làm nhiều giờ nhất là Hy Lạp : 1 921 giờ một năm. Vậy mà Pháp cũng còn hơn Đức (1 467) và Hòa Lan (1 346). Người Mỹ làm việc cũng dữ thần (1 821 giờ một năm), tương đương với Nhật (1 821) chỉ thua có Hy Lạp thôi.

Người Ý (1 606) và Tây Ban Nha (1 816),

nổi tiếng là lè phè nhưng vẫn làm nhiều giờ hơn Pháp. Có điều là theo nhân số, chỉ có 54% Ý và Tây Ban Nha làm việc, trong khi Pháp có 61% và Mỹ 73%. Người Anh ở mức vào trung bình : 1 711 giờ/năm.

Sở dĩ đề cập đến vấn đề này là vì hiện nay đang có chiều hướng muốn xét lại giờ làm việc 35 giờ một tuần. Trong hiện tình kinh tế của nước Pháp (theo dự đoán, tổng sản lượng chỉ tăng 0,2% năm nay) nhiều người cho rằng bắt làm ít giờ là một sự phí phạm.

Thực sự tình hình hiện nay phức tạp hơn nhiều. Trong các công ty, cơ sở lớn, 78% nhân viên làm việc 35 giờ hay ít hơn, 11% làm việc từ 36 đến 39 giờ và 11% làm việc nhiều hơn 39 giờ một tuần. Trong các công ty nhỏ (nhân số từ 10 đến 19), chỉ có 53% làm việc 35 giờ hay ít hơn, 32% làm việc từ 36 đến 39 giờ và 8% làm nhiều hơn 39 giờ một tuần.

Có lẽ vì vậy mà thủ tướng Pháp Jean-Pierre Raffarin không muốn có một đạo luật thay thế luật hiện hành. Ông muốn để cho xí nghiệp cứu xét từng trường hợp. 35 giờ một tuần dù sao cũng đã thành nếp và là quyền lợi đã thủ đắc của dân chúng. Hiệp hội chủ nhân cũng có cùng quan điểm như vậy.

CUỐN SÁCH CỦA BÀ NADINE TRINTIGNANT

Ngoài chuyện quan trọng đó, truyền thông nói nhiều đến cuốn sách của bà Nadine Trintignant, mẹ của Marie nhan đề là *Ma fille, Marie* do Fayard xuất bản. Marie Trintignant là nữ tài tử xi nê tử nạn ở Lituanie, một nước nhỏ bên bờ biển Baltique khi qua đây quay phim tháng 7 vừa qua. Trong đêm 26 rạng ngày 27, trong lúc gây gổ với người sống chung là Bertrand Cantat, Marie bị anh này ẩu đả đến hôn mê rồi chết. Cảnh sát Lituanie bắt giam Bertrand Cantat chờ ngày đưa ra tòa về tội ẩu thương.

Cuốn sách của bà Nadine Trintignant phát hành ngày 30.9 tại Paris vì vậy rất được chiếu cố. Marie đã từng đóng những vai bệnh vực người đàn bà bị áp bức và diễn xuất hay nên được nhiều người ưa thích, thương mến. Trong sách, bà mẹ đã dùng đến 85 lần chữ «meutrier» (giết người) và hai lần «assassin» (giết người có ý dự mưu) để gọi Bertrand Cantat. Luật sư đại diện cho Bertrand Cantat xin tòa tịch thu vì cho rằng sách viết như vậy vi phạm nguyên tác

quyết định về vấn đề này theo lời phỏng đoán của phái viên từ *Le Monde*.

Trong lúc đó, Bộ Giáo dục lưu ý rằng các giáo chức không phải là thiếu phương cách để ngăn chặn hay phòng ngừa vấn đề đưa tôn giáo vào trường học. Một thông tư của Nha Pháp chế ra ngày 10.3.2003 trình bày rõ cách xử sự của các trường cơ sở giáo dục. Tài liệu này dựa vào quyết định của Tham Chánh Viện xác định rõ đâu là giới hạn của quyền tự do phát biểu về niềm tin vào tôn giáo của học sinh trong các trường sở công lập.

Trường hợp của Đô Thành Paris

Đô thành Paris cũng bị bối rối với một vụ khăn quàng Hồi giáo. Báo chí vừa cho biết rằng tòa đô chính từ nhiều tháng nay đã cố gắng giải quyết mà chưa xong trường hợp của bà Senouci, trạc 30 tuổi, trợ tá xã hội trong ngành giáo dục làm việc trong sở Bảo trợ Thiếu nhi (ASE) của đô thành.

Vụ này bắt đầu cũng đã hai năm. Vừa khi được chính thức tuyển dụng, bà trợ tá xã hội liền mang khăn trùm cả đầu, cổ và cho biết từ nay sẽ không bắt tay các đồng nghiệp đàn ông. Chuyện đã không xảy ra như vậy trong thời gian bà đang tập việc. Tuy rằng bà làm việc ở ngoại ô nhưng quyết định của bà Senouci như vậy vẫn gây ra vấn đề vì rằng bà phải tiếp xúc nhiều với giới trẻ có khó khăn trong gia đình và ngoài xã hội.

Phát ngôn viên của tòa Đô chính xác định rằng tình trạng này không thể chấp nhận được nhưng vì chuyện chưa giải quyết được nên còn phải đối thoại và hòa giải. «Trong ngành công vụ, luật lệ quy định rõ ràng nhân viên phải tôn trọng tính cách thế tục vô tư đối với đạo giáo,» lời phó đô trưởng trách nhiệm về hành chánh và nhân viên.

Trong lúc chờ đợi để giải quyết dứt khoát, có ý kiến đề nghị chuyển bà qua công việc khác không tiếp xúc với công chúng.

Phản ứng của các hội đoàn Hồi giáo

Thật sự thì đa số người Hồi giáo tại Pháp không đặt vấn đề cho các em được quàng khăn trong lớp học. Họ tôn trọng tính cách thế tục của trường học, căn bản của nền cộng hòa. Hội đồng Pháp Quốc của Đạo Hồi (CFCM) đã thấy không cần phải lập một ban nghiên cứu về vấn

đề này, trái lại tổ chức Liên hội các tổ chức Hồi giáo tại Pháp (UOIF) có xu hướng ngã về quyết định để cho các em quàng khăn vào trường nhưng cũng đồng ý cần phải có một đạo luật quyết định dứt khoát về chuyện này.

Sở dĩ vậy là vì giáo lý đạo Hồi chấp nhận «tình trạng cần thiết» buộc tín đồ phải theo luật pháp trong nước một khi có sự khác biệt. Chính vì không có luật cấm nên các giáo sĩ bị đặt vào tình trạng khó xử.

Trường hợp của hai em Lila và Alma khá đặc biệt. Bố là người Do Thái, mẹ sau đó theo đạo Thiên Chúa. Các em vì bị đồng bạn chế giễu là người gốc Do Thái nên có phản ứng ngược lại, theo lời của bà mẹ.

Trong những ngày rày các em ở nhà theo học chương trình hàm thụ. Trong một phút tức giận, Lila nói: «Tôi sẽ trở thành luật sư,» không hiểu cô bé có nghĩ tới bà Shirin Ebadi, người Iran vừa được giải Nobel Hòa bình năm nay. Bà Ebadi được cấp giải vì có thành tích tranh đấu cho nhân quyền và quyền của người phụ nữ tại Iran. Có điều là bà không trùm khăn!

Nhìn Quanh Âu Châu

Trong số các nước tại Âu Châu chỉ có Pháp và Đức là có khó khăn trong vấn đề này. Có lẽ vì rằng tại hai nước này, số người Hồi giáo đông đảo hơn tại các nước khác, hay là luật pháp khắt khe hơn so với các nước khác. Đức với 3,2 triệu người Thổ Nhĩ Kỳ cấm quàng khăn trong các trường học và công thự. Mới đây, viện Bảo hiến ở Karlsruhe phán quyết rằng trường học không được quyền cấm một giáo sư choàng khăn lúc giảng dạy.

Nước Anh có hai triệu người Hồi giáo, phần lớn từ các nước Ấn, Hồi, chọn giải pháp tự do. Trong trường, học sinh được quyền đội mũ kippa Do thái hay quần khăn của người Sikh. Trong bệnh viện hay trong ngành Cảnh sát, được choàng khăn nếu có xin phép cấp trên.

Hòa Lan : Tôn giáo được coi như là trụ cột của quốc gia. Một luật ban hành cấm mọi kỳ thị tôn giáo. Hồi giáo được bảo vệ như các đạo khác và khăn quàng được chấp nhận trong các trường công.

Bỉ : Không có luật cấm quàng khăn. Nếu có vấn đề sẽ do hiệu trưởng quyết định.

Tại các nước Bắc Âu: Luật pháp bảo vệ tự do tôn giáo, khăn quàng Hồi giáo không bị cấm.

Nhà ga Invalides trong Quận 7 Paris được chọn là vì thuộc vào loại quan trọng, mỗi ngày có chừng 36 000 người đi về, không quá đông mà cũng quá ít nên rất hợp với khả năng. Theo tổng tích thì hai nhân viên của Công quản hỏa xa điều khiển tàu điện hầm thấy có hai tên khả nghi liền báo cho cảnh sát. Cảnh sát biết thế nào cũng có cú điện thoại này, nhưng phải chờ người ta kêu mới bắt đầu cho còi hú.

Như trong Xi nê

Hai tên này có thừa thì giờ (trước khi bị bắt) để cho nổ một bình chứa chất độc trên sân ga của đường tàu RER C. Để cho dễ đối phó, người ta gọi chất độc này là hơi độc có hại cho não bộ sấp loại sarin. Đây là chất độc đã được giáo phái Aoum của Nhật Bản dùng trong vụ nổ ngày 20.3.1995 trong giờ đông hành khách đi lại nhất. Hồi đó đã có 12 bị chết, hàng ngàn người bị ngất xỉu hay thương tích.

Lần này có hơn năm chục hành khách và nhân viên hỏa xa bị ngộ độc, nằm dài cho Cảnh sát cấp cứu tới khiêng đi. Nhờ làm ban đêm, trong khu vực vắng vẻ nên không trở ngại sự lưu thông của đô thành.

Trên bộ cũng như dưới hầm, những Cảnh sát cấp cứu trong những y phục đặc biệt, mới toanh khiến người quan sát có cảm tưởng như coi một ngoại cảnh của một khúc phim xi nê. Nhiều căn trại tiền chế được dựng lên dọc đường để tiếp nhận các nạn nhân, nơi đây, nạn nhân bị «lột trần» xịt xà phòng sát trùng giữa trời Paris lạnh dưới mức bình thường. Khu vực bị ngăn chặn, chỉ có các nhà báo mới được vào quay phim, chụp hình. Cảnh tượng có vẻ thực vì có cả tiếng còi hú của xe chữa lửa nhưng qua truyền hình thời sự thiếu tiếng rên rỉ và không có máu me lênh láng ra giữa sân.

Cuộc thực tập theo kế hoạch «Plan rouge» và «Plan Piratox» được đặt ra từ khi có những vụ khủng bố phá hoại hai tòa nhà World Trade Center tại Nữ Ước, kéo dài tới 3 giờ 45 sáng. Tới giờ này, Cảnh sát trưởng Paris Jean-Paul Proust tập họp nhân sự tổng kết rồi giải tán cho mọi người về nghỉ. Trong cuộc họp báo chính thức tại tòa Đô chính 11 giờ 30, ông Proust đã khen ngợi việc phối hợp hiệu quả và phản ứng nhanh chóng của các đơn vị tham gia cuộc thực tập.

GIẢI GONCOURT 2003

Trong lĩnh vực văn học, năm 2003 đánh dấu 100 năm của một giải thưởng văn chương đặc biệt của nước Pháp, giải Goncourt. Ngày 21.10, ban giám khảo của giải này nhóm họp, ai cũng tưởng rằng để chọn lựa lần cuối những tác phẩm dự thi. Ngày công bố trước đây dự tính vào 3.11. Không dè khi những người này ra khỏi hiệu ăn Chez Drouant, tên cuốn sách và tác giả trúng giải đã được loan báo: *La Maitresse de Brecht* của Jacques-Pierre Amette do Albin Michel xuất bản. Tác giả là nhà phê bình văn học trên tuần báo *Le Point*, qua lần bỏ phiếu thứ năm được bảy phiếu trong khi cuốn *Windows on the World* của Frédéric Beigbeder (Grasset xuất bản nói về vụ 11.9 tại New York) được hai phiếu và *Dans la guerre* của Alice Ferney (Actes Sud) được một phiếu. Académie de Goncourt có 10 thành viên, chủ tịch là bà Edmonde Charles-Roux.

Sách được giải nói về đời của một người đàn bà tên là Maria Eich được Mật vụ Đông Đức bắt làm người tình của kịch tác gia Brecht để do thám và khuynh đảo ông này. Tác giả trúng giải này sẽ nhận được một chi phiếu 10 Euro, tương đương 5 000 F mà người trúng giải năm 1903, năm bắt đầu giải, nhận được.

Quyết định của Goncourt công bố trước hạn kỳ khiến cho người trách nhiệm của những giải khác chưng hửng và bức bối. Như là có chuyện giành giật để trao giải trong số chừng 100 cuốn sách «có giá» in ra trong mùa tựu trường năm nay. Vì đáng ra Goncourt phải chờ đợi:

Giải nhất về tiểu thuyết của Hàn lâm viện Pháp, (Grand Prix du roman de l'Académie française) công bố ngày 23.10, giải Femina và giải Médicis cùng công bố ngày 27.10, giải Renaudot, thường được công bố cùng một ngày với giải Goncourt, nay vẫn giữ ngày 3.11.

Tiếp theo là những giải Prix Décembre, ngày 4.11, Giải Prix de Flore, ngày 5.11, Giải Interallié, ngày 12.11 và giải Wepler, ngày 24.11

Sách trúng giải Goncourt trước đây bán chạy nhất là cuốn tiểu thuyết *l'Amant*, năm 1984, của Marguerite Duras, hơn một triệu cuốn. Các sách khác trung bình vào khoảng nửa triệu, trừ cuốn *Les Ombres Errantes* của Pascal Quignard, chừng 200 000 cuốn. Giá mỗi cuốn trung bình từ 15-20 Euro.

nhọc. “Úp mái” tức là mọi công việc dưới nhà đã làm gần xong, người ta đẩy những thanh gỗ to, nhỏ đã xẻ sẵn đem lên mái đóng đinh, liên kết chúng lại với nhau thành những ô vuông nhỏ đủ để lên đó một viên ngói mà không bị lọt. Trèo lên mái tay cầm búa, quanh mình quấn một vòng dây để đeo một cái ống bơ đựng đinh. Phơi mình dưới nắng từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều ngồi đóng đinh, mà trời thì nắng như đổ lửa, nhiệt độ buổi trưa có thể lên tới 38 oC.

Lúc tan tầm thì người ngóm bản thủ, vừa mệt, vừa đói lại vừa khát. Cũng như mọi hôm, tôi đang đi đến bờ sông để đón vợ tôi, nhưng thật chẳng may hôm ấy vợ tôi phải ở lại hợp: Có việc quan trọng đột xuất. Tất nhiên tôi để cái xe đạp lại để khi hợp xong vợ tôi có xe mà về.

Xin được phép nói một chút về chiếc xe đạp ở miền Bắc Việt Nam vào thời đó, chiếc xe đạp là của quý hiếm của người dân Bắc Kỳ, nó là một tài sản lớn: Nếu lại là chiếc Peugeot có “líp” ba tầng và có cái sang số, nếu lại là màu cá vàng hoặc da đồng nữa thì nhất Bắc Kỳ rồi. Xe đạp không bán mà chỉ có phân phối trong nội bộ cơ quan thôi, nên có được một cái xe Thống Nhất hoặc xe Liên Xô là vinh dự lắm, may mắn lắm. Nếu sang ra có được cái xe Phượng Hoàng của Tàu thì đã có thể treo lá cờ đuôi nheo lên tay lái, bóp chuông kính cong, kính cong để dọa thiên hạ. Cái xe đạp quý như thế, nên đến năm 1975 chiếm được Sài Gòn, anh lính quân giải phóng Bắc Kỳ nào khi quay trở ra đất Bắc, trên ba lô cũng đeo toong teng một cái khung xe đạp Sài Gòn, và trong ba lô lưng cũng nào là xích, líp, nan hoa v.v.. Đến nỗi có câu tục ngữ cửa miệng:

Tướng: tấn, Tá: tạ, Ủy: yến,

Lính chiến: xe đạp, búp bê.

(tấn, tạ, yến= 1000 kg, 100 kg, 10 kg). Chả là ngoài khung xe đạp ra chú lính nào hồi hương cũng có một bọc nylon trong đó gói con búp bê tóc vàng nữa. Đọc vậy để các bạn hình dung ra cuộc sống của chúng tôi, dân Bắc Kỳ những năm 70 đói rách như thế nào.

Trở lại câu chuyện của tôi: Sau khi để lại xe đạp cho vợ, tôi cuốc bộ hai km từ đó đến vườn hoa Hàng Đậu để uống một cốc bia trước khi ra về. Đến nơi thì đã thấy đông người xếp hàng mua bia dài dằng dặc. Cái cảnh này thì đồng bào miền Nam cũng đã rõ, nên họ nói XHCN là “Xếp hàng cả ngày” mà. Tôi buồn bã đứng vào hàng. Hy vọng sẽ có một cốc bia

để đã cơn khát và chất men trong bia có thể làm tôi đỡ mệt hơn, để có sức đi tiếp qua cầu về nhà bên Gia Lâm.

Những năm tháng ấy, đối với dân thường miền Bắc là những năm tháng đói khổ, nông dân được ba lạng thóc một ngày công, công nhân thì tem phiếu: sổ gạo, phiếu đường, tem thịt, tem đậu, tem nước mắm, tem lòng lợn, ô thanh, ô củi; có nơi đến hai tháng không được cân gạo nào cả, và ở Hà Nội lúc bấy giờ gặp ai mà thấy mặt buồn rười rượi thì người ta bảo: “Sao thế, mất sổ gạo à.” Hột gạo quý lắm. Tôi mới ở tù ra chưa có sổ gạo, hoàn cảnh thật là gay go. Ở trong tù thì mặc cha nó, dù thế nào cũng không phải lo bữa ăn, cứ đến giờ là phải cho ăn: dù ít, nhưng cũng có cái mà ăn. Nhưng những ngày đầu mới ra tù: Móc đầu ra, vét đầu ra gạo để đổ vào mồm, vợ con phải ăn bớt bát đi để nhường phần cho tôi.

Đã đói lại khát nữa, khát đến cháy họng. Nhưng chác chỉ ít phút nữa thôi, cơn khát của tôi sẽ được giải tỏa. Tôi sẽ có một cốc bia sủi bọt, thơm mùi houblon, hơi lạnh của bia toát ra thành cốc rỏ những giọt nước mát vào lòng bàn tay, tôi sẽ hết khát, sẽ hết mệt; men bia sẽ giúp tôi có đủ sức để đi qua cầu Sông Cái, qua đoạn đường dài về nhà.

Tôi lạng lẽ xếp dịch theo dòng người chậm chạp từng bước tiến tới quầy bia. Chung quanh tôi, ồn ào như ong vỡ tổ. Những người mua được bia, ngồi xồm, ngồi bệt xuống vệ cỏ, từng nhóm một, họ uống ngon lành và cười nói há hê. Một lát nữa thôi, tôi cũng sẽ được như họ, sẽ được uống, sẽ được hưởng, sẽ được thưởng thức cái thơm cái lạnh, cái mát của vại bia sủi bọt kia. Tôi hy vọng như vậy.

Nhưng gì thế kia? Những người xếp hàng trước tôi đã tản ra mọi phía. Tôi bàng hoàng ngơ ngác. Có tiếng nói: “Nhà hàng hết bia rồi.” Trời! Hết bia rồi! Vài người quanh tôi bảo: “Thôi đành ra mua bia ngoài mà uống vậy.” Bia ngoài nghĩa là giá gấp đôi: Những sáu hào, mà trong túi tôi lúc đó chỉ vền vền có ba hào, chỉ đủ để mua một cốc bia theo giá quy định.

Thưa quý vị: Thế nào là bia ngoài? Số là thế này: Chuyện hết bia hình như hôm nào cũng xảy ra. Bia thì ít mà người uống thì nhiều, nên có một số người xếp hàng nhiều lần để mua bia, họ huy động cả nhà: già, trẻ, lớn, bé, xếp hàng mua bia, mua xong họ không uống, mà dồn lại vào một cái can, chờ khi nhà hàng hết bia thì họ bỏ ra bán với giá gấp đôi. Đấy cũng

thành cầu, cố gắng đi tiếp. Mình không thể..., không thể chịu thua.

Câu thơ Ngũ Tử Tư lại trở về trong đầu tôi:

“Ngũ Tử Tư! Ngũ Tử Tư! Thù cha đeo nặng...
“Một chiều qua sông nước Sở...”

Tôi phải vượt qua khúc sông này, cho dù nó có dài rộng tới đâu, phải cố mà vượt, mà về đến nhà, dù có phải bò lê cũng phải vượt. Người ta không thể bảo rằng cuộc đời đó đã hết, nếu người đó chưa chết. Tôi nhắm lại câu nói đó. Vậy thì tôi không thể chết lúc này được; không thể bị khuất phục, không thể chịu thua.

Đèn pha ô tô vẫn cứ lần lượt chiếu vào mặt tôi, làm tôi nhớ lại cuốn phim: *La valse dans l'ombre* do Robert Taylor và Vivien Leigh đóng. Lúc Vivien Leigh tự tử ở trên cầu, cũng trong cảnh như tôi bây giờ đây. Đèn pha chiếu lóa vào mặt nàng, nàng nhắm mắt lại, và lao xuống đường. Tiếng phanh ô tô rít lên, một đám đông xúm lại vây quanh, và khi Robert Taylor lao đến, chỉ còn sót lại trên mặt đường một vũng máu đào loang lổ, và lăn lóc bên cạnh một con búp bê nhỏ kỷ vật lần đầu tiên gặp nhau. Cái chết của cô bé 13 tuổi, và cái chết của Vivien Leigh cứ hiện lên rõ nét trong tôi.

Lòng tôi nặng trĩu nỗi buồn tuyệt vọng và buồn xuôi: Thế thì.... Nhưng ta sẽ không như Vivien Leigh, ta có dòng sông Cái, dòng sông mẹ dưới kia, dòng sông đã nuôi ta như dòng sữa mẹ. Ta mà xuống đấy thì mát dịu lắm, ta sẽ hết khát, hết mệt, sẽ hết tất cả... một cách êm dịu và lặng lẽ.

Tôi dừng lại, vịn tay vào thành cầu, nhìn xuống dòng sông. Sông sâu, nước lớn. Dòng nước cuộn cuộn, trôi nhanh, hơi tỏa mát lên và sóng nước rì rào vẫy gọi!

Giữa lúc ấy thì có tiếng phanh ô tô rít chói tai ngay bên cạnh tôi. Một chiếc xe ô tô đột ngột dừng lại, ơ kìa, mình có lao xuống lòng đường đâu nhỉ? Có tiếng mở cửa ca bin, một bóng người lao nhanh ra khỏi xe nắm chặt tay tôi lắc lắc:

“Anh Vĩnh, anh Vĩnh sao anh lại đứng đây. Biết tin anh về em đi tìm anh mãi.”

Tôi lặng đi không nhận ra ai.

“Em đây mà. Thực đây mà. Anh có nhận ra em không?”

Tôi nhìn lại một lần nữa. Dưới ánh đèn pha tôi nhận ra đấy là chú lính lái xe cho tôi

ngày trước, chú ta lú lú nói tiếp:

“Em tìm anh mãi mà không thấy! Anh đi đâu mà sao lại đứng đây vào giờ này?”

Có tiếng chửi tục tằn, thô lỗ ở những chiếc xe đằng sau:

“... Thàng kia, có lên lái xe đi tiếp không? Thàng kia...” Thực đâm bổ lên cabin, sách xuống một bọc nhỏ, tay rút túi ngực ra một tập tiền đưa cho tôi, miệng lấp báp vội vàng:

“Anh Vĩnh anh cầm lấy! Em sẽ gặp lại anh sau. Em phải đi đây. Nhưng mà, hiện giờ anh ở đâu?”

“Tôi ở bên Ái Mộ- Gia Lâm, mới đi tù về chú Thực ạ.”

“Em biết chỗ đó rồi.”

Thực nhảy vội lên xe, đóng cửa, vào số, thò đầu ra ngoài chú bảo:

“Thế nào mấy hôm nữa em cũng sẽ sang tìm anh. Em đang lái xe cho công ty thực phẩm Hà Nội. Thôi em đi đây. Chào anh nhe anh Vĩnh.”

Tôi bàng hoàng cả người. Dòng xe ì ầm tiếp tục chiếu đèn pha đi qua mặt tôi, chiếu sáng cái bọc mà Thực vừa đưa cho tôi, tôi nhìn thấy có đến mười quả trứng và hai miếng thịt (chắc là tiêu chuẩn thực phẩm của gia đình chú) và trong tay tôi một tập tiền. Tôi ứa nước mắt.

Tôi có khóc bao giờ đâu, trừ lúc còn bé, thường thì tôi chỉ đứng lặng đi, đôi mắt trần trần mở to, và nuốt nước mắt vào lòng mà thôi. Thế mà lúc ấy, nước mắt tôi cứ lặng lẽ ứa ra.

Tôi nhìn theo dòng xe ô tô đang chạy. Tôi nhớ tới chú, người lính đã cùng tôi đi suốt một thời gian. Tuy chỉ ngắn ngủi có vài năm, những cũng đã để lại cho nhau biết bao ân tình đậm đà sâu sắc của những con người đã có một thời cùng nhau vào sinh ra tử.

Bất kỳ ở đâu, bất kỳ lúc nào trên thế giới này, cho dù đứng ở phía nào, trên trận tuyến, những người lính đã cùng nhau chinh chiến, thì họ đều có tình đồng đội máu thịt, họ có thể hy sinh cho nhau, và chẳng bao giờ quên nhau. Như hôm nay và lúc này đây. Lẽ ra... lẽ ra.... nhưng dù thế nào thì cuộc sống của tôi vẫn đáng sống lắm vì trên đời vẫn còn nhiều con người như chú em.

Chú Thực ạ!

Tháng 10 năm 1998

Thàng Bò mếu máo, nước mắt bát đầu ứa ra trên mi. Tú mở ngăn kéo, tìm hộp kẹo anh dấu dưới mấy tờ báo cũ, lấy cây kẹo mút See Candy mùi vị cà phê, thứ anh ưa thích, lột ra đưa cho con. Thàng Bò có kẹo, khoái chí mút lia lịa. Anh để con ngồi trên đùi, đặt tay lên nút chữ, cố gắng nối lại dòng tư tưởng.

Ngoài sân, trời xuân dịu dàng mát mẻ, nàng nghe tiếng lá cây lao xao trong gió nhẹ, mơ hồ. Rạng đôi thoai thoải sau nhà trải lốm đốm tấm thảm vàng tươi hoa cải, chen lẫn trong vệt cỏ non xanh; ánh chiều yếu đuối, mơn trớn những ngón tay cuối cùng trong khe núi. Đám mây tím ửng lả, vương vấn giăng ngang chân trời như tấm lụa mong manh, cố tình che giấu mặt trời tròn trĩnh, trần truồng, huy hoàng như viên ngọc đỏ đang chầm chậm trầm mình xuống chân trời...

-Eo ơi, gớm ghê quá!

Tú nhả mặt, nhìn xuống keyboard, nước dãi từ mồm thàng Bò pha trộn với chất dẻo của kẹo từ hai bàn tay nó đã trét be bét trên cạnh bàn. Nó đang dùng những ngón tay bụ bẫm, nhộp nhúa, dẻo nhẹ lên đập đập trên phím chữ, bát chước bố. Nghe giọng Tú, nó ngược nhìn anh, nhoẻn cười, cầm cây kẹo mút nhè nhại nước dãi từ trong miệng mình đưa ra mời bố. Tú thở dài, lảng lạng bế con, đứng dậy, bước vào phòng tắm. Đặt con ngồi cạnh chậu rửa mặt, Tú lấy chiếc khăn treo lủng lẳng trên vách, mở vòi nước. Bò thấy nước chảy, thích thú thò bàn chân vào dòng nước và bát đầu đá nước tung tóe. Bò cười khanh khách:

-Tắm, bố tắm...

-Ừ thôi, cho mày tắm, thàng dơ dáy này, bỏ mày vào bồn nước cho mày chơi nhé.



Tú đặt con xuống sàn nhà, mở vòi nước tắm trong bồn ấm, cởi áo quần thàng Bò ra, đặt nó vào bồn nước. Bò thích thú tay chân đập lia lịa làm nước văng đầy cả đầu cả mặt Tú.

-Ái chà, thàng bé này nghịch quá.

Tú lấy con vệt cao su đưa cho con, thàng Bò lác đầu, nó chỉ tay vào mấy tập plastic xanh xanh đỏ đỏ cạnh bồn tắm:

-Muốn sách.

Tú cầm lên một mảnh ba bốn tờ giấy nhựa lẹp xẹp, thì ra đây là một cuốn sách họ làm cho bọn trẻ

con đọc trong lúc tắm cho khỏi hư ướt. Thàng Bò gât gù cái đầu ướt nhẹp của nó, chỉ tay vào hình con bò vàng. Con bò mập mạp ngộ nghĩnh nhảy nhót, miệng cười nhe mấy cái răng bò to tổ bố. Thàng Bò lấy ngón tay chỉ trỏ, đầu nghiêng nghiêng nhìn Tú:

-Bố, cow, cow mooo...

Đôi môi hồng của thàng bé chu tròn xoe dễ ghét hết sức. Tú thở dài:

-Thôi chắc tao hy sinh cái nghiệp văn chương cho mày, bây giờ mày đọc cuốn sách này, biết đâu mai một mày thành văn sĩ nổi tiếng, không biết chừng lại thắng giải Pulitzer thì tao cũng hãnh diện vậy.

Anh đứng dậy cởi áo, trèo vào bồn, mở thêm nước, nằm dài trong bồn, nhắm nghiền đôi mắt. Thàng Bò cười khanh khách, nhảy lên bụng bố, cầm cuốn sách nhựa, đập lẹp bẹp vào đầu anh kêu:

-Bố chết, bố chết ..

Nó tưởng Tú đang chơi trò giả chết với anh em nó. Bò cù cù vào nách Tú, anh nhột quá cười vang:

-Tổ cha mày, tao chưa chết nhưng cái nghiệp văn chương của tao thế nào cũng chết vì mày.

đã phải lo lắng về những chuyện trọng đại như vậy.

Tuy không nói ra, Mạnh rất phân vân không biết cái quyết định của chú mình đúng hay sai. Dường như ông Tâm cảm thấy cái ý tưởng nghỉ ngơi thăm kín đang lớn vồn trong đầu Mạnh. Ông trù mẩn nhìn người cháu mà ông đã có công nuôi nấng dậy dỗ gần hai chục năm. Ông nhẹ nhàng hỏi với hy vọng rồi Mạnh cũng đồng ý với ông:

— Cháu nghĩ thế nào?

Mạnh thành thật trả lời:

— Thưa chú, quả thật cháu cũng không biết trả lời ra làm sao. Chú thím quyết định thế nào thì cháu cũng theo như vậy.

Ông Tâm khẽ thời dãi, nghĩ ngợi, rồi nói:

— Cháu đã lớn rồi. Đối với vấn đề “Đi hay ở”, chú để cháu tùy ý định liệu. Cháu muốn ở đây với chú thím cũng được, hay cháu muốn vào Sài Gòn để chú Thận giúp đỡ ăn học một vài năm thì cũng tiện như ở đây với chú thím vậy. Cháu muốn thế nào chú cũng đồng ý.

Mạnh không biết nên đi hay nên ở. Cả hai tuần lễ, chàng đã đi thăm hỏi ý kiến mấy thành bạn thân học cùng lớp. Vài thành con nhà giàu thì được bố mẹ sửa soạn cho đi du học bên Pháp. Đa số những thành khác sẽ theo gia đình vào Nam. Những thành có bằng “tú tài Tây” rất sợ bị các cán bộ “i-tờ” vào tiếp thu Hà Nội rồi gán cho cái tội “đi học tiếng Tây là có ý định đi làm Việt Gian cho Tây.” Chẳng vạ gì mà ở lại để “chịu trận”! Mạnh nghe thấy cũng có lý. Nhưng đồng thời chàng cũng tin rằng cái lý lịch “trẻ mồ côi từ nhỏ” của chàng sẽ giúp chàng tránh khỏi cái “tội tổ tông,” một cái tội làm nao núng bao nhiêu thanh niên vô tội như chàng. Hơn nữa, nếu ra đi, chàng sẽ rất thương nhớ ba đứa em họ của chàng, nhất là bé Thúy hay nũng nịu đòi anh dẫn ra phố mua kẹo vừng, hay ra bờ hồ ăn kem.

Đi hay ở? Một câu hỏi khó trả lời. Một bài toán quá nhiều ẩn số. Mạnh đoán đo hơn một tuần lễ. Sau cùng chàng quyết định ra đi. Một phần vì tính phiêu lưu của tuổi trẻ. Một phần vì không muốn trở thành một gánh nặng cho gia đình ông bà Tâm trong khi tương lai của những người ở lại hãy còn mịt mù.

Mấy ngày sau đó, tất cả gia đình ông bà Tâm tiễn chân Mạnh ra ga dưới trời mưa rả rích. Nhà ga Hàng Cỏ chật ních những người,

NGUYỄN BẠCH DƯƠNG

BẾN QUÊ

*Dường xưa trước bây giờ đi trở lại
Biết có còn cây cỏ của hôm nao
Vầng trăng cũ ngoảnh lòng làm mặt lạ
Khi trở về lạ lắm những trời sao.*

*Trong xẻo nhỏ chiếc xuồng Cui mê mồi
Tựa lưng sào đợi nước lên chim kêu
Con đẽ lửa gáy một hồi mồi cánh
Đêm làm sao khuấy khỏa nỗi buồn dài.*

*Xin đừng hỏi trở về được mấy chốc
Cuộc ra đi dài thâu tận phương trời
Cuộc ra đi lòng dài đầy trầu nặng
Mái đình quê che khuất lán sung già.*

*Ngày tuổi nhỏ hồn nhiên nên đâu biết
Đến bây giờ đâu thể phứt người quên
Đi vạn bước lòng không xa tác cũ
Buổi lộn về lạ lắm một miền quê.*

ồn ào như một đàn chim vỡ tổ. Chàng ngạc nhiên khi thấy trong số hành khách có rất nhiều người nghèo bồng con bế cái từ miền quê ra. Tại sao nghèo đói như vậy mà lại nhất quyết bỏ xóm làng ra đi? Một câu hỏi chàng nêu ra, nhưng không có đủ khả năng trả lời.

Ông Tâm cầm cái va-li quần áo lên, rồi trao cho Mạnh. Ông yên lặng xiết chặt bàn tay chàng. Bà Tâm dướm dướm nước mắt, dúi cho chàng cái bánh mì nhồi thịt nguội và vài tờ giấy trăm. Chàng lác đầu, từ chối:

— Thưa thím, cháu không dám nhận món tiền này đâu. Trong những tháng tới, chú thím cần tiền nhiều hơn cháu. Vả lại, tiền lương dậy kèm trẻ tháng vừa rồi cháu hãy còn đủ để chi phí dọc đường.

— Đâu có là bao mà cháu phải thác mắc. Cháu cứ cầm lấy đi cho chú thím yên lòng. Nhà

tránh mưa. Khổ một nỗi, con tàu “há mồm” dùng trong những vụ hành quân đổ bộ, nên không có mái che mưa. Nước mưa đọng từng vũng lớn dưới sàn. Mạnh mệt mỏi, chen vào đám đông, rồi ngồi phệt xuống sàn tàu bên cạnh hai người con gái mà chàng mới gặp. Mưa trên, ướt dưới. Giữa mùa hè mà Mạnh cảm thấy khí lạnh thấm dần vào đến tim chàng. Chàng run cầm cập, vì lạnh, vì đói, vì thiếu ngủ, vì nhớ thương. Cô chỉ nhìn chàng ái ngại cho một cậu thanh niên tỉnh thành không quen đội nắng lội mưa. Cô em vội nắm tay chàng, nửa như muốn tìm một chỗ bầu vịu giữa cơn bão tố, nửa như muốn truyền hơi nóng từ thân hình bé nhỏ của mình cho một ân nhân đã giúp mình trong lúc khó khăn. Mạnh cảm động nắm bàn tay bé nhỏ ấm áp.

— Anh tên là Mạnh, em tên là gì?

— Cháu tên là bé Ngo. Chị cháu tên là Chị Hoi.

— Bé Ngo đáng yêu quá, đáng yêu như bé Thúy của anh vậy.

— Cậu cũng đáng yêu như Chị Hoi cháu vậy.

Hoi đỏ mặt. Nàng máng át bé Ngo:

— Con bé này! Lớn rồi, phải ăn nói cho có phép tác chứ.

Tàu càng ra xa ngoài khơi, gió thổi càng mạnh, mưa càng nặng hạt. Sóng vỗ ầm ầm vào thành tàu. Con tàu chao lên chao xuống. Sau hai tiếng đồng hồ vật vã với sóng, với gió, con tàu tiến vào vịnh Hạ Long. Cơn giông tố cũng dần dần tan đi. Nước vịnh trong suốt đến tận đáy. Mặt biển xanh một màu cẩm thạch. Lăn tăn gợn sóng như mặt hồ mùa thu, làm Mạnh nhớ tới bài thơ Le Lac của Lamartine. Chàng buồn rười rượi nhìn ra ngoài, chiêm ngưỡng cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ nhưng đầy nét thanh bình khó tả.

Con tàu “há mồm” từ từ kẹ vào một chiến hạm Mỹ. Mọi người được lệnh leo lên cái thang móc bên hông chiếc tàu lớn. Họ ngại ngần nhìn lên cái thang cao vợi vợi với một kiến trúc rất sơ sài. Nó thích hợp với khả năng leo chèo của các lính thủy Mỹ hơn là những người dân quê Việt Nam bé nhỏ. Nhưng trong thế bó buộc, tất cả mọi người di cư, cũng đành phải lếch thếch vượt cái chướng ngại vật quân sự đó. Nhớn, bé, già, trẻ, cố gắng leo thang, với những cái bô, cái thúng, cái bị đựng mớ gia sản nghèo nàn đè nặng lên đầu, hay lên đôi vai gầy guộc.



Ba người cuối cùng sửa soạn rời con tàu “há mồm” là hai chị em Hoi và Mạnh. Bé Ngo rất quen việc lội ruộng, mót lúa và mò cua bắt ốc, nhưng chưa bao giờ trong đời cô bé này phải leo chèo như lính Mỹ. Nó sợ hãi nhìn cái thang cao hơn bốn tầng nhà. Hoi khẩn khoản nhìn Mạnh. Chàng bắt đầu lên cơn sốt, chân tay run lẩy bẩy, thân thể nóng hừng hực như một lò than, nhưng chàng thấy việc phải làm, đành phải cố gắng. Chàng cúi xuống, nhẹ nhàng nói với Ngo:

— Này, em Ngo! Bây giờ em cứ coi anh là người anh đi. Vậy em có tin anh không?

— Có chứ. Ngoài chị Hoi ra, cháu không tin cậu thì còn tin ai nữa đây.

— Thế thì tốt lắm. Bây giờ, em ghé vai anh, ôm chặt cổ anh, rồi nhám mát lại. Anh sẽ công em lên tàu. Đừng sợ gì cả.

— Thế còn chị Hoi? Cậu có công không? Nghe thấy em nói hơi sỗ sàng, Hoi vội vã trả lời câu hỏi hồn nhiên của con bé:

— Chị leo lên một mình cũng được. Không sao cả. Em đừng lo. Đây này, chị leo lên trước cho em xem. Rồi cậu Mạnh sẽ công em lên.

— Thế còn còn gói quần áo và bị đồ đạc này thì sao?

Mạnh vội trả lời bé Ngo:

— Cái đó thì dễ thôi mà. Sau khi anh công em lên tàu rồi, anh sẽ xuống mang lên hết cho em.

Mạnh là một thanh niên tỉnh thành, bây giờ phải cố gắng hì hục làm hết nhiệm vụ của mình như đã hứa với một em bé quê, như một hiệp sĩ thời Trung Cổ Tây phương. Chàng vừa

chật hẹp.

Khu “nhà” của hai chị em Hời – lẽ dĩ nhiên cũng là khu “nhà” của Mạnh – chỉ là một góc trên sàn tàu. Nhưng là một góc tương đối quang đãng thoáng khí, và cũng là một nơi dễ bị “mưa sa” thăm viếng nếu cánh cửa sắt mở ra phía boong tàu không đóng lại khi trời mưa. Lúc mới bước chân lên tàu, tuy mưa bão mịt mù, nhưng không ai muốn đóng cửa để chặn mưa gió, vì mọi người vẫn còn muốn sống trong cảnh “mênh mông giữa đồng lúa chín.” Thực ra người Việt Nam nào ở trong một phòng kín đầy người cũng rất sợ đóng cửa vì nó gợi cái ám ảnh tù đầy điều đứng.

Thời gian chậm chạp trôi. Con tàu cũng bình thản trôi theo thời gian. Qua Vinh, rồi tới Đồng Hới. Sáng nay Mạnh đã bình phục hẳn, nhưng lòng buồn với vợ như con chim non lạc tổ, đang cần một chỗ đậu, chỗ bầu vịu. Hời cũng cảm thấy lòng mình lắng xuống khi nhìn chàng thanh niên Hà thành với nét mặt rầu rĩ. Nàng bèn rủ chàng ra chơi ngoài boong xem mặt trời lấp ló trên đỉnh dãy núi Trường Sơn. Dãy núi màu lam nhạt nhấp nhô chạy dài ở tận chân trời. Hai người đứng dựa khuỷu tay lên lan can tàu, nhìn những đám mây trắng như bông điểm vết hồng lửng lơ bay về phía đất liền.

Đứng cạnh Hời, giữa cảnh bao la, Mạnh bắt đầu cảm thấy như tâm hồn đang được dịu vào trong một thế giới êm đềm kỳ diệu. Chàng nhìn trời, nhìn biển, nhìn dãy núi màu lam ẩn hiện trong sương mù sớm mai. Rồi chàng quay lại nhìn cô bạn đồng hành. Hôm nay Hời đã bỏ cái khăn mỏ quạ bịt trên đầu, và đã thay cái áo nâu rách vai bằng một cái áo vải “phin” trắng nõn. Chàng không ngờ cô gái quê này lại có một vẻ đẹp quyến rũ đến như thế. Chàng say mê nhìn khuôn mặt trái xoan rực rỡ dưới ánh nắng sớm mai, nhìn nụ cười hồn nhiên nở trên đôi môi hồng thắm, nhìn sợi tóc đen cuộn cuộn chảy xuống đôi vai tròn trĩnh. Chàng buột mồm:

— Hời đẹp quá!

Hời thẹn thùng, vội quay mặt ra nhìn phía sóng biển.

— Anh quá khen em.

— Anh nói thật đấy. Hời đẹp hơn mấy cô mình tinh mần bạc mà anh đã nhìn thấy trong xi-nê. Cái vẻ đẹp của Hời thùy mị và hồn nhiên,

LÊ THỊ KIM KỶ NIỆM

Em đã hương rồi

Nhưng tất cả không rơi

Kỷ niệm vẫn bồng bềnh như sóng biển

Sân trường cũ... và ngày xưa hoa tím

Thoáng mưa buồn...

vài giọt thả long lanh

Giọt nào anh

Giọt nào em

Giọt nào bão tố

Giọt nào nụ hoa

Giọt nào tình mộng

Giọt nào tình xa...

Nước mắt vỡ òa

Tan cơn mộng cũ

Trời mưa thổi thổi

Em – về – với – Em.

ít cô đầm nào sánh kịp.

Hời đứng yên, không nói gì. Hình như nàng thầm nhận lời khen thành thật của Mạnh. Gió biển tiếp tục nhẹ nhàng luồn vào tóc nàng. Thời gian như ngừng trôi. Đôi trai gái mới nhón lên chưa có kinh nghiệm yêu đương chỉ biết yên lặng đứng nhìn nhau và nhìn trời xanh và biển cả. Họ đang sống một mình trong thế giới riêng biệt và mầu nhiệm của tình yêu mới chớm nở thuở ban đầu. Con thuyền tình vẫn tiếp tục trở chàng Tristan và nàng Iseult về với định mệnh.

— Anh Mạnh và chị Hời đứng làm gì mà ngây người ra nhìn nhau vậy?

Hai người bừng tỉnh, vội đứng xa nhau ra, và đồng thời quay lại nhìn bé Ngọ đang đứng trước cửa khoang tàu. Để che dấu sự ngượng ngùng, Hời vội vàng nói với đứa em gái tinh nghịch:

— Ngoài này mát mẻ hơn trong đó. Bé Ngọ hãy ra đây hứng gió cùng với anh chị.

Hời thốt ra hai tiếng “anh chị” một cách rất là tự nhiên và dịu dàng. Tiếng nói chân

Côn luân nô

LÊ MẠNH HÙNG dịch từ *Thái Bình Quảng Ký*

Đời Đại Lịch nhà Đường có một chàng họ Thôi, bố làm quan lớn. Bố chơi thân với một vị huân thần đứng vào hàng nhất phẩm của triều đình. Chàng Thôi lúc đó lên kinh học, bố sai đến viếng thăm vị nhất phẩm lúc đó đang mắc bệnh. Thôi sinh còn đang tuổi thiếu niên, dung mạo như ngọc, tính tình nhân tĩnh, cử chỉ lịch sự, lời ăn tiếng nói thanh nhã. Khi đến viếng thăm, nhất phẩm sai kỹ nữ cuốn rèm, triệu sinh vào nhà. Sinh bái lạy nói lại mệnh cha. Nhất phẩm vui vẻ đón nhận, mời ngồi nói chuyện. Lúc đó có ba kỹ nữ đứng hầu, nhan sắc đều là hạng tuyệt đại giai nhân cả. Kỹ nữ mang đào ngâm, tưới nước cam lộ bỏ vào trong bát vàng dâng lên. Nhất phẩm bèn sai một ả kỹ nữ mặc áo hồng cầm một bát vàng mang mời sinh ăn. Sinh vốn tuổi trẻ, thấy gái đẹp thì thẹn cứ bẽn lẽn không ăn. Nhất phẩm bèn ra lệnh cho ả kỹ áo hồng lấy thìa súc mời. Sinh bắt đắc dĩ phải ăn. Bấy kỹ khúc khích cười. Sinh bèn cáo từ ra về. Nhất phẩm nói:

- Nói với lang quân là lúc nào nhàn tản, hãy đến đây chơi, đừng để lão phu mong đợi.

Rồi ra lệnh cho ả kỹ áo hồng đưa tiễn ra ngoài viện.

Ra khỏi, sinh quay lại thấy kỹ đưa tay làm hiệu, chỉ ba ngón tay lên trời, sau đó xoè bàn tay ra ba lần rồi quay tay lại chỉ vào tấm gương nhỏ trước ngực rồi nói, nhớ lấy. Sau đó không nói gì hết.

Sinh về, nói lại ý của nhất phẩm rồi lại quay trở về học viện. Thần mê ý đoạt, nhan sắc rầu rĩ, không nói không rằng. Lúc nào cũng bồn thần, bỏ ăn bỏ ngủ chỉ suốt ngày ngâm một bài thơ:

*Ngộ đáo Bồng sơn đỉnh thượng du
Minh đang ngọc nữ động tiên mầu*

*Chu bi bán yểm thâm
cung nguyệt*

*Ứng chiếu quỳnh chi
tuyệt diễm sâu*

(Dịch nghĩa: Ngẫu nhiên đi chơi lạc lên đỉnh núi Bồng Lai; ngọc nữ đeo vòng lông lánh cặp mắt tiên động lòng; cánh cửa son đóng một nửa che khuất bóng trăng tạ thiên cung; chiếu vào cảnh hoa quỳnh đẹp trên tuyết làm người ta buồn)

Tả hữu không hiểu ý chàng là gì cả. Bấy giờ, trong nhà có tên người làm da đen (Gc: Đời Đường những nô lệ da đen thường được mua



đây dưới hoa để cỡi cái vòng ngọc; Mây biếc bay đi cát đứt hết thư tín; một mình ngồi dựa tấm rèm ngọc, chim phượng hoàng buồn)

Lúc đó những thị vệ ai cũng ngủ hết, chung quanh tịch không tiếng động. Sinh bèn vén rèm lên bước vào. Hồi lâu, ngược mắt nhìn lên thấy sinh, kỹ vội nhảy xuống giường, nắm tay sinh nói:

- Biết lang quân thông minh đỉnh ngộ tất hiểu ẩn ngữ. Sở dĩ phải làm như vậy là vì không biết lang quân có thần thuật nào để có thể vào tới đây.

Sinh bèn kể chuyện Ma Lạc bày mưu ra sao; công mình như thế nào để có thể đến được. Kỹ hỏi:

- Ma Lạc nay ở đâu?

Sinh trả lời:

- Ở bên ngoài rèm.

Bèn mời vào, lấy chén vàng rót rượu mời uống rồi kỹ nói với sinh:

- Thiếp vốn con nhà giòng dõi, quê ở phương Bắc. Chủ nhân cầm cờ tiết (tức là quan tư lệnh quân đội tại vùng) ép phải làm tỳ thiếp, không có can đảm để tự tử, đành cố sống thừa. Ngoài mặt tuy bôi son trét phấn, nhưng bên trong đầy phiền muộn. Tuy sống trong cảnh cảnh vàng lá ngọc, nhưng đó không phải là ước muốn, mà chỉ coi như là xiềng xích mà thôi. Kể trợ thủ của chàng đã có thần thuật, chắc hẳn có thể giúp cho thiếp thoát ra khỏi vòng lao lý này. Nếu đạt được sở nguyện đó, có chết cũng không hối hận. Nguyên xin làm nô bộc cho chàng, hầu hạ quang dung. Không hiểu ý lang quân ra sao?

Sinh trầm ngâm không nói. Ma Lạc nói:

- Nương tử đã kiên quyết như vậy thì đây chỉ là chuyện nhỏ.

Kỹ vui mừng. Ma Lạc bèn bảo hãy đem đồ tư trang, quần áo của kỹ ra trước. Phải làm như vậy đến ba lần mới hết; sau đó bảo hai người:

- Hãy đi ngay, sợ chậm nữa thì trời sáng mất.

Rồi công cả hai người, phi thân vượt qua mười lớp tường cao ra về. Đám bảo vệ trong nhà nhất phẩm hoàn toàn không hay biết gì hết. Sinh bèn đưa cô gái về học viện ẩn tránh.

Đến sáng, nhà nhất phẩm mới biết chuyện, lại thấy chó bị chết. Nhất phẩm kinh hãi nói:

- Nhà ta từ trước đến nay, môn tường lúc nào cũng nghiêm mật, nay cửa khóa còn chắc

chắn, tựa như là phải biết bay mới vào được. Đây chắc hẳn phải là hành động của đám hiệp sỹ vậy. Thôi đừng để lộ ra tai tiếng ra, có khi còn chuốc họa thêm vào thân.

Cô gái ở nhà Thôi sinh được hai năm, nhân ngày hội hoa, mới đi xe nhỏ ra Khúc Giang xem hoa, bị người nhà của nhất phẩm trông thấy nhận ra. Người nhà trở về bạch với nhất phẩm. Nhất phẩm ngạc nhiên, cho triệu Thôi Sinh đến hỏi cho ra nhẽ. Sinh sợ, không dám dấu diếm, kể hết đầu đuôi. Nhất phẩm nói:

- Thị kia bỏ trốn là có tội nặng, nhưng đã ở với lang quân mấy năm, ta cũng không hỏi đến nữa. Nhưng ta phải vì thiên hạ trừ hại.

Bèn ra lệnh cho giáp sỹ năm chục người, mang binh khí đến vây nhà Thôi sinh lệnh bắt Ma Lạc. Ma Lạc bèn cầm trủy thủ, phi thân vọt lên tường cao, tựa như có cánh vậy, mau lẹ chẳng kém chim ưng. Lính bán tên lên như mưa, nhưng không làm sao trúng được. Rồi chỉ trong nháy mắt không thấy đâu nữa. Không biết đi đâu. Cả nhà Thôi sinh đều kinh ngạc hãi hùng. Sau nhất phẩm cảm thấy hối sợ, mỗi đêm khi ngủ đều sai gia đồng cầm kiếm kích bảo vệ. Cứ như vậy cả năm mới hết.

Mười năm sau, nhà Thôi sinh có người gạp Ma Lạc bán thuốc ở chợ Lạc Dương dung mạo vẫn như xưa.

Washington DC
14/7/2003

SAVE MONEY!

Vietnam 55¢
Per minute

Dial :

10-15-335-011+84+City Code+Your #

After Prompt:

Enter Activation Code: 230509

On your 1st Call

* No Switching Long Distance

* No Monthly Fee

* 10 minute Minimum.

Mobile Rate: 59¢

For Other Country Rates Call: (310) 207-0094

hiếu tại sao. Bây giờ thì tôi hiểu, hiểu rất rõ. Nhớ lại cái tuổi thơ ngây, khờ dại, tôi thấy tôi thật đáng buồn cười hơn đáng trách.

Anh chị Bảy, tức anh chị Tiềm, thành đôi vợ chồng không cưới hỏi. Miễn lễ chạm ngõ, miễn lễ rước dâu, chỉ có giấy giá thú trình hội đồng Nhân Dân xã. Thời kỳ Kháng chiến mà! Ông anh rể, anh Huỳnh, chồng chị Tiềm, vốn con cùng cha khác mẹ của ông Phương, vốn là Giám đốc sở Thuốc Nha Trang. Thế cũng được. Anh Huy làm Biện lý toà án Nhân Dân tỉnh Bình Định. Anh được một gái đầu lòng là Quỳnh Như, rồi con thứ hai tên Tín, không may mất sớm. Anh Huy đã có một người con gái, tên Tường Vi, mẹ mất sớm, tục huyền cùng chị Tiềm.

Chị Liêm, tức chị Tám, cũng theo chồng không cưới hỏi ruộm rà, vì chị sống trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp “chống Mỹ cứu nước.” Hôn nhân trở nên bình thường, vì không ai đòi hỏi lễ vật, cũng chẳng ai có đồng ý chấp nhận cuộc hôn nhân hay không. Con trai đạt đâu, con gái ngồi đó. Tôi nghĩ, thời đó, chỉ có bánh kẹo, nước trà là xong. Tiệc cưới đã chiến.

Giờ tôi phải nhắc tới hôn nhân chị Đạm, tức chị Chín

Số chị Đạm là người lận đận. Chị không được chị dâu tức chị Vinh, vợ anh Sáu thương yêu từ ngày chị về làm dâu. Chị ăn nhờ ở đậu ngay từ lúc chị còn ở thành phố Nha Trang. Chị Vinh thường nói ra nói vô những khi chị Đạm không có mặt ở nhà. Chị Vinh vốn tính người không được rộng rãi, thường không bỏ tiền ra mua những bánh trái vật dụng để rồi khi ở nhà chỉ còn hai vợ chồng, chị đem ra cùng ăn. Thường mỗi buổi sáng, tôi cũng như bao nhiêu người khác kể cả chị Đạm đều nhìn đối trước khi đi học. Chỉ được ăn bữa ăn trưa. Và bữa tối.

Vào năm 1954, nhân hiệp định đình chiến miền Nam miền Bắc, một số gia đình cộng tác với Cộng sản nằm vùng, ra Bắc trở lại, trong số đó có Nghị. Nghị, còn gọi Lộc, là bạn trai, là người yêu của chị Đạm. Gia đình tôi tỏ vẻ không bằng lòng, vì Nghị không gia đình, không cật ruột, tứ cố vô thân, “sans cordon ombilical.” Mối tình vô vọng ấy, rồi cũng nguôi ngoai dần. Rồi chị Đạm quên. Rồi chị bị tù. Bị cải huấn mất hai năm. Chị hoạt động bí mật... nằm vùng với bọn họ trên núi. Chị được cha mẹ bằng lòng với anh San, vốn là đồng chí đồng hướng

HAI MƯƠI BẢY NĂM

TRẦN VĂN LỆ

*Chị Ba đứng nhìn trời. Chiều.
Mấy hạt mưa rơi. Năm nay Thu về
sớm. Chị Ba nhìn xa xôi...*

*Xa xôi là mấy dặm? Xa xôi là
chỗ nào? Quê Hương thì thăm thẳm.
Chị trả lời em đi!*

*Buổi chiều. Trời mây chì. Xám
đen vùng biển Bắc. Tôi thương sao
đôi mắt của Chị Ba. Buồn hiu...*

*Vài chiếc lá vàng rơi xuống mặt
sân. Lạnh lạnh. Vườn nhà tôi quạnh
vắng, đôi quạ không bay về.*

*Chị Ba đang nhớ quê, hay nhớ
ai hồi trẻ? Tôi nghe lòng ứa lệ. Chiến
Tranh Hòa Bình ơi!*

*Hai mươi bảy năm rồi... kể từ
ngày ngưng chiến. Hòa Bình là khói
quyện những vòng nhang nhớ
thương...*

*Chiều mưa bay như sương. Chị
Ba, tay vén tóc. Hình như là Chị
khóc. Tóc Chị dài giọt mưa...*

*Tôi vào nhà, làm thơ; Chị còn
ngoài hiên lạnh. Giọt mưa trời lóng
lánh trong ánh đèn hoàng hôn.*

*Thơ tôi không có hồn mà chảy
dài như suối. Câu hỏi nãy tôi hỏi,
Chị Ba không trả lời!*

*Quê Hương là tuyệt vời như Chị
Ba tôi chứ? Chị vẫn hồng môi nụ,
sao chiều mưa tái tê...*

phải cát ngang, bỏ dở.

Trải một thời gian khá lâu, tôi đoán chừng tôi không còn bị chống đối vì cuộc tình đó nữa. Cho đến một tối, sau khi cơm xong, anh tôi mặc áo sơ mi trắng, quần dài xám đóng thùng. Hai mẹ con lạng lẽ đi qua nhà bên. Tôi chỉ đoán chừng hai người qua nhà cô láng giềng, chỉ đoán chừng để lo việc hôn nhân hai... đứa. Một lát sau, hai người ra về, tôi cũng chỉ đoán chừng... không có việc gì trục trặc xảy ra. Tôi cũng không hỏi.

Vậy mà tôi vẫn chưa được phép đưa xe chở Hoa đi chơi!

Mỗi khi Hoa đi chơi cùng chúng bạn, tôi chỉ biết nhìn theo, đưa mắt nhìn. Tôi nhớ, dạo nọ, khi anh Thu và anh Thọ, hai anh em con cô con cậu mời thím Tám và hai em gái cùng đi ăn cưới ở tận thị trấn B' Lao. Khỏi phải nói, cả hai chúng tôi đều muốn ở nhà cả hai. Và cũng khỏi phải nói, bà mẹ vợ tương lai của tôi đời nào lại chịu chấp nhận cung cách giả vờ ở nhà như thế? Đến ngày đi B' Lao, Hoa giả vờ nhuộm bệnh, ngỏ ý muốn ở nhà. Lập tức, bà mẹ vợ ra lệnh:

“Không ai được ở nhà hết. Đi là phải đi tất cả.”

Dự án coi như hỏng, hư bột hư đường. Bà còn nhờ vả tôi coi chừng, giữ nhà giùm, đừng cho trẻ con phá phách, hái trộm cây trái thanh long, mãng cầu, và nhất là hái trộm dứa xiêm. Bà đi nhiều nhất nửa tháng là về. Tôi chỉ biết vâng vâng dạ dạ, Bụng buồn... còn muốn nói năng chi...

Một hôm nhằm ngày lành tháng tốt, mẹ tôi và gia đình tổ chức đám hỏi cho tôi. Chúng tôi rủ nhau (lần đầu tiên à ghen) ra phố chợ mua một trăm hộp bánh biscuit, một khay trầu và một buồng cau trăm trái. Chúng tôi tuần tự thay nhau đi biểu họ hàng bà con cô bác.

Chúng tôi chọn ngày cưới nhằm ngày hai mươi lăm tháng mười hai, lo in thiệp cưới tại nhà in Mỹ Tín, đường Phan Bội Châu, lo mời các anh chị em bà con. Trước tiên tôi gửi thiệp mời anh chị Ba Thuyên, vợ chồng anh chị Bảy, vợ chồng anh chị Chín và sau cùng vợ chồng anh chị Sáu, tất cả đều đầy đủ bộ sậu. Vợ chồng chị Liêm, tôi không thể gửi, vì non sông ngàn trùng cách trở.

Trước ngày cưới một ngày, tôi không thấy tin tức thăm hỏi gì của các anh các chị. Thư từ

báo tin, những chuyến xe về Nha Trang cũng không. Im lặng là không trả lời. Im lặng là phản đối. Chị Tiềm phản đối bằng cách cho biết vào ngày cưới, tình địch sẽ xách súng tới bắn! Còn anh San, tức anh rể thì phản đối bằng cách:

“Ai lại kêu chị Tám bằng má? Nghe không được.”

Nghe không được, rốt cục, phải được. Ban đầu, mẹ tôi không bằng lòng, rốt cục, bằng lòng. Sau ngày đám cưới, tôi đưa vợ tôi vô Sài Gòn, chào hỏi giới thiệu anh chị Ba, anh chị Tiềm, anh chị Chín. Dĩ nhiên các anh các chị ấy không thể không tiếp đón. Cũng vui vẻ thôi.

Bốn mươi năm trời, vợ chồng tôi về Việt Nam, mục đích để dựng vợ gả chồng cho đứa con trai đầu lòng. Chúng tôi cũng không quên, không dám quên mời các anh các chị về dự ngày vui của cháu. Vào tháng này, trời mưa, trời bão và... lụt! Anh chị Sáu tham dự. Chị Liêm về dự. Anh chị Đạm về dự. Riêng chị Tiềm không về và cũng không dự. Tôi không biết nguyên nhân nào. Và tôi cũng không biết vợ chồng các anh các chị có gợn một chút ân hận nào về chuyện không dự ngày vui của chính tôi ngày trước hay không. Lẩn thẩn, tôi liên tưởng đến bức thư chị Đạm gửi về: “Một đứa chưa có gia đình mà nhờ lo đám cưới.” Tôi nghĩ một đứa ấy là cháu Tâm. “Chị nhớ ngày xưa ngoại hay nói: không có chó bắt mèo ăn cứt.” Riêng tôi, tôi vẫn chưa quên ngày trước, khi chị Tiềm về Việt Nam, chị nói chị sẽ đi thẳng về Nha Trang luôn, không cần ghé lại Sài Gòn chi cho mất thì giờ. Sài Gòn chẳng có gì vui, quyến rũ. Bây giờ thì chị ấy sẽ bắt buộc ghé Sài Gòn nhờ giúp một tay dựng vợ gả chồng cho cháu Hiếu trước khi về Nha Trang hưởng thú trăng thanh gió mát.

Tôi nghĩ đến câu ca dao nửa vời “sự đời nghĩ cũng nực cười” của chị Đạm. Tôi nhớ từ ngày còn nhỏ, tôi có đọc một bài ca dao của Thượng Chi tức Phạm Quỳnh biên soạn: “Sự đời nghĩ cũng nực cười, một con cá lội, mấy người buông câu.” Rồi tôi cũng nghĩ đến bài ca dao bỏ lửng nửa vời “sự đời nghĩ cũng nực cười, một anh dạm vợ nhận lời trầu cau” để chấm dứt lá thư giai kết hoàn nguyên (cũng là giai kết gẫy) mà thăm thía./.

Santee, mùa trăng 2003

HÙNG SƠN

JEWELRY. INC.

SINCE 1950



ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES

G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600

(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim